

việtnam DANH TÁC

VŨ BĂNG

ĐÔNG

ĐÔNG

ĐÔNG

ĐÔNG

ĐÔNG



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Nhiều người hiện nay thiên về khoa học vật chất cho rằng linh hồn, ma quỷ hay những điềm báo trước đều là những sự tưởng tượng bịa đặt ra để mê hoặc lòng người, để lợi dụng những người cả tin. Sự thực trái hẳn: ngày nay có nhiều nhà tri thức, bác học tin rằng ngoài đời sống hiện tại của chúng ta, còn có một thế giới vô hình mà chúng ta chưa hiểu thấu được.

Chép lại câu chuyện Bóng Ma Nhà Mẹ Hoát mà các bạn sắp đọc đây, tôi chỉ làm công việc của một nhà soạn tuồng Hy Lạp khi xưa, của những nhà văn La Mã, của tác giả “Ursule Mirouet” cũng như biết bao nhiêu các nhà văn hiện đại Âu – Á khác; để ghi lại một ít hiện tượng và sự việc thuộc về tâm linh.

Tôi chỉ thuật lại câu chuyện mà các ông già bà cả ở đây nhất là ở xóm Bến Nghé cũ, chạy dài từ khu Chợ Quán tới Hiên Trung Tự và Cơ Xưởng Thủy Quân (bây giờ là khu Trần Hưng Đạo, Lý Thái Tổ, vòng thành Ô-Ma) vẫn còn nhắc nhở tới mỗi khi kể lại chuyện “Sài Gòn ngày trước”...

Vũ Bằng

Trích từ tập truyện Ma Việt Nam “Đêm Bướm Ma”

Toàn Lê & Tam Linh đánh máy.

Chương Một

Quả tình đến tận lúc bấy giờ tôi mới biết Trần Hữu Lăng là người Nhật .

Giao thiệp với ông ta mười một năm trời, tôi cũng như bao nhiêu bạn bè khác đều yên trí Lăng là người Miên lai các chú, rồi làm ăn giàu có ở Cam Bốt, rồi vì lý do gì đó trở về đây để sống một cuộc đời yên ổn. Chính vì thế điệu bộ hơi ngờ nghệch, cái giọng lơ lớ không ra Tàu không ra Việt của ông không làm cho người nào trong bọn chúng tôi phải lấy làm ngạc nhiên.

Lăng ít nói, ngồi chuyện trò ở chỗ đông người thường thường chỉ cười tán thành, ít khi chống đối ai. Nói cho đúng ai cũng thương ông và công nhận ông là người thật thà. “Mà lại hiền lành tề!”. Nhưng cũng như hầu hết người hiền lành khác, Lăng có tính cục. Tôi còn nhớ một hôm ngồi nhậu với nhau ở hàng hiên nhà một người bạn, chỉ vì một câu đùa cợt không đâu, Lăng không tiếc lời chửi rủa một người bạn đã nói rằng y mê gái và định lấy con gái một chủ vựa cá ở Cầu Ông Lãnh.

Lăng trợn mắt la lên:

- Tôi lấy con gái một người bán cá? Không đời nào. Nhất định là anh lầm rồi!

Thấy Lăng đỏ mặt, tía tai, tỏ ra tức giận, người bạn chọc thêm:

- Thôi mà, chỗ anh em thân cả, việc gì mà phải giấu. Chính bố cô ta đã nói thế với bà con họ hàng. Thêm một lẽ nữa, nói ra anh phải chịu, không cãi vào đâu được. Ba Quầy, tức là bố cô gái, làm gì có tiền để mở vựa cá? Tiền ấy, cả làng biết là của anh ...

Tuyệt nhiên không biết là bạn bè chọc mình trong lúc ngà ngà say rượu để anh em vui vẻ với nhau, Lăng cầm ly rượu ném xuống đất, đứng lên, nhất định không uống nữa.

- Tôi không thể ngồi với một người vu cáo tôi như thế.

Anh em xúm lại khuyên can giải thích đó chỉ là chuyện cà giỡn cho vui, nhưng Lãng nhất định không quan niệm anh em bè bạn với nhau lại có thể cà giỡn một cách độc ác và vô duyên như thế. “Đó là mạ lỵ nhau, đó là vu cáo!”. Chưa hả giận Lãng còn đập bàn ghế om sòm và muốn xông lại đánh người bạn vừa nói giỡn một câu vô ý thức. Những lúc đó, Lãng không còn là một người hiền lành, ngơ ngẩn như người ta vẫn tưởng, nhưng quả là một con thú dữ muốn nhảy vào con mồi để nuốt sống ăn tươi.

Sau đó, một số người cho là tại rượu. Một vài người khác lại cho là ở đời vẫn có một loại người như thế: bất cứ việc gì cũng cho là quan trọng và không thể để cho ai đùa giỡn mình về bất cứ phương diện gì.

Nhưng ý kiến của hạng sau chót này được coi như là có nhiều hy vọng đúng hơn hết: Lãng là người Miên lai các chú, nghĩa là người có 2 dòng máu; những người này tinh khôn, lẻo láo và khéo chiếm được lòng người ta mỗi khi thấy có lợi tinh thần hay vật chất cho mình, nhưng cái máu du mục và hiếu chiến của ông cha họ sống không kiềm chế trên núi cao, trong rừng rậm, thỉnh thoảng lại bùng lên trong huyết quản họ và do đó phụt lên những hành động mà chính họ không thể nào kiểm soát.

Nhưng muốn phê bình Trần Hữu Lãng cách nào đi nữa thì hầu hết anh em ở trong bọn chúng tôi đều phải công nhận rằng Lãng là “một người chơi được” vì anh thẳng tính. Mà phần đông những người thẳng tính là những người không phản bội. Đáng sợ là những người không có cá tính rõ ràng, lúc nào cũng tìm cách làm vui lòng tất cả mọi người để rồi đến khi xét ra cần phải lấy lợi cho mình thì giở mặt phản bội và nếu cần có thể giết người không thương tiếc.

Câu chuyện con gái ông chủ vừa cá ở chợ Cầu Ông Lãnh qua đi. Sự giao du giữa Lãng và chúng tôi, vì thế, vẫn nguyên vẹn không có gì thay đổi. Thường thường ngày nào chúng tôi cũng khề khà uống rượu và trò chuyện với nhau, khi ở nhà người này, khi ở nhà người nọ.

So với anh em khác, Lãng cũng có đồng ra đồng vào, nhưng kể vào lớp tuổi chúng tôi, Lãng tương đối là một người vất vả.

Anh đã bao nhiêu tuổi? Có lẽ đến năm mươi lăm, năm mươi sáu. Nhưng vóc dáng khoẻ mạnh, đôi mắt tinh tường và các bắp thịt tay rắn chắc của anh chứng tỏ anh hãy còn mạnh lắm. Chẳng thế vì công việc làm ăn, có khi anh phải đi xa đến bốn, năm ngày, hay một tuần lễ, vậy mà về đến nhà chỉ tắm rửa qua loa rồi nghỉ ngơi chừng một tiếng đồng hồ, anh lại tìm đến chúng tôi nhập bọn khê khà một hai chén rượu, có khi thức đến một hai giờ sáng vào bếp làm món ăn đưa ra nhậu mà không tỏ ra mệt mỏi.

Vào những lúc đêm khuya ngày rạng, anh em trò chuyện tâm tình với nhau như vậy, có lần tôi hỏi thật Lãng thỉnh thoảng đi xa như vậy là đi đâu. Lần nào, Lãng cũng trả lời:

- Đi ra Trung thăm nhà ở dãy Trường Sơn.

- Bộ anh làm rừng sao?

- Tôi vào dãy Trường Sơn có việc. Và tôi cũng có ý muốn gặp vài người bạn làm sơn, nhưng chưa đến. Tôi mà gặp họ, chắc chắn là anh em mình giàu to.

Sợ rằng hỏi thêm nữa sẽ mang tiếng tò mò, nhiều sự, tôi không hỏi thêm gì nữa.

Thế rồi chuyện căn nhà có bóng ma ở Chợ Quán xảy ra. Trần Hữu Lãng chết bất tử, sau khi ăn bữa tiệc tân gia ra về. Anh bị cấm khẩu liền khi ngã lăn ra ở trước cửa nhà tôi. Ba người chở anh đến bệnh viện cấp cứu, nhưng vô ích; anh chết dọc đường. Mà lạ là lúc chở anh vào nhà thương, bác sĩ khám nghiệm thì xác của anh tự nhiên đầy những vết nhỏ lặn tăn, có chỗ bầm tím, có chỗ rơm rớm máu như bị trăm ngàn miếng sứ, miếng sành cứa nát.

Vụ này làm cho tôi mất công đi lại cò bót mấy tháng trời. Nhà chức trách thậm vấn tất cả những người có mặt trong tiệc đó vì họ nghi ngờ là một vụ âm mưu cố sát, một vụ đầu độc hay trả thù gì ghê gớm lắm. Nhưng rốt cuộc chẳng ăn thua gì cả: cái chết của Trần Hữu Lãng, mặc dù hết sức bí mật, hết sức khả nghi, vẫn cứ chìm vào trong lãng quên như thường.

Mấy năm đã qua rồi! Trong thời gian đó, bọn anh em chúng tôi thiếu mất đi vài người: hai người chết, một người đi ra nước ngoài, còn một người nữa thì đứt gân máu, nằm một chỗ liền ba năm trời. Chúng tôi chỉ còn lại có bốn người, vẫn hội họp với nhau nhậu nhẹt và kể lại sự thương nhớ các bạn cũ cho nhau nghe và cùng buồn với nhau - chớ còn biết làm gì nữa? Cái thác nước nào lúc mới đầu chảy ở nguồn ra mà lại không dạt dào, dữ dội, gào thét góm ghê? Nhưng cái thác nào chẳng vậy, đến lúc chảy xuống thung lũng, đồng bằng nhập vào sông lớn sông con cũng hiền hoà êm dịu.

Chúng tôi đang sống một đời sống êm dịu y như những con chim nằm trong tổ thò đầu xuống để nhìn cái thế giới biến đổi trong nệm cỏ bóng cây, trong phấn hoa hương gió thì ông Ômya, một buổi tối lạnh trời, đến tìm đúng nhà tôi nói chuyện...

Chương Hai

Tại sao ông Ômya lại tìm đúng nhà tôi? Mà để làm gì chứ?

Thoạt đầu, thấy ông hỏi, tôi tưởng là ông lầm địa chỉ, nhưng sau thấy ông kêu rõ tên tôi, tôi nghĩ rằng ông tìm tôi để một là nói về câu chuyện làm ăn, hai là để kiểm chuyện lời thôi gì. Là bởi vì mặc dù tôi không quen ông Ômya bao giờ, nhưng tôi vẫn được nghe thấy bè bạn nói về ông rất nhiều mà phần nhiều câu chuyện đó lại đem lại cho những người Việt Nam biết suy nghĩ một ý niệm không lấy gì làm đẹp lắm.

Cũng như hầu hết người Nhật đến nước ta trong những năm gần đây, ông Ômya mặc áo sơ mi rằn ri, đội kết, đeo kính trắng, đi giày păng-túp và hai ống quần thì lưng thùng nhẵn nhúm che lấp cả mũi giày. Ở túi sơ mi, có ba bốn cây viết chì máy, còn ở vai thì đeo một cái máy có vẻ khá nặng, bảo là máy ảnh, máy thu băng, máy quay phim, hay là bảo là cái va li trong đựng áo mưa, bánh mì, rượu sake và cá khô đều được... .

Cử chỉ đầu tiên của ông làm cho ai cũng phải vừa lòng. Ông cúi rạp đầu xuống chào tôi. Mặt ông tỏ vẻ hiền lành thành thực làm người đối thoại vừa cảm động vừa thương mến. Tôi nói:

- Thưa đúng tên tôi. Mời ông vào trong nhà nói chuyện.

Vừa nhìn ông ngồi xuống ghế, tôi vừa tính sẵn ở trong óc cách đối xử cho thích hợp. Tôi tìm rất lẹ hai giải pháp để đối phó, vì tôi nghĩ ông đến tìm tôi không ngoài hai việc tôi đã nói ở trên kia. Nhưng nghĩ ngợi làm gì vô ích. Đối với cả mà hai đề nghị ông Ômya có thể đưa ra, tôi chỉ có một cách đối phó rất nhem là “từ chối”. Không, tôi cảm ơn ông lắm, nhưng rất tiếc tôi không thể làm vừa lòng ông được.

Mấy năm gần đây, trong lúc bom đạn làm banh da xẻ thịt đồng bào ta, chia càn xẻ lá đất nước ta, có một số người Nhật (có thể vì thương yêu dân tộc Việt Nam, nhưng cũng có thể vì yêu nước Mỹ) đã tìm đến những nhà

văn, ký giả có tên tuổi, hoặc những người am hiểu thời cuộc, thông thạo tin tức, hoặc những người có bà con thân thuộc còn ở xa chưa về... để điều đình nhằm tìm một giải pháp kết thúc chiến tranh.

Điều đình thế nào? Bằng tiền, nhưng có thể khôn khéo hơn một chút là hợp tác bằng cách một bên có công, một bên có của, để làm thương mại như buôn sắt vụn, khai thác cát trắng ở Nha Trang, Cam Ranh hay mướn đất ở thôn quê trồng chuối già xuất cảng.

Tất cả các dịch vụ đó chứng tỏ rằng họ rất tốt với người Việt nhưng riêng tôi thì “arigatô”, cảm ơn lắm lắm mà không dám.

Không phải tôi sợ họ. Không. Cái thần tượng mà tôi đặt ở nơi người Nhật lúc Thế Chiến Thứ Nhì chưa xảy ra vẫn nguyên vẹn, nhưng tôi không muốn dính tới họ vì lẽ tôi không muốn dính... Thế thôi... .

Tôi chờ ông Ômya ngỏ lời là từ chối tức khắc, không một, hai gì hết. Nhưng sau khi uống nước, hút thuốc và nghe câu chuyện của ông Ômya trình bày thì việc lại hoàn toàn khác hẳn. Quả là không ai đoán trước được đối tượng câu chuyện của ông. Ômya đến tìm tôi không phải vì chính trị, không phải vì thương mại, nhưng vì chuyện một người Nhật khác tên là Tôkubê.

- À, đến cái đó thì tôi nói thật là tôi chịu. Từ thuở cha sanh mẹ đẻ, tôi không hề biết một người Nhật nào tên thế. Quả là ông làm địa chỉ rồi.

Ông Ômya cười khẽ, một lát sau mới nói:

- Rất có thể. Nhưng trước khi đi thẳng vào vấn đề, tôi xin một điều: gạt bỏ hết thành kiến giữa người Việt và người Nhật, gạt bỏ hết thành kiến cho rằng một số người Nhật ở đây, lúc này, làm mật vụ dưới chiêu bài dân chủ tự do, mà coi tôi như là người lương thiện như hết thảy các người lương thiện khác.

- Ông khỏi lo chuyện đó. Bao giờ tôi cũng coi người da vàng là anh em, mà không những thế, tất cả mọi người đều là anh em nếu họ không hại đất nước tôi, không đầu tư mấy chữ tự do dân chủ để thôn tính đất nước tôi.

- Xong rồi. Bây giờ tôi trở lại câu chuyện người đồng bào tôi là ông Tôkubê. Tôi đến đây để hỏi thăm ông tin tức của người bạn đó, hoàn toàn không vì vấn đề gì khác, ngoài tình bạn ra. Là vì Tôkubê và tôi là bạn. Từ khi Nhật bại trận, tôi theo quân đội Thiên Hoàng về nước, đến nay mới có dịp trở lại đây, tôi không được tin tức gì của y, nhưng tôi nghe nói y đã chết, mà chết lúc ăn cơm uống rượu ở nhà ông ra.

- Tôi xin nhắc lại, tôi không ăn cơm uống rượu với bất kỳ người Nhật nào hết. Tôi thiết nghĩ không nên quay trở lại vấn đề đó làm gì nữa.

Ômya ngồi lặng thinh, không nói gì. Năm phút sau, ông mới móc túi áo trong ra lấy một cái bóp mở ra, lấy một tập giấy, lật đi lật lại rồi lấy ra một bức hình nhỏ đưa cho tôi. Vừa đưa, ông vừa nói:

- Đây là một bức hình chụp đã lâu năm, nhưng trông nét mặt, chắc ông cũng nhận ra được phần nào.

Mặc dù hết sức giữ gìn từng lời nói, từng cử chỉ trong khi nói chuyện với người khách lạ, tôi không ngăn được mình thốt ra một tiếng ngạc nhiên: ” Ừa, ông này... ”.

Ômya bình tĩnh nói, như không lạ về sự sững sốt của tôi.

- Vâng, bức hình này chụp đã lâu năm, chắc không giống vóc dáng gần đây cho lắm nhưng chính ông này là Tôkubê.

- Tôkubê? Tôi không biết. Tôi không sợ gì mà phải chối, nhưng tôi không biết ông này là Tôkubê. Tôi chỉ biết một người giống hệt thế này, nhưng già hơn một chút, mà tên Lăng - Trần Hữu Lăng.

Chương Ba

Thì ra Trần Hữu Lãng không phải là người Minh Hương lai Khor-me như anh em chúng tôi vẫn tưởng.

Trong một giây, tôi nghĩ ngay đến những chuyện bí mật ẩn náu sau vụ đổi họ cải tên này.

Như hiểu rõ tâm hồn tôi, ông Ômya nói:

- À! Ra là thế. Nhưng xét cho cùng thì cái việc Tôkubê lấy tên Trần Hữu Lãng và không cho ai biết cái quá khứ của anh ta, dù là đối với các bạn thân, cũng không có gì lạ hết. Các ông đã biết quá rõ ràng: Nhật thua trận Đồng Minh, một số người Nhật ở lại thành ra người “Việt Nam mới” và đổi tên họ để sống hoàn toàn như người Việt Nam. Trường hợp của Tôkubê y như vậy. Nhưng tôi đến đây không nhằm mục đích tìm biết điều đó, mà muốn được ông giúp một điều - một điều thôi: Tôkubê chết có phải đúng như biên bản của nhà thương và cò bót hỏi đó hay không? Và nếu ông rộng lượng hơn, xin cho biết thêm là Tôkubê tức Trần Hữu Lãng quen biết ông thực, ông ta có trời trần điều gì trước khi nhắm mắt không?

Tôi xin trình ông một điều: câu tôi vừa hỏi nhất định vừa hỏi là câu cật vấn, nhưng là một lời xin giữa một người da vàng với một người da vàng. Ông giúp cho tôi là mặc nhiên làm được hai việc thiện: một là giúp cho gia đình Tôkubê hiện giờ ở Nhật đang khắc khoải trông chờ tin tức của ông ta và hai là giúp cho tôi làm được một công việc có lợi cho đất nước tôi.

Tôi nói thế mà không sợ ông tiết lộ vì mặc dù nghề nghiệp của tôi nhiều khi phải giả dối và bóp méo ý nghĩ đi. Nhưng xin thề là trong vụ này tôi hoàn toàn tin tưởng lòng cao quý của ông và chủ trương nhân bản của ông.

“Tất cả những người nói khéo đều nguy hiểm. Mật ngọt chết ruồi”.

Tôi nghĩ thầm trong đầu. Và tôi hỏi:

- Ông vừa nói rằng gia đình Tôkubê tức Lãng hiện giờ đang khắc khoải chờ tin tức của anh ta. Câu nói ấy là thật hay phỏng đoán?

- Hoàn toàn thực. Trước khi sang đây, tôi có đến thăm gia đình anh nhiều lần. Tôi coi vợ anh ấy như em tôi, còn hai đứa con anh thì chính tôi dạy dỗ và giúp đỡ tiền nong học hành. Tôi nhắc lại là trong việc này tôi lừa dối ông không có lợi gì cho tôi hết.

- Tôi cũng tin như thế, nhưng theo chỗ tôi biết thì khác, gia đình của Lãng tức Tôkubê hiện giờ ở miền Trung, tại dãy Trường Sơn, và chính anh ta vẫn nói với tôi như thế. Thỉnh thoảng anh ấy vẫn ra Trung thăm nhà...

Ômya gạt đầu, hút một hơi thuốc lá dài, có lẽ như muốn thừa lúc kéo hơi thuốc để suy nghĩ một điều gì thật nhanh. Rồi nói:

- Không. Nói thế là sai, tôi đã hứa là hoàn toàn thành thật với ông, tôi xin giữ lời hứa đó. Trước khi đến đây, tôi đã ra Trung một tuần và tôi đã hỏi kỹ các nơi lân cận mà trước đây anh đã ở: Tôkubê không lấy một người vợ nào khác ngoài người vợ ở Nhật mà cũng không có thêm một đứa con nào dù là con nuôi. Tôi rất tin những lời ấy bởi vì đã nhiều lần Tôkubê thề thốt với tôi như vậy, sau khi anh đã bị vướng víu vào một chuyện tình thâm ái ở dãy Trường Sơn.

Nhưng đó là chuyện đã qua của một cá nhân quá cố, tưởng rằng không nên nhắc nhở lại làm gì.

Còn về việc ông ta thỉnh thoảng lại ra Trung, tôi nghĩ có lẽ là vì công việc khác mà anh ta giấu không chịu nói với bạn bè đấy thôi. Thực ra, giấu kín công việc đó cũng là hợp tình hợp lý, nhưng để chứng tỏ tôi tin ông đến bậc nào và lòng tôi thành thực đến ngần nào, tôi không sợ gì mà tôi không dám nói. Công việc của Tôkubê ở dãy Trường Sơn liên hệ đến cái kho tàng của quân đội Nhật sau khi thua trận. Chắc ông đã biết chuyện kho tàng đó ra sao rồi...

- Tôi chỉ nghe đại khái và không tin là có thật.

- Tin hay không là tự do của mỗi người. Nhưng riêng tôi thì biết chắc rằng có một số người Nhật có nhiệm vụ ở lại đây để canh chừng và trông số đó chỉ có một hai người biết rõ chỗ chôn giấu kho tàng ấy. Tôkubê là một trong số người hiếm hoi đó.

Bởi vì tôi với y là bạn nên tôi biết rằng y biết rất nhiều về các bí mật ấy nhưng bản đồ, tổng số bảo vật và cách thức xuống được kho tàng ấy thì chưa bao giờ y nói với ai. Nhưng cứ theo những lời thì thầm, đồn đại lén lút với nhau thì kho tàng ấy gồm những chiến lợi phẩm vô cùng quý giá mà một số sĩ quan Nhật đã tịch thu được ở Bắc Việt, Nam Dương, Mã Lai, Tân Gia Ba, Nam Việt, Hồng Kông... Vì chiến tranh tiếp diễn mỗi ngày mỗi ác liệt hơn, các quý vật đó không đưa được thẳng về Nhật, nên quân Nhật phải tạm chôn giấu ở các rừng cây, khe núi với hy vọng một khi trời đất yên lành thì sẽ khai quật để đưa về xứ sở.

Giá trị kho tàng ấy chừng bao nhiêu? Không ai biết. Nhưng theo lời các người Nhật “lô can” phục vụ trong quân đội Thiên Hoàng lúc đó với tư cách dân công phụ trách khuân vác trốn tránh mà về được đến cửa đến nhà, ở cuối dãy núi Trường Sơn, trong riêng một cái hầm cũng đã có cả trăm toa xe lửa bảo vật chia ra làm mười chuyến, mỗi chuyến mười toa.

Có người nói rằng chiến lợi phẩm ấy chôn ở nhiều hầm bí mật khác nhau: có cái ở ven biển, có cái ở chân núi, có cái ở trong rừng mà xuống được các nơi đó phải có bản đồ rõ rệt, nếu không sẽ bị rắn độc cắn chết thì cũng bị một chứng bệnh nguy hiểm không đi được nữa, nằm lăn ra rồi chết một cách khổ sở ngay tại chỗ.

Ông Ômya nghỉ một giây rồi tiếp:

- Tôi đến đây với hy vọng được gặp ông để hỏi xem ông có được Tôkubê tâm sự gì về cái kho tàng ấy trước khi y chết hay không...

- Thật quả không. Y không bao giờ nói cho tôi biết hết. Mà lúc chết y lại cấm khẩu ngay cho nên dù có muốn dặn bảo hay tâm sự điều gì cũng không thể được.

Chương Bốn

Nghe câu chuyện của ông Ômya, tôi bắt đầu có cảm tình vì không những ông đã cởi mở mà cái giọng ông nói, xét kỹ từng li từng tí, tôi thấy có phần nhiều thành thật. Nhưng tôi hơi buồn. Là vì lúc mới đầu nghe câu chuyện kho tàng bí mật của quân đội Nhật ở dãy Trường Sơn, không hiểu sau tôi nghĩ ngay đến cái chết của anh ta, nhưng tôi thất vọng. Và tôi nói thế với người bạn mới:

- Tôi thú thực với ông là cái chết của ông Lãng đã làm cho tôi thắc mắc cả mấy năm nay. Tôi không hiểu... Nghe ông nói, tôi đã hy vọng câu chuyện của ông sẽ đem lại cho tôi một vài tia ánh sáng, nhưng tôi suy nghĩ rồi ông Ômya ạ. Tôi không thấy cái kho tàng này liên quan gì đến cái chết của ông Tôkubê, và cũng không dính líu đến cái bóng ma ở nhà tôi, cái bóng ma mà ông Tokubê đã chửi bới và hăm dọa đâm chết.

- Ủa, sao lại có chuyện Tôkubê chửi bới bóng ma ở nhà ông?

- Chuyện đã xảy ra cả chục năm nay và có lúc đã làm cho tôi vất vả, đi đi lại lại ở các cửa công môn. Nhưng sau đó ít lâu, tôi đã quên đi rồi thì bỗng đâu ông bạn tới và nhắc lại tôi cái chết ấy mà tôi cho là bí ẩn chưa từng thấy. Lập tức tôi nghĩ đến chuyện chôn vàng, đào vàng có thần giữ cửa làm cho người tìm vàng bị chết đau đớn, nhưng bây giờ tôi nhận thấy rõ là Tôkubê chết không phải vì lẽ đó. Ồ, nếu không phải chết vì lẽ đó thì vì lý do gì mà lại chết bất tử như vậy? Chết cầm khẩu liên! Mà toàn thân lại trầy xước, bầm tím và rỉ máu ra như có trăm miếng sứ mảnh sành đâm chọc?

Ông Ômya, chắc ông muốn biết rõ cái chết của Tôkubê. Để tôi kể ông nghe chi tiết. May ra ông là bạn của Tôkubê sẽ có yếu tố để biết thêm và giải thích cho tôi hiểu câu chuyện phần nào, do đó đánh tan sự thắc mắc từng ám ảnh tôi trong nhiều năm nay.

Chương Năm

Câu chuyện đầu đuôi như thế này, có sao nói vậy, không thêm, không bớt.

Tháng 7 năm 1954, tôi di cư vào Sài Gòn, trong túi có bảy trăm bạc và một cái va li trong có hai sơ mi, hai cái quần. Trên đầu, có một nón nỉ và dưới chân có một đôi giày. Thực tình tôi ý niệm đó là một cuộc đi chơi, một vài bữa lại về. Trước đó, tôi đã đi mấy chục lần như thế; mang cái sự vụ lệnh ra lấy một cái vé máy bay đi Sài Gòn nói là đi “công tác” nhưng chính là đi chơi bởi bầy bạ và đánh bạc hết ở Đại Thế Giới lại đến Kim Chung, thua hết lại về rồi xoay được ít tiền lại đi.

Lần đó tôi cũng yên trí sẽ về rồi lại đi như thế thì xảy ra vụ quốc gia đánh Bình Xuyên. Ở một khách sạn đường Năng-xy, thấy ngọn lửa bốc lên ở chung quanh, tôi coi là trò đùa, không thu xếp đồ đạc chạy như người khác. Tôi khoanh tay đứng xem lửa cháy, và nghe súng nổ. Đến lúc cần phải lấy va li để ẩn vào một nơi tương đối yên ổn thì đã muộn.

Nhưng có một mình và còn nguyên vẹn cái đầu và hai bàn tay, có sợ gì? Tôi ở đâu chẳng được? Tôi ăn ở đâu chẳng được?

Hàng phố lên đèn đã thấy tôi đón một tắc xi vào Chợ Lớn ăn qua quít cái gì rồi tắt tưới vào sông. Tôi vốn “không có cái số đánh bạc” mười lần thì cả chín bận thua cháy túi, về nằm lăn “như thằng chết rồi” ở trên giường. Vậy mà không biết thần đồ bác phù hộ ra sao, kể từ hôm bị cháy hết cả va li quần áo thì đánh bạc lại được hoài: tài siu được, ru lét được, đến đêm về, rẽ xuống Ngã Bảy đánh xóc đĩa cũng được luôn. Mà được thế không phải một vài ngày, nhưng luôn trong hai tuần liền; tiền nhiều quá đến nỗi không buồn đếm, cứ cuốn lại nhét từng mớ vào khe tủ, ngăn rút hay những chồng quần áo.

Đúng sự thật, tôi không thấy thú vị gì; trái lại, lại buồn vì đến lúc nhớ lại thân mình thì lệnh cấm không cho Nam Bắc đi lại thông thường như trước nữa.

Ngậm cái buồn thê thiết ở trong lòng, tôi đi lang thang các phố để đợi tôi về thì vào ngồi ở một cái bàn nhất định của một nhà hàng nhất định, uống rượu một mình để cho say khướt vì có say khướt mới ngủ được, bằng không thì thao thức cả đêm, mãi tảng sáng mới nhắm mắt chợp đi một chút.

Không phải đến lúc đó tôi mới tập uống rượu đâu: tôi chè rượu từ lúc mười lăm, mười sáu tuổi, có thời kỳ uống rượu để một đêm một lít kèm thêm Macten và “A Mi Ô quả phụ sâm binh” mà không sao hết. Nhưng đến lần này thì khác hẳn.

Thôi thì các bác sĩ muốn bảo là thần kinh suy sụp, là ảo giác, là hôn mê thể nào cũng được đi, tôi chẳng cần biết làm gì cả; chỉ biết chắc một điều là những đêm không ngủ, nằm thao thức một mình trong căn phòng không có đàn bà, tôi nghe thấy rõ ràng là có tiếng nói ở bên tai!

Nhất định tôi nói đứng đắn chứ không cà rồn một li: có khi giữa ban ngày ban mặt, tiếng nói đó cũng kè vào tai tôi nói... Mà đó ông bạn biết nói gì? Nói đi nói lại với tôi một số nhà!

Đồng thời, tôi nghe thấy văng vẳng ở xa hơn một chút: “Chợ Quán, ở hẻm 158 trên 367, nhà Mẹ Hoát hai tầng ngoài có cây y lăng... hai tầng lầu”. Nói cái gì mà nhanh thế! Nhanh quá, như thể là hồi thúc, như thể là giục giã, nghe bức quá, không có cách gì chịu nổi.

Ông Ômya ngắt lời, hỏi:

- Có tiếng nói ở bên tai, nhưng mắt ông có trông thấy người nói không?
- Không. Nhưng tôi nghe rõ lắm, rõ là tiếng đàn bà xứ Huế, nói rất khoan thai nhưng nặng và hơi gắt.
- Chung quanh đi quần lại, chỉ có mấy tiếng đó thôi ư?
- Chỉ có thể thôi. Vậy mới là lạ chứ. Thú thực với ông tôi không sợ hãi, nhưng tôi tức bực vì tôi không hiểu ra sao cả. Tiếng nói đó là tiếng nói của

thần linh hay ma quái? Có phải trước đây, lúc còn đi học có tiếng nói đó phải không?

- Ông học sử ký Pháp hơi nhiều rồi lấy hiện tượng làm sự thật thành ra tiềm thức bị ảnh hưởng mà không biết.

- Vậy ư? để tôi còn duyệt lại xem lời ông có đúng không.

- Mà có khi đó chỉ là trường hợp của máu huyết lưu thông ở trong người: vì uống rượu hơi nhiều; máu dồn lên trên đầu làm cho tai ù, ông tưởng tượng nghe thấy như thế rồi lần lần bị ám ảnh vì mấy câu nói đó.

Nghe thấy thế, tôi hơi bực mình. Giả thử cũng là ý kiến đó mà một người khác diễn tả vụng về một chút, tôi rất có thể giận lẫy và lờ đi không nói tiếp, nhưng ông Ômya vừa tỏ ra lễ độ vừa nói năng tế nhị nhẹ nhàng, nên tôi không đề ý và chỉ đáp một câu nhạt nhẽo:

- Vâng. Ông muốn nghĩ thế nào cũng được, nhưng tôi quả quyết tiếng nói đó có chứa cái gì khó hiểu bên trong và tôi nhất định đi hỏi cho được căn nhà hai tầng lầu của Mệ Hoát ở Chợ Quán, có trồng cây Y Lãng ở cửa, xem ra thế nào.

Một buổi sáng thấp trời, vào đầu tháng chạp năm 1955, giải ra tê lạnh ở đường Trần Hưng Đạo vào chợ Lớn. Những nhà cửa bị bom đạn phá phách hồi xảy ra vụ Bình Xuyên được tái thiết lâu rồi, nhưng từ ngã tư Quốc Tế đến Chợ Quán vẫn có một cái gì lạnh lẽo ứ đọng trong không khí, một cái gì mà người ta chỉ cảm thấy mà thôi chớ khó mà diễn tả bằng lời được.

Thỉnh thoảng lại có một núi rác nằm chênh ềnh trên bãi cỏ mà không có người đến dọn đi. Ở ngã tư phía ngôi chùa thờ Quan Thánh của người Tàu có một cái chợ lều tèo.

Tất cả nhà ở hai bên đường cái đều ọp ẹp và xây cất theo kiểu cũ, còn ở trong các ngõ hẻm họa hoằn lắm mới có một hai cái nhà bằng gạch, còn tất cả thì bằng cây sơn các màu xanh đỏ như những cái đồ chơi bằng nhựa, thứ rẻ tiền, của trẻ con chơi bây giờ.

Tôi đi mấy tiếng đồng hồ rồi? Đã đi hết cả các hẻm vùng Chợ Quán, tôi vẫn không tìm thấy hẻm 158 trên 367.

Hỏi thăm ba bốn người đi đường cũng không biết nốt. “Thôi đích thị là mình bị ảo giác lừa rồi. Có muốn tìm suốt ngày đi nữa cũng không ra nhà Mẹ Hoát ở hẻm 158 trên 367 vùng Chợ Quán”.

Tôi đút hai tay vào túi nghĩ thầm như vậy, và đang tính có nên trở về hay không thì gặp một đứa trẻ đang lôi sênh sếch một con chó lười.

- Này em, ở đây có hẻm nào kêu là hẻm 158 trên 367 không?

Thằng nhỏ đứng lại, giơ một ngón tay lên trán xem xét tôi một lúc rồi trả lời:

- Hình như có. Tôi cũng ở đâu gần đấy. Nhưng bây giờ phải đem con chó này ra chợ, tôi không thể đưa ông đi được.

- Em chỉ dùm, cảm ơn.

- Đây nè. Ông cứ thẳng con đường này mà đi. Đến cái xe mì, ở dưới cây trứng cá ngã ba thứ nhất, ông quẹo sang trái đến cái chạp phô thì quẹo sang phải, thế là đến nơi.

Nghe thằng nhỏ nói, lòng tôi nhẹ hẳn. Cứ đúng theo lời thằng nhỏ mà đi, vừa đi vừa nhận xét, tôi thấy một tiệm chạp phô thực. Ngay trước tiệm chạp phô đó có một con đường đá lổm chổm loằng ngoằng dây thép gai và một vài cái xe ba gác đã nát không còn dùng được. Tôi quẹo sang tay mặt. Một con đường nhỏ tương đối rộng hơn cái hẻm vừa hồi tròn ra trước mặt.

Nhìn thoáng, tôi thấy chừng mười căn phố trệt, nhưng trong mười căn đó có ba cái liền nhau sửa lại và cất lên hai tầng lầu. Tôi gõ cửa căn nhà thứ nhất lúc thoát vào trong hẻm. Một người làm có vẻ ghiền ma túy, bước ra. Tôi hỏi:

- Đây có phải là nhà Mẹ Hoát phải không ông?

- Mẹ Hoát nào? Ở đây không có ai là Mẹ Hoát.

- Thế chủ nhà này là ai?

- Bán rồi.

- Mà bán cho ai?

- Bán cho người các chú ở ngoài đường lộ. Tôi là người nhà ông ấy. Muốn mua cũng bán, mà muốn mướn cũng được. Cứ ra mà nói chuyện với ông chủ là xong.

- Không có lý. Tôi biết nhà này của Mẹ Hoát mà!

- Không đâu. Nhà này của ông Hồng Xương Phát. Nhưng à... tôi nhớ rồi... Tôi nhớ... nhưng mà không biết đích... người chủ nhà trước là một bà người Huế tên là Mẹ huyết chứ không phải là Mẹ Hoát... à... cái người Trung họ vẫn thường có cái tục lệ cứ tên như vậy: Thay vì Thành, họ kêu là Thiêng, Đinh kêu là Điêng, Cảnh kêu là Kiêng. Mẹ Hoát, ở Chợ Quán đây đã ba bốn chục năm rồi, các ông già bà cả trước đây vẫn kêu là Mẹ huyết. Lúc đó tôi còn ít tuổi cũng kêu như thế, cho nên đến lúc ông hỏi Mẹ Hoát tôi không biết là người nào hết. À, Mẹ Hoát... ... phải rồi Mẹ Hoát.

- Theo lời ông nói nhà này đã bán cho chủ mới. Tôi có thể biết Mẹ Hoát bây giờ ở đâu không?

- Chết lâu rồi còn gì. Mua đi bán lại mấy lần, căn nhà này đến gần đây mới về tay ông Hồng Xương Phát.

- Tính ra ông Hồng Xương Phát mua được mấy năm rồi?

- Có cả năm sáu năm nhưng ít có người đến ở, nhiều khi bỏ không cả năm bảy tháng, một năm.

- Không có ai mướn hay sao? Vì ở đây vắng vẻ?

- Nào ai có biết. Thực ra từ khi tôi đến trông coi, có một gia đình một ông làm việc ở Tân Sơn Nhất đến mướn, chồng tiền ba tháng. Nhưng không hiểu vì có việc gì xảy đến, ông ta không dọn lại.

- Thế người mướn cuối cùng là ai?

- Một ông chủ thầu mướn cho vợ nhỏ ở với đứa con trai ba tuổi.

- Thế cũng không đến ở hay sao ?

- Đến ở chứ! Nhưng được một tuần thì có tin mẹ của bà vợ chết ở Nha Trang. Hai vợ chồng và đứa con về đưa đám rồi không thấy quay lại nữa.

- Trước ông chủ thầu đó là ai?

- Một ông làm đồ nhôm để làm xưởng chế nồi, soong, chảo... Có hai người nữa công ty với ông ta; giấy tờ xong xuôi cả rồi, chỉ còn đem ra bỏ ngân hàng thì lại lòi thôi thể thức làm ăn sao đó. Công ty tan vỡ, rút cuộc tiền mượn chưa trả hết mà đồ đạc để lại chỉ có dăm ba cái bàn cái ghế đem bán chưa chắc được vài trăm đồng bạc.

“Nhà gì kỳ lạ. Hay là tại đất dữ nên không ở được chăng?”. Tôi ngó lời muốn người gác cho tôi vào coi thử trong nhà ra sao.

Ba căn nhà hai tầng này trông bề ngoài cùng xây một kiểu, nhưng không có cái nào ăn thông với cái nào. Ai muốn ở rộng rãi có thể đục tường ra cho ba nhà thông nhau, nhưng gia đình nào ít người, muốn mượn một căn để ở vẫn cứ được, mà không lẽ gì bị mất tự do. Tôi vào xem căn thứ nhất. Theo lời người gác già, cả ba căn nhà này kiến trúc giống nhau, cứ ngã giá với nhau đi rồi căn nhà nào cũng được. Xem một căn là đủ.

Mỗi căn rộng chừng bảy tám chục thước vuông, cửa ngõ chắc chắn, gạch hoa, nhưng tường vách cũng như sàn gạch đầy những bụi bặm.

Đồ đạc có sẵn cho người mượn: ở dưới nhà có sa-lông, tủ rượu, một cái đi văng trải đệm, còn trên gác thì có một tủ áo, hai cái “giường một”, và một bàn lớn để viết lách cũng được luôn. Tường ở trên gác cũng như dưới nhà, không được sạch, có một vài chỗ lở cả vôi. Đây đó dán một cái hình màu cắt ở báo Tây ra, vẽ những con chim con rùa. Sàn gác bằng gỗ thông, trải cao su, nhưng đi ở trên vẫn có chỗ kêu cọt két một cách khả nghi. Trên trần treo một ngọn đèn ống có hộp ni lông xanh bao phủ, còn ở góc trái thì có một bàn thờ, dưới là một cái xích đồng bện bề báo cũ sách cũ và tranh ảnh. Tổng quát thì căn nhà này có một vẻ kỳ lạ, không có sinh khí mấy mà lại cũ kỹ, không thích hợp thời trang chút nào, nhưng không hiểu tại sao tôi lại thấy ưa.

Tôi mở cửa sổ chỗ kê hai cái giường một ra thì thấy mái nhà ở chung quanh, tương đối thấp hơn, nằm hờ hênh cái nọ tiếp cái kia như xâu hổ tự thấy mình không kín đáo. Nhưng không sao: một khoảng vườn con ngay cửa sổ trông xuống dưới nhà làm cho căn nhà đỡ trần truồng, nhưng làm cho đẹp lòng tôi nhất, đợt cái cây lớn ở giữa lá tốt xum xê đưa cả cảnh vào tới cửa sổ.

Đó là một cây Y Lãng, một giống cây thuộc loại Ngọc Lan, lá to và dài, sờ vào hơi ráp, mà cảnh thì thay vì chổng lên trời lại cụp cả xuống phía mặt đất, như thể bị người ta bẻ vậy.

Từ lâu lắm rồi tôi vẫn thích loại cây này bởi vì nó nhắc cho tôi nhiều kỷ niệm. Mỏ mả người vợ tám mả của tôi lúc hai đứa là tình nhân, đêm chúng tôi vẫn gặp nhau trò chuyện trên một con đường trồng toàn Y Lãng. Vào bất kỳ mùa nào, nhưng nhất là mùa thu, hoa tiết vào trong gió một mùi hương ngát nhẹ không biết chừng nào, thơm không biết chừng nào. Có thể nói là cây ở cuối xóm mà hương tỏa ra không những đầu xóm ngát ngào mà cả những xóm chung quanh đều “nghe” thấy và cảm thấy lâng lâng sướng khoái.

Cây Y Lãng ở trong khoảng vườn nhỏ của căn nhà tôi đương coi bắt đầu trở bông. Thấp thoáng trong chùm lá xanh màu ngọc bích, tôi thấy những cánh hoa màu vàng cũ, hình thù bé bỏng hé ra những cánh hoa trông tựa tựa như hoa móng giò ở Bắc, nhưng dài hơn, mềm mại hơn, uốn éo tình tứ hơn.

Tôi quay lại bảo người gác rằng tôi quyết định mượn căn nhà đó.

Chương Sáu

Nói đến đây thì vừa bữa cơm. Qua hai tiếng trò chuyện với ông Ômya, cái màn nghi kỵ, giữ gìn nhau đã được nhẹ đi vài phần. Thấy ông cũng có vẻ chân thật, chứ không giả dối như nhiều người khác, tôi nói :

- Nếu ông không bận việc, tôi mời ông ngồi lại nhậu chút đỉnh với tôi:

Nhất kiến vì kiến, ông Ômya xin từ khước, nhưng có lẽ vì thấy tôi thành thật mà có lẽ cũng vì muốn nghe nốt câu chuyện xem ra thế nào, ông đứng dậy cúi đầu và nhận lời mời của tôi.

Ông không uống được rượu đế, cho là nặng quá, “nặng hơn sakê rất nhiều”. Ông uống một thứ rượu khác người: pha Martini vào nước lạnh, vắt chanh, quậy với đường. Không sao, ai thích uống cái gì, tùy ý. Tôi xin kể câu chuyện đương bỏ dở. Ông ngắt lời tôi:

- Xin lỗi ông bạn. Ông quả là người lập dị. Tại sao lại thấy căn nhà như thế, ông quyết định muốn làm gì? Phần tôi, nếu gặp trường hợp đó, tôi không bao giờ chịu.

- Nói là tôi quyết định muốn thì không đúng lắm. Thực tình tôi không quyết định gì cả, mà cả kiến trúc căn nhà ấy lẫn cây Y Lăng ở ngoài vườn, tôi thấy cũng không dự một phần vào sự quyết định của tôi.

Lạ lắm ông à. Bây giờ tôi còn nhớ rất rõ ràng là lúc ấy tự nhiên có một cái gì lạ lắm, mơ hồ chạy vòng vòng như sóng điện ở ngực tôi, lên óc rồi xúi tôi bật nói ra như vậy, chứ quả là tôi không suy nghĩ và định tâm nói ra như thế.

Sau này nghĩ lại, tôi nhớ mang máng là ở trong đời đã thấy trạng thái tựa tựa thế ba bốn bận: đi xe trông thấy tai nạn hẵn hoi, tự bảo mình đạp một cái nữa thì nguy hiểm đến tính mạng nhưng óc cứ mê đi, cứ đạp; nhận lời đi chơi xa, nhưng đến giờ chót mặc dầu vẫn thích đi mà miệng lại từ chối, mà từ chối như thế, lại hay vì tất cả những người đi bữa đó chết cháy

trong một tai nạn phi cơ thảm khốc; cùng với vài người bạn dắt tay nhau chạy tìm chỗ tránh bom, tự nhiên giựt tay chạy trở lại, được yên lành, còn mấy người bạn kia thì chết...

Có người bảo thế là cái số, có người bảo là giác quan thứ sáu, có người bảo là linh tính. Tôi không gọi là gì cả, chỉ biết nhận thức như thế mà thôi. Tôi nhận mượn căn nhà của Mẹ Hoát và tôi bảo người gác gác:

- Tôi ra ngay tìm ông chủ để mượn căn nhà này. Trong khi chờ đợi, ông làm ơn lau rửa sạch sẽ cả nhà dưới lẫn nhà trên... lau boong sàn gác dùm tôi. Nay mạng nhện giăng đầy cả ra kia kia, ông quét luôn cho sạch nhé.

Vừa nói, tôi vừa dúm vào tay ông gác gác tờ giấy một trăm, rồi đi lại chỗ xích đông tung hết những sách báo và giấy lộn xuống sàn gác, tiếp:

- Những cái này đem bỏ cả đi cho gọn.

Chính giữa lúc tôi đang nói như thế thì từ trong đám giấy bụi bặm rơi ra một bức hình cỡ trung bình, mà mép giấy ở chung quanh thì đã ngã sang màu bạc ó.

Tôi cầm lên xem thì đó là một bức truyền thần một bà trạc bốn mươi, búi tóc cánh tiên, mặt áo gấm huyền chữ thọ, mắt phượng, mũi hơi thô nhưng trông toàn thể thì là một người đàn bà đẹp một cách phong lưu đài các.

Nguyên lúc mới học ở trường ra chưa biết theo học về thuốc, về luật hay sang Pháp học nghề in, tôi có dạo đã ngã vào trường cao đẳng Mỹ Thuật mấy năm nên cũng biết sơ sơ về hội họa và thường thường các bức hình tôi thấy đều làm cho tôi chú ý, không nhiều thì ít. Cố nhiên thấy bức hình này tôi cầm lên ngắm một giây. Người đàn bà trong bức hình cầm một bông hoa nhỏ ở bên tay phải, còn tay trái thì để lên một cái xe-lét bằng cây chạm trổ.

Tôi thổi bụi, xem màu sắc kỹ hơn một chút thì thấy đại khái người vẽ hình không phải là một họa sĩ cừ khôi: tà áo, tóc, tai, bàn tay và những cái vòng, những cái cà rá của bà này vẽ bằng một nét bút thật thà, vụng dại.

Nhưng trái lại, ở trên nét mặt, nhất là cặp mắt và đôi môi thì tiết ra một cái gì linh động lạ lùng, một sự sống khủng khiếp khiến cho người hiểu đôi chút nghệ thuật phát sợ mà không thể không say sưa ngắm đi ngắm lại. Nhất là nét ở miệng thì phải nói là thần: những đường cong thoải mái ở cặp môi và cái chấm tròn mờ mờ ở nơi cằm cho thấy rằng đó là nét mà nghệ thuật không bao giờ đạt được.

Cố nhiên những nét ấy trong một phút xuất thần, vô tình mà tạo được chứ không phải cố ý mà làm nên, thành ra người trong hình có vẻ như sống thật và thoát nhìn ai cũng có thể thấy ngay trên nét mặt người đàn bà ấy có một vẻ khinh thế ngạo vật, hơi hơi rầu một chút, hơi sâu sâu một chút, dễ làm cho người ta thương mến vì biết tiến lùi, nhịn nhục nhưng bất thần một lúc nào đó rất có thể nổi cơn giận dữ góm ghê mà đã giận dữ thì trời đất cũng coi là nhỏ, gươm dài, giáo bén cũng là không.

Này ông bạn, có bao giờ ông đã thấy hiện trên cái cửa kiếng, một hôm sương mù, một khuôn mặt thương yêu đẹp một cách lạ thường nhưng cũng có khi xấu xa một cách kinh tởm? Ông lấy một tờ giấy cây bút cố tìm cách để phở bức hình đó lên mặt giấy, nhưng muốn họa lại cách nào cũng không thể được. Ông xé giấy đi, lấy mực tàu họa lại cái chân dung đã làm ông xúc cảm: vẫn không thể được.

Bao nhiêu cái đẹp cái thần tiêu tán hết. Con người, dù là nghệ sĩ chân tài, không bao giờ lại cố ý có thể họa lại được những nét đó. Đứng về phương diện toán học, sự khác biệt không xa mấy, nhưng cái thần thì không thấy đâu hết: bức vẽ chỉ còn là một cái gì nhân tạo một cách vụng về lộ lỉnh.

Ấy đó, bức vẽ mà tôi nhặt được ở căn nhà tôi đến muộn cũng có một cái gì “nan tả” và “nan giải” tiết ra như vậy. Và tôi kết luận rằng cái “nan tả” và “nan giải” đó bất thần mà thể hiện được là nhờ cái thiên tài hay sự tình cờ mà có, chứ nghệ thuật không dự một phần nào trong ấy.

Thấy tôi đứng bần thần ra ở trước tấm hình, người gác già hỏi tôi:

- Ông cũng tính bỏ luôn bức tranh này?

- Không, ông giữ lấy.

- Nhưng điều cần là ông có thực tình muốn căn nhà này không đã? Nếu ông quyết định, ông nên sang ngay nhà ông chủ hiện giờ có ở nhà mà điều đình giá cả đi. Công việc dọn dẹp quét tước không lâu lắc gì đâu, tôi và lũ trẻ trần ra làm một ngày là xong hết.

Ông Hồng Lĩnh Xương Phát không khó tính.

Tôi nắn nò bót số ông mỗi tháng một nghìn đồng, ông cũng bằng lòng luôn.

Thế là ngay buổi chiều hôm sau, tôi thuê một chiếc xe ba gác dọn ba cái đồ lặt vặt đến căn nhà mới.

Đến sẩm tối, đồ đạc đã bày biện ra đâu đấy. Tôi bảo ông Yên, một ông già cùng làng với tôi trông nom bếp núc và trông coi nhà cửa mỗi khi tôi đi vắng, ra phố mua một cái khung ảnh bằng cây, sơn then, và tôi lồng bức hình vào đó, treo ngay ở trên chỗ bàn viết của tôi.

Đoạn tôi đi ăn cơm tiệm vì chưa tổ chức xong bếp núc. Vịn vào có một mối suốt ngày, tôi uống rượu nhiều hơn thường lệ và đứng như thường lệ, tôi lăn ra ngủ một giấc ngon lành. Nhưng khoảng hai giờ sáng thì chợt tỉnh, thao thức rất lâu, muốn ngủ lại không tài nào ngủ được.

“Kỳ cục đến thế là cùng! Tại sao bao nhiêu người dọn đến ở đây mà không ở được mà mình nói là dọn đến ở liền?”

Tôi là người tin số mệnh, tin may rủi và tin cả ma quỷ nữa. Nhưng tôi tin số mệnh mà không chờ số mệnh định đoạt đời mình, tin may rủi mà không há miệng chờ sung, tin có ma quỷ nhưng không sợ hãi.

Các ông già bà cả ở miền Nam này, ai lại còn không biết cũng như Hòa Hưng, Phú Nhuận, vùng chợ quán nổi danh là đất dữ từ ngày chợ Quán còn chia ra làm ba làng mang tên Tân Kiểng, Nhân Gian và Bình Yên.

Nhưng tại sao đổi ra là Chợ Quán? Có gạn óc nhớ lại những tài liệu đã đọc, tôi mang máng nhớ rằng sở dĩ có cái tên “Chợ Quán” là vì ngày trước,

mấy cái chợ bán thịt thà rau cải nhóm họp ở dưới gốc những cây me đại thọ (lối nhà thương Chợ Quán) hiện nay. Vì chung quanh chợ có nhiều lều quán cất bằng cây lợp lá “lóc cóc tụ một chỗ” cho nên thiên hạ mới đặt tên là Chợ Quán.

Gần chợ, từ đường nhà nước đi đến một cái ao lớn là làng Thợ Đúc ngày xưa: dân trong làng chuyên nghề làm đồng, nổi tiếng cũng như làng Ngũ Xá ở Bắc Việt, làm nên những cái lư kiêu đẹp và bóng loáng không kém gì lư chợ Phú Lâm.

Nhà cửa ở Chợ Quán ngày xưa đều lụp xụp và ồm yếu. Bây giờ, nhắc lại, các ông già bà cả chỉ còn nhớ mỗi cái nhà lớn của một ông nhà giàu sinh ở chợ Quán, đi Sa Đéc làm ăn giàu có, trở về xây một cái căn nhà đồ sộ, treo một tấm biển đồng khắc mấy chữ “Biệt thự Nhân Gian”.

Nhiều người cho rằng người đặt tên ấy hơi khùng, nhưng không phải: ông ta cố ý nhắc tên làng cũ. Nhưng biệt thự “Nhân Gian” xây dựng công phu vĩ đại là thế tưởng đâu sẽ bền gan cùng tuế nguyệt, ai ngờ đâu cũng như hết thảy công trình ở thế gian này chẳng mấy chốc đã điêu tàn cùng với những lớp sóng phé hưng.

Một cuộc khủng hoảng kinh tế bộc phát sau khi thế chiến đầu chấm dứt. “Biệt thự nhân gian” đem bán đấu giá, hội “Đức Trí Thê Dục” mua được rất rẻ.

Nhưng chẳng bao lâu quân đội Nhật nhảy lên Đông Dương trưng dụng luôn điểm ấy. Thấy cái thế mạnh bạt sơn cử đỉnh của Nhật lúc bấy giờ, ai cũng tưởng họ sẽ ở cở hỉ mà nước mình sẽ là một “cái mặt trời nhỏ” trong lá cờ nhỏ của “đại cường Phù Tang”, nhưng lại lầm phen nữa. Không nuốt được Việt Nam, họ xuống xin hòa. Trụ sở của “Đức Trí Thê Dục”, tức là cái biệt thự Nhật Gian cũ lọt vào tay quân đội Pháp để rồi đến mấy năm gần đây, trước khi quân đội Mỹ rút khỏi Việt Nam lại trở thành cơ quan cố vấn quân sự Mỹ...

Rồi đây không ai biết địa điểm này còn đôi chủ nữa thôi, nhưng các người lưu tâm đến cổ tích nước ta, ở vùng Chợ Quán trước cũng như giờ,

không thể chấp chờn ma chơi như vậy, ai cũng không thể ở được lâu.

Những người tin địa lý, bảo rằng sở dĩ chỗ đất ấy không mấy yên ổn, không ai làm chủ được lâu là vì nó choán một đền cũ Chùa Miên ngày trước. Viện bảo tàng đã có cho người đến đó đào lên thì tìm được nhiều tảng đá lên kiểu Khờ-Me (hiện vẫn còn đặt ngoài hành lang của Viện) và các nhà khảo cổ ngờ rằng những tảng đá ấy là tảng cửa, tảng cột phước Khờ-me, vẫn ghi rằng nếu hòa bình trở lại, có dịp tìm thấy cổ tích Prei Nokor nữa.

Ngoài ra, ở một vùng rộng rãi chung quanh đó, hãy còn dấu tích một xóm cổ của người Miên và hiện nay ở đó còn một gò đất cao hơn mặt đường cái, ai đi qua đường Trần Hưng Đạo đều trông thấy rõ. Người ta bảo đó là nền chùa và xóm Thổ đời xưa. Nhiều phen dân cư ở đó đào được gạch cũ, tượng Phật Khờ-me, Viện bảo tàng đã xuống chỗ sưu tầm được nhiều tảng đá, Phật đồng, thần mặt trời, từ khí vụn vặt và mấy cây đèn đồng xưa của Khờ-me kiểu bông sen tạc hình một nông dân quỳ xuống, hai tay đưa bầu dầu nâng lên trên đầu.

Chương Bảy

Ông Ômya đặt chén rượu xuống, hỏi:

- Nằm suy nghĩ như vậy, có lúc nào ông đã thử đặt lại vị trí ngôi nhà ông mới dọn đến ở, so sánh với Chợ Quán ngày trước không? Theo ông, nhà ông có nằm ở trong vùng Chùa Miên và xóm người Thổ không?

- Có. Nằm thao thức không ngủ được, tôi bật đèn ngồi dậy lục các sách cũ nói về cổ tích Sài Gòn, có cuốn mới viết năm 1968, có cuốn viết từ 1885, xem lại các bản đồ thì mang máng nhận ra rằng cái hẻm tôi ở đứng về phía Bắc ngôi nhà lâu của cố học giả Trương Vĩnh Ký chừng ba trăm thước và ở bìa xóm Thổ ngày trước, một đầu đi ra chùa Kim Chương, còn đầu kia đi mãi ra được đến Cầu Kho, trước đây nổi tiếng vì xóm ăn mày, tên chữ là “Tân Lộc Phương” mà người ta cho rằng nguyên thủy là ruộng lúa của người Khơ-me trồng trọt.

Thấy chỗ nào cũng nói đến dấu tích người Miên, đền chùa tượng Phật, nhang đèn... thú thực có một lúc tôi ngờ rằng cái nhà tôi đang ở có bao nhiêu người đến mượn mà không ở được có lẽ cũng vì những chuyện ân oán, choán đất chùa và ruộng lúa ngày trước chăng?

“Hừ, dị đoan... hoàn toàn là dị đoan”. Tôi tự nhủ thầm như vậy, nhưng thật tình tôi vẫn bán tín bán nghi. Tuy vậy, tôi tuyệt nhiên không sợ hãi, lo âu gì hết. “Một tiếng nói huyền bí bảo mình đến đây... rồi có gì thúc đẩy mình hỏi mượn căn nhà này. Chẳng lẽ nào bao nhiêu sự việc đó lại để đi đến một cái kết cục vô nghĩa vô lý, không đầu, không đuôi?”.

Từ thuở tôi còn nhỏ, cả họ cho tôi là một thằng lì lợm, chướng ách: ai làm gì thì tôi nhất định không làm như thế; ai khuyên tôi thế này thì tôi làm thế kia; ai chê tôi thì tôi hứng lấy và tôi lấy làm thích thú mỗi khi hành động trái ngược lại những người chung quanh. Hỏi làm như thế thì có lợi gì không? Tôi biết là có khi không có lợi, mà còn hại là khác nữa, nhưng cái

thích của tôi như thế thì tôi cứ thế mà theo và cũng chính vì thế mà gần hết cả một đời người bị lao đao thất bại. Nhiều người đến lúc trời chiều bóng xế thường “nghĩ lại” và thay tâm đổi tính đi, nhưng tôi không thể.

Cái việc ở lì căn nhà Mệ Hoát, mặc dù bạn bè sa sả về đất chùa, tượng Phật của người Miên, không hề làm cho tôi lay chuyển. “Tái ông thất mã. Biết đâu ở trong cái dở lại chẳng có cái hay nảy nở ra?” Tôi nghĩ thầm như vậy.

Thêm nữa, tôi yên chí mình là một người không căn bản mà đạo đức chẳng bằng ai, nhưng kiểm điểm lại tất cả các hành động từ khi còn nhỏ cho đến cho đến lúc gần kề miệng lỗ, không làm cho ai thất cơ lỡ vận, không giết chóc, tác hại ai, không phản trên lừa dưới làm cho âm hồn dương oán, hà cớ gì lại có người hại được tôi, dù người đó còn sống hay đã chết?

Ngoài thì giờ viết lách và đọc làm nhảm hết sách nọ đến sách kia, tôi vẫn cứ triết lý vụn với mình như thế (có nhiên là trong khi triết lý như vậy, bao nhiêu cái gì tốt đẹp cũng để về phía tôi).

Bao nhiêu ngày đã trôi qua? Có lẽ một tuần rồi, mà có lẽ được nửa tháng rồi cũng nên. Chẳng có gì lạ hết!

Không. Nói như thế không đúng hẳn. Trong những ngày đầu đến ở, tôi thấy có một sự khác lạ rất tầm thường, nhưng tôi không thể không lưu ý: công việc làm ăn suôn sẻ, kiếm tiền như vỗ tay, đánh bạc được hoài, lại có những món tiền từ đời kiếp nghiệp lai nào, cả trăm phần chắc mất, thì ở đâu lù lù dẫn lại... .

Sống trong tình trạng ấy tôi mới thấy rõ là tiền không làm cho người ta sung sướng (tôi thì không giả đạo đức lên lớp khuyên người ta coi thường tiền) nhưng quả đúng như thế thật: lúc chưa có tiền thì khổ quá chừng là khổ, nhưng nắm một mớ thật bộn ở trong tay, lập tức mình thấy không thiết tha, thú vị gì nữa; hơn thế lại chán nản hơn cả khi nào hết vì không còn thêm gì cả, không muốn gì cả mà đời sở dĩ còn hấp dẫn được người ta một phần lớn là tại người ta muốn thế này, ước thế kia. Những người thật sướng ở đời này, theo tôi, là những người rất khổ, rất túng, tự nhiên một hôm được

thỏa mãn một cách nhỏ nhoi giai đoạn rồi lại khổ, rồi lại túng, rồi lại ước mong hy vọng... .

Tôi vẫn nói tôi là một người không có khoa học, hay tin bậy bạ. Thấy tiền bạc cứ thông thả đi vào nhà mình như vậy, tôi thú thực là có lúc tôi giật mình lo ngại. Là rằng tôi yên trí rằng đời là một cuộc biến chuyển thường xuyên: hết sáng thì tối, nắng lắm thì mưa, một người hay một nước mà đến tốt độ giàu sang, sung sướng (theo trắc lượng của người ấy, nước ấy) thì phải xuống, cũng như trào lên đỉnh ngọn cây rồi phải tụt xuống chớ không thể trào lên cao hơn nữa.

Biết làm sao bây giờ? Tôi suy tính trăm nghìn cách, chưa biết sử sự thế nào thì một ý tưởng nảy ra trong đầu.

Một ý tưởng rất hủ lậu, có lẽ; một ý tưởng có nhiều chất dị đoan, nhưng tôi cứ tự cho mình là phải: sở dĩ tự độ đến ở đây được may mắn, chẳng qua là nhờ đất cát hết, chứ không phải là tháo vát, tài ba gì cả. Nhớ lại lúc còn đông đủ gia đình ở Bắc, bà nội tôi, bố mẹ tôi, tôi tôi ngồi trò chuyện với nhau, thường kể rằng có nhiều cái nhà tiền chủ rất dữ mà đến ở lại không việc gì, lại ăn nên làm ra thì khác vì nó “hợp” với mình, cần nhất là mình năng cúng vái để cho người ta phù hộ.

“Ồ phải. Mình quên mất hẳn điều đó. Hôm nào mình phải lập bàn thờ cúng ông thổ địa ở đây, ngày rằm mừng một lễ bà tiền chủ, khai quang tẩy uế mới được”.

Tôi xem lịch kiểm một ngày thật tốt để nhân dịp ăn tân gia, thiết lập hai cái bàn thờ đó thì Mẹ Hoát một đêm lững thững hiện ra, mờ mờ sương khói, như cái bóng.

Chương Tám

Nghe đến đây, ông Ômya, một người từng xông pha trăm nguy ngàn hiểm, vượt đạn trồn bom, một người đã từng một mình vào nơi rừng rợn hãi hùng hơn cả địa ngục để tìm một mảnh giấy, một hồ sơ mật, vậy mà bắt thần giựt mình và hỏi:

- Ông nói gì? Mẹ Hoát? Ông trông thấy thực hay là ảo giác?

Tôi nhớ lại câu chuyện con chuột khôn của ông Tô Đông Pha và không lấy làm lạ về công việc ông Ômya giật mình khi nghe thấy nói đến bóng ma của Mẹ Hoát hiện ra trong nhà tôi lúc nửa đêm.

“Người ta có thể đập nát viên ngọc bích đáng ngàn vàng mà không thể không sợ thất kinh khi nghe cái nôi đất vỡ, có thể đánh con hổ dữ mà không thể không biến sắc vì con ong đốt: đó là tại cái lòng không chuyên nhất vậy. Những điều ấy, mọi người vẫn thường nói mà quên rồi ư?”

Tôi cười một mình chậm rãi trả lời:

- Phải, cái bóng ma Mẹ Hoát. Nhưng đó là thực hay ảo giác thì tôi không biết. Ông để cho tôi nói tiếp rồi ông suy luận lấy, bởi vì ông sẽ thấy không phải chỉ có một mình tôi trông thấy nhưng chính một đồng bào của ông, ông Tôkubê cũng trông thấy hai năm rõ mười. Không, tôi kể chuyện cho ông nghe, chớ tôi không có lợi lộc gì mà bịa đặt phải không?

Tôi không nhớ rõ đêm ấy là đêm thứ mười mấy kể từ khi tôi dọn đến ở căn nhà này. Chỉ biết rằng đáng lẽ đi ăn cơm với mấy người bạn ở xa về, tôi lại khước nằm khàn ở trên giường đọc báo. Lại xin thú thực với ông nữa: tôi là nhà văn kiêm ký giả nhưng ít khi đọc báo, trừ khi nào có tin tức đặc biệt gì ghê gớm lắm.

Nhưng đêm hôm ấy tôi nằm đọc báo vì một nguyên nhân khác hẳn: tại lười. Lười một cách vô nghĩa, lười không vì nguyên nhân gì hết, lười đến cái mức nằm một bên mỗi quá cũng không buồn trở mình.

Sợ rằng cứ nằm bẽ bệt như thế thì đau mắt, tôi ngồi dậy bật cái đèn đêm ở đầu giường, đi thong thả ra cửa sổ ngồi nhìn xuống mấy cái mái nhà tôn ở sau vườn.

Hoa y lãng bây giờ trở bông nhiều hơn; về đêm hương thơm tiết ra ngào ngạt cả không khí làm cho tôi buồn thê thiết trong lòng. Ấy là lúc tôi nhớ đến vợ con ở Bắc trước đây, vẫn dắt nhau đi chơi thong thả trên những con đường ngào ngạt hương thơm như thế này. Tôi hèn lắm, ông Ômya ạ. Tôi hèn vì tôi buồn hết sức là buồn và tôi ngồi ôm mặt khóc như đứa trẻ. Tất cả cuộc đời dĩ vãng của tôi hiện ra. Tôi nhớ lại từng li từng tí những sự việc tưởng đâu như đã chết không còn bao giờ quay trở lại; tôi tự hỏi không biết vợ con bây giờ no đói như thế nào, sống chết ra sao và tôi cố vẽ lại trong óc những đường lối đi về ngày trước, căn nhà Pháp Vân, vợ chồng con cái, cứ chiều thứ Bảy thì về đó nghỉ ngơi, có khi hợp nhau lại cầu cơ và xin thơ giáng bút.

Vào khoảng nửa đêm, gió thổi mạnh, kêu vù vù như gió mây ở Bắc. Lá cây y lãng đập vào nhau rào rào. Dưới bóng mờ của ngọn đèn đêm, tôi lấy một tờ giấy và cây viết ra định làm một bài thơ “Nhớ Nhà” nhưng nghĩ mãi không ra tứ lạ, tôi tiện có giấy bút đây vẽ bậy một hình đàn bà, vừa vẽ vừa ngâm lớn mấy câu thơ cũ:

Vạn Lí bi tha thường tác khách
Bách nhiên đa bệnh độc đăng đài
Gian nan khổ hận phồn sương mấn
Lạo đoá tân đình ngọc tử bôi.

Muôn dặn thương thu, làm khách trọ
Trăm năm nhiều bệnh, dạo dài chơi
Sương in mái tóc đầy gian khổ
Nghiên ngã ngừng nâng chén rượu ôi.

(Bản dịch của Trần Ngọc San)

Bốn bề im lặng. Ngọn đèn để đêm cháy mù mù như một con mắt chột kèm nhèm. Đặt bút xuống nhìn hình người đàn bà vừa nguệch ngoạc xong,

tôi chột dạ trong một thoáng vì không hiểu tại sao cái đầu người đàn bà tôi vừa vẽ lại giống y hệt cái hình tôi lồng trong khung treo trên tường.

Tự nhiên tôi rùng mình, ngoảnh mặt đi không còn muốn nhìn cả bức hình treo lẫn bức vẽ nằm ở trên bàn viết. Thì chính giữa khi ấy tôi nghe thấy có tiếng dép đi khe khẽ ở cầu thang, sau khi cái cửa ở nhà dưới kêu kết lên một tiếng mơ hồ. Tôi hỏi:

- Ông Yên mở cửa đấy à?

Không có tiếng trả lời.

Tôi ngồi im không động đậy, đầu óc tôi tỉnh táo lạ thường. Chiều hôm đó tôi không uống rượu, không ăn no, không nhúc nhúc. Mắt tôi nhìn tinh tường hết sức, có lẽ còn hơn cả bây giờ tôi đang nhìn ông, ông Ômya à... Tôi nhìn ra phía cầu thang và hỏi khẽ:

- Ai lên đó?

Tôi hỏi như thế là vì ở chỗ cầu thang lên phòng ngủ của tôi ở trên gác, lúc bấy giờ có một hàng chấn song cao làm bằng cây, treo một bức màn hoa. Kế đó là một cái cửa ra vào lắp kiếng mờ, thường đóng để cho đỡ bụi mà cũng là để cho cửa nhà kín đáo lúc đêm hôm.

Lúc ấy, trời khuya lắm. Tôi nghe rõ tiếng các bậc thang cũ kỹ kêu óp ép một giây rồi sau đó, mặc dầu ngồi ở trong gác không nhìn được ra ngoài cầu thang, tôi thấy rõ rệt một người bước lên thong thả và rất nhẹ. Kỳ! Ai vậy? Mà tôi hỏi lại không trả lời? Có một lúc tôi ngỡ là ông Yên lên có việc gì, nhưng trong giây lát, tôi biết ngay là không phải. Tại sao? Tôi cảm thấy như thế, còn hỏi tại sao thì tôi không có cách gì để trả lời.

Tiếng dép đi khẽ trên sàn gần hơn một chút, gần hơn một chút. Từ ngực ra phía sau lưng tôi tự nhiên lạnh toát. Tóc ở gáy tôi không dựng đứng lên như người ta vẫn tả trong trường hợp gặp chuyện gì sợ hãi, nhưng rung động khe khẽ và làm nhột ở cổ một cách khác thường. Chính trong lúc bối rối chưa biết xử sự ra sao (chạy ra mở cửa xem sao hay cứ ngồi yên mà chờ đợi?) thì cái cửa kiếng đi xuống cầu thang mở ra từ từ êm ru, tuyệt nhiên

không nghe thấy một tiếng động nhỏ nhoi nào hết. Tôi dồn hết sức mắt để nhìn: cái cửa kiếng tự nhiên mở ra thật; ở ngoài tối như bùng; một ngọn gió lạnh tê tê hiu hắt tạt vào phòng trong, chỗ tôi đang ngồi.

Tim tôi đập, đập như trống trận. Trong nháy mắt máu dồn lên cả thái dương, nhưng tôi cố ngồi yên và cố giữ bình tĩnh như không có chuyện gì xảy ra. Những chuyện ma chọc người, ma không nhát được những kẻ sĩ tâm hồn cứng rắn, ma muốn thế nào cũng không hại được những người ăn ngay ở thẳng... mà ông bà, cha mẹ vẫn kể cho tôi nghe lúc tôi còn nhỏ và đã nhĩm vào trong tim óc tôi và thành ra một chất đặt biệt hòa vào trí óc, huyết mạch, da thịt tôi rồi.

“Ngày xưa tại một bản thượng du có một cây bàng xum xuê, thường hay có người đến thắt cổ ở trên cành, người ta đồn rằng có ma ở đây.

Tại xóm ấy có một người học trò hay chữ tên là Lê Quý đêm nào cũng thấp đèn học đến tận sáng mới đi ngủ. Láng giềng có một người đàn bà còn trẻ cũng thường hay thức đêm để dệt cửi.

Một đêm vào khoảng cuối canh hai, trời sáng trăng suông mờ mờ, người học trò nghe có tiếng sột sột bên ngoài, mở cửa sổ trông ra thì thấy bóng một người đàn bà tay cầm một khúc dây chùng ba bốn thước đang giấu quanh giấu quần, để chỗ này rồi đem chỗ khác, như sợ có người biết, rồi sau cùng đến bỏ vào đóng rom mà đi. Người học trò đem đèn ra soi, lấy cái dây thấy mùi hôi tanh, đoán chùng là của con ma thắt cổ, liền đem vào để trên án thư, lấy kính sách đề lên rồi đóng cửa ngồi chờ thử xem ra làm sao...”

Tôi cũng ngồi chờ thử xem ra làm sao, theo đúng tinh thần bất úy, bất khuất của người học trò trong truyện cổ.

Thế rồi cái cửa kiếng mở rộng: một cái bóng bé nhỏ mặc áo rộng và dài đi dép rất êm, hiện mờ mờ rồi rõ dần dần trong khuôn cửa. Một điều rất kỳ lạ nảy ra trong óc tôi lúc đó, và chắc chắn không ai có cách gì thấu được: thay vì nghĩ: “Ủa! Ma à!” tôi lại nhớ ngay đến một câu Kiều, đoạn Kiều gặp Đạm Tiên hôm đi tảo mộ về:

Sương in mặt, tuyết pha thân
Sen vàng lững thững như gần, như xa.

Quả đúng như thế. Cái bóng hiện ra ở trước mặt tôi lúc đó quả đúng y như thế. Sau khi đã nghĩ như thế rồi, tôi mới nhìn kỹ cái bóng đương tiến nhẹ như hơi gió đến trước tôi... Đó là một người đàn bà không có tuổi, búi tóc cánh tiên, có một dáng điệu phong lưu tuyết trần. Mặt bà hình trái soan, mọng và đỏ thắm, hai con mắt sáng và dài, nhưng toàn thể thì có vẻ xanh xao, mệt mỏi, chán nản không thiết tha gì hết.

Cái bóng tiến thêm lên một chút nữa.

Tôi nhìn kỹ hơn thì thấy ở chung quanh mắt bà có một quầng thâm, không linh động, nhìn thẳng phía trước mặt không mục đích mà đôi môi, mặc dù mọng và đỏ thắm nhưng không có lúc nào hé mở, trái lại luôn luôn mím chặt. Ở hai bên má, có hai hàng nếp nhăn lờ mờ.

Tôi nghĩ thầm: “Có lẽ là ma chứ không phải người”. Và tôi tự lý luận với chính mình trong một giây: “Phải là người thì bằng xương bằng thịt, chứ đằng này mờ mờ nhàn ảnh như là khói sương. Thêm nữa, mình đóng cửa, người thường vào sao được, phải là ma mới biến thẳng vào đây thông thả như thế này!”.

Trong khi tôi nghĩ như thế, cái bóng đàn bà ấy lờ lờ lại gần, ngồi xuống cái ghế ở trước mặt tôi, cuối đầu chào một cách lạnh lùng rồi lặng im không nói gì.

Tôi lại nghĩ thầm: “Đích là ma rồi. Mình phải can đảm đối phó thì ma nó sợ, chứ la lên hay chạy thì nó nhát và đuổi theo bóp cổ, hớp hồn mình chết”.

Tôi bèn thu hết cả lòng can đảm của tuyệt vọng, hỏi rất lớn (nhưng chính ra thì lí nhí ở trong miệng, không rõ rệt từng câu chữ):

- Thưa bà, có việc gì mà lại hạ cố tìm tôi vào giữa đêm khuya như vậy?

Chương Chín

Nghe câu chuyện đến đây, ông Ômya vùng đứng lên, tiến lại cạnh tôi và nói:

- Tôi nói câu này có điều gì không phải, xin ông tha lỗi. Rất có thể là ông không bằng lòng và cho tôi là người thiếu lễ độ với một ông bạn nhất kiến vi kiến, nhưng nếu tôi không hỏi cho ra lẽ, tôi bắn khoăn trong bụng không chịu nổi.

- Không sao mà... Ông bạn cứ hỏi.

- Ở nước tôi, các ông già, bà cả, nhà thơ, nhà văn vẫn thường nói về... nhưng quả là chính mắt tôi chưa từng thấy ma quỷ bao giờ cả.

Tôi cũng không sợ ma quỷ như ông bạn, và tôi muốn được thấy ma quỷ một lần, một lần thôi cũng đủ, vì thấy ma quỷ hiện về, đối với tôi là một cái gì rất thơ mộng, rất thú vị...

Dám xin hỏi ông bạn, có thật chắc chắn là cái bóng đàn bà hiện ra, ngồi ở trước mặt ông, và nói với ông chứ không phải là ông tưởng tượng, không phải là ông nghĩ ngợi nhiều quá rồi ý nghĩ đó thành hình và diễn ra ở trong óc như sự thật, rồi truyền xuống mắt để mắt cũng nhìn thấy y như thật?

- Tôi không phải nghĩ ngợi lời thôi gì cả. Xin trả lời ngay. Tôi ngồi nói với cái bóng ấy như tôi với ông bây giờ vậy, chỉ khác có cảnh trí mà thôi: bây giờ có tiếng động mà lúc ấy thì im vắng không có tiếng gì; bây giờ sáng sủa mà lúc ấy thì tối tăm; bây giờ tôi trông rõ mọi vật đằng sau lưng ông, nhưng lúc ấy thì không thấy gì hết, không thấy cả bối diện của bóng đàn bà ấy.

Nhưng cái bóng ấy nhất định là có thật, tôi không bày đặt ra làm gì.

- Ông hỏi thế, cái bóng ấy có trả lời không hay chỉ có hình có bóng ngồi đấy rồi biến đi? Theo khoa học bây giờ, tôi tin chắc là không nói được.

- Khoa học khám phá được rất nhiều bí mật hiện nay và chế tạo được rất nhiều máy móc kỳ lạ y như phép tiên mà ta vẫn đọc thấy trong những truyện Tây Du, Phong Thần, Bát Tiên Quá Hải... Một ngày kia, người ta có thể chế tạo ra được ma quỷ, âm binh, thần tướng, nhưng hiện nay khoa học chắc chắn là chưa giải thích nổi sự kì lạ vô biên mà ông vừa hỏi tôi.

Ông tin chắc cái bóng ma đó nói không được? Thế là ông làm rồi! Cái bóng đàn bà ấy ngẩn đầu lên chút nhìn tôi. “Hổng rồi! Câu mình vừa nói làm phật ý bà này”. Tôi nghĩ thầm như vậy và tay tôi nắm chặt lại sẵn sàng. Phải, tôi sẵn sàng vớ con gấu đồng dùng để chặn giấy ném lên người khách lạ mà tôi không hề mời đến nhà tôi chơi lúc đêm hôm khuya khoắt, nếu bà ta có một cử chỉ gì khả nghi hay nói xấu một câu xúc phạm đến tôi.

Tôi làm. Nói ông tha lỗi, lúc còn trẻ tuổi và cả ngay bây giờ nữa tôi quen biết đã nhiều bà, nhiều cô, nhưng thật tình chưa hề được nghe thấy một giọng nói nhỏ nhẹ, êm ái, mơ mộng đến như thế bao giờ. Sự khiêm nhường cùng với tư cách và lễ độ tiết ra những câu nói của bà làm cho tôi quý trọng liền.

Bà khách lạ trầm ngâm một giây lâu nữa. Rồi bà nhếch đi một chút trên ghé. Cái bóng trắng mờ mờ như sương mù một buổi sáng mùa đông mỗi lúc lại thay đổi đi một chút, có lúc lớn hơn, có khi to thêm ra, lại có lúc thu nhỏ lại, như một cái xác chết liệm trong vải trắng. Một lúc sau, lại trở lại nguyên hình khi mới tới.

“Đúng rồi. Đúng là một con ma!”

Nhưng con ma này muốn gì chớ? Sao hỏi mà không thấy nói gì? Ngờ rằng cái bóng không nghe thấy câu hỏi của tôi hoặc nghe thấy mà không nói được ra lời, tôi lập lại câu hỏi để xem trong hai giả thuyết, giả thuyết nào đúng. Một lát sau, cái bóng mới chậm rãi nói, y như thể nói một mình, để cho chính mình nghe vậy. Bà ta nói bằng tiếng Huế:

- Ngay khi thầy mới dọn đến ở đây, tôi đã hay rồi, nhưng chưa đến thăm ngay vì nhà cửa còn bẽ bộn, công việc chưa yên, cho nên không dám khinh động thầy. Đêm nay, thấy thầy ngâm thơ, biết là thầy đã rảnh rồi nên tôi

mới đến thăm, trước là để chủ cũ chủ mới căn nhà này làm quen với nhau, sau là để yêu cầu thầy chấp nhận cho tôi được lui tới nơi đây dọn dẹp quét tước vườn tược cửa nhà, may ra nhờ đó mà kiếm được một ít đồ vật đã mất trước đây.

“Đồ vật gì? Mà đồ vật gì mất trước đây?” Tôi tự hỏi nhưng không nói ra, cứ lẳng lặng nghe bà ta nói.

Bà nói tiếp:

- Nhiều lắm, đồ vật nhiều không kể xiết, chính tôi cũng không biết số lượng là bao nhiêu.

Tò mò quá, không chịu nổi, tôi bèn hỏi:

- Nhưng đồ vật gì, mẹ có thể cho tôi biết được không?

Nhưng không đề tai đến câu hỏi của tôi, bà cứ nói tiếp, và càng nói tôi lại càng không hiểu.

Trong một thoáng, tôi cảm giác con người ta lúc chết đi mà cái hồn hiện lên được ở dương trần thì không còn minh mẫn, như lúc sinh thời nữa. Hoặc là lúc sống, chính thần kinh của bà ta đã không được thăng bằng rồi cho nên lúc mất đi, những lời do cái bóng bà phát ra không có mạch lạc mà gần như vô nghĩa lý. Bà nói tiếp:

- Phải, nhiều vô số kể, thầy à. Chẳng thế, họ lấy một lần không hết mà phải lấy bốn năm lần đem đi, ấy là chưa kể bao nhiêu thứ khác mà họ đập phá, họ giày xéo, họ lấy dao, lấy búa, lấy kiếm, lấy gươm ra đập cho tan nát. Riêng những cái miếng còn sót lại cũng đầy cả ba gian nhà này, mà cao ngang đầu người!

“Ngót hai chục năm nay tôi đã đi khắp sông ngòi đồi núi, tôi đã đi khắp đầu chợ cuối thôn để tìm mà không thấy một món nào... Chẳng biết làm sao, tôi đành phải đi tìm những miếng còn sót lại ở đây để gom góp lại đem về ngắm nghía cho khuây khỏa nỗi tương tư, bởi vì trình với thầy, tôi tương tư những món đồ vật ấy thật tình; không có, tôi thấy cái kiếp con người hoàn toàn nhạt nhẽo, hoàn toàn vô nghĩa”.

Càng nghe càng không hiểu bà ta định nói gì, tôi kết luận thâm trong bụng: “Nhất định con ma này là con ma điên”.

Tôi chán quá, không buồn hỏi nữa, nhưng vẫn tò mò muốn nghe hết những lời bà ta nói tiếp, hy vọng sẽ tìm thấy trong những lời đó có một câu gì giúp tôi hiểu được câu chuyện của con ma kỳ dị. Nhưng nghe cho đến hết, tuyệt nhiên tôi vẫn chẳng hiểu một tí một li gì cả. Đồ vật là đồ vật gì mà nhiều vô số kể? Mà cái gì lại có những cái miếng đầy cả ba gian nhà?

Tuy nhiên, vì kính nể bà nói năng lịch sự, cư xử phong lưu tao nhã, tôi làm ra vẻ hiểu biết câu chuyện của bà vừa nói, gật đầu ra ý tán thành triệt để ý định của bà vừa nói.

- Tôi cảm thông nỗi khắc khoải của bà. Đi kiếm tìm như thế là đúng lắm. Phải địa vị tôi, tôi cũng làm như thế. Vậy đã lấy tình thân đối xử nhau, xin bà cứ tự nhiên như ở nhà bà. Tôi xin chúc cho bà toại ý.

Cái bóng trắng khẽ cúi đầu xuống cảm ơn:

- Ngay trước khi thầy dọn đến ở đây, tôi đã biết thầy rất tốt bụng và rất hiểu biết. Tôi biết thầy không xua đuổi tôi, để cho tôi tự do đi lại tìm kiếm đồ vật đã bị mất mát trước đây, tự do quét dọn để thu lượm những miếng còn sót lại, chớ nếu phải người khác thì ít hy vọng lắm. Nếu họ không nguyên rửa, chửi bới thì cũng tìm các cách lấy bùa trừ ếm để cho tôi không vào được bên trong.

- Tôi xin cảm ơn thầy lần nữa và hứa sẽ tìm các cách để xin chư thần liệt thánh phù hộ cho thầy được phúc Trạch dồi dào, may mắn về nhiều phiên diện. ∴

Nghe đến đây, tôi chợt nhớ một điều dự định cả tuần nay mà vì nghĩ ngợi lung bong “những cái gì ở đâu” nên quên khuấy mất. “Phải rồi, mai sáng ta phải ghi vào cuốn sổ lịch để ở trên bàn mới được: lập ngay một bàn thờ tiền chủ, một bàn thờ thổ địa và sửa một lễ tân gia”.

Có lẽ cho rằng ngồi trò chuyện như thế cũng đã lâu lắm rồi, cái bóng trắng lại cựa mình lớn hơn một chút. Ở bên cạnh, có một vật gì trắng, mờ

mờ và trong suốt rung động như một hơi khói. Bà khách lạ nói tiếng Huế đứng lên, cúi đầu chào tôi lần nữa.

Cánh cửa tự nhiên khép lại từ từ lại đằng sau cái tà áo mơ hồ.

Tôi nghe thấy tiếng sàn gác rung lên như cánh con chuồn chuồn. Thế rồi, tất cả lại trở lại im lìm như trong thế giới hồn mang.

Máu dồn lên thái dương làm cho đầu nhức như búa bổ. Một cảm giác lạ lùng chuyển đi khắp người tôi và găm nhám linh hồn như con mọt nghiền gỗ. Tôi vừa sợ mà lại vừa bức tức, càng nghĩ càng không hiểu câu chuyện bóng ma khi này.

“Được rồi. Chắc nó muốn thử ta đây, nhưng nói cho mà biết, ta không có ngán. Ta chịu trận và sẽ chịu trận mãi cho tới khi nào con ma áo trắng phát ngán mới thôi”.

Cứ nghĩ lan man như thế, tôi ngủ thiếp đi đến lúc nào không biết. Sáng hôm sau, tôi gọi ông Yên hỏi:

- Đêm qua, đi ngủ, ông có đóng cửa cẩn thận không ?

- Ông khỏi lo. Bao giờ tôi cũng cài then kỹ và khóa hai lần. Có chuyện gì không?

- Không. Tôi hỏi thế thôi. Ông ngủ như thường. Tôi cũng vậy.

Từ thuở bé, tôi vẫn thường hay nói dối, nói dối không có ích lợi gì nhưng cứ nói dối chơi. Lần này tôi nói dối là để lạc hướng ông Yên, cho ông ta không hay biết gì về chuyện cái bóng ma trò chuyện với tôi ở trên gác đêm trước. Tôi không muốn cho một người nào biết chuyện đó cả.

Buổi trưa, tôi uống rượu thật say, ngủ một giấc thật kỹ, đến chiều dậy ăn qua quýt một mẩu bánh mì với thịt nguội rồi ngồi chờ tối, sau khi đã đưa tiền cho ông Yên đi ra phố mua hai cái bàn thờ đóng sẵn cùng với cây đèn, lư hương và bài vị để đem về thờ tiền chủ và thổ địa.

Tôi lại dặn ông đi hỏi thầy cẩn thận xem hôm nào tốt để sửa một lễ tân gia:

- Ăn tân gia ở nhà hàng không được. Phải ăn ở nhà. Mà nhà mình lại không đủ nồi niêu, soong chảo, bát đĩa, tôi nghĩ rằng ông nên đi kiếm một nhà hàng nào ở Sài Gòn hoặc Chợ Lớn đặt thì hơn. Tôi tính mời độ mười lăm người, ông liệu đây.

Chừng mười hai giờ đêm, tôi xúc dầu thơm vào đầu vào mặt cho tỉnh táo rồi ngồi ở ghế viết lãng nhăng một bài báo người ta đặt viết.

Tôi viết chưa được một trang giấy thì cầu thang kêu cọt két khe khẽ rồi có tiếng dép đi lên, cánh cửa kiếng lại tự động mở ra và cái bóng ma lại hiện ra như đêm trước.

Nhưng lần này không ngồi lại ở bàn nữa mà cứ đi quanh đi quẩn lại ở bên ngoài, cúi đầu nhìn hết chỗ này đến chỗ kia, có khi lại ngồi xuống gờ hai bàn tay trong suốt ra bới một cái gì bí mật ở khe tủ, gầm bàn. Thế rồi khi không cái bóng đứng thẳng lên trèo thang gác êm nhẹ xuống dưới nhà hồi lâu. Tôi đang tưởng nó biến đi thì bỗng đâu lại hiện ra ngồi sụp xuống tìm kiếm nữa... mà tuyệt nhiên tôi không thấy đồ vật gì hết trơn.

Phải nói thực, ngạc nhiên hết sức, ngạc nhiên đến mức khó chịu, không hỏi không thể yên tâm được:

- Bà có kiếm được gì không?

- Chẳng có gì hết, thầy à. Chỉ có một ít miếng thôi, nhưng có một ít miếng gom góp lại để ngắm cho đỡ thèm cũng còn hơn là không có gì phải không thầy?

Vẫn chẳng hiểu gì, tôi cứ gật đầu tán thành câu nói. Bà khách lạ chép miệng, ra vẻ buồn hết sức.

- Một triệu lần như thế này bây giờ thu lượm lại chỉ được một phần. Mà tôi tìm kiếm mấy năm nay rồi chớ có phải là ít đâu. Thầy xem, tôi bắt cả con cháu cùng đến tìm kiếm với tôi mà cũng chẳng hơn gì cả.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Cháu nào? Con cháu nào? Tôi có thấy đâu?

- Kìa, nó đứng ở cửa sổ, đang kiếm ở ngoài hành lang hiên mà thầy không thấy à?

Chân tay tôi lạnh toát. Tôi không dám quay hẳn mình lại. Chỉ ngoẹo cái đầu về phía cửa sổ để nhìn thì thấy một hình mờ mờ mà trong suốt đứng quay lưng lại phía tôi, nhìn ra ngoài gác sân (vì cái gác của tôi ăn ra một cái sân nhỏ để khi nào có trăng thì tôi kê một ghế bố ra nằm chơi nhìn trời).

- Đây là cháu gọi bằng dì. Nó tên là Phương Thảo.

- Xin lỗi bà nói tôi mới nhớ. Tôi có một cái tội được bà đãi là chỗ quen biết mà đến bây giờ vẫn chưa được biết đến quý danh. Thêm nữa, tôi có một điều muốn trình bày: tôi đã cho làm một bàn thờ thổ địa và một bàn thờ tiền chủ. Nếu bà thấy không có gì bất tiện thì cho tôi biết quý danh để tôi ghi lên bài vị. Như thế, tôi nghĩ là cái tình nó có vẻ thân hơn mà mỗi khi tôi muốn lễ bái, cầu khẩn gì cũng tiện.

- Ông làm thế thì có hơi kiêu cách, nhưng lòng của một người ở cõi dương ăn ở với một người ở cõi âm đến như thế, quả thực là chu đáo. Cháu tên là Phương Thảo, còn tôi là Mẹ Huyết nhưng vì bà sơ tôi trùng tên ấy nên gọi tréch ra là Hoát. Tôi là Mẹ Hoát.

Chính giữa lúc bà khách vừa nói đến đây thì người cháu tên là Phương Thảo quay lại nhìn về phía tôi.

Chương Mười

Bây giờ, không phải là tôi mời rượu nữa, mà chính ông Ômya lại rót rượu mời tôi uống.

- Chuyện của ông lạ lắm. Tôi phải uống để thưởng thức. Thế thì tại sao lại còn một con ma nữa hiện ra để làm gì? Tôi không còn hiểu ra thế nào...

- Thưa ông Ômya, chính tôi sống cái chuyện ấy tình đến nay đã ngót hai chục năm trời mà cho đến tận hôm nay tôi vẫn không hiểu, huống chi ông.

Luôn mấy năm trời tôi suy nghĩ và tìm một ý nghĩa, tôi tìm hiểu xem người đàn bà Huế ấy tìm kiếm cái gì và tại sao lại cùng đi với một cô cháu gái tên là Phương Thảo, nhưng vô ích. Luôn mấy năm trời, tôi đi hỏi thăm những người ở khắp vùng Chợ Quán, nhưng một phần vì những người ở đó là người mới đến đây cư ngụ, mà còn trẻ tuổi nên không thể biết; một phần vì những người có thể biết chuyện lại mệnh một hay là đi xa rồi tôi nên đành chịu, rồi dần dà cũng quên đi, không lưu ý nữa.

- Thế hai cái bóng ma ấy có còn hiện lên không?

- Có. Nhưng không hiện liên như trước nữa. Đó là chuyện sau, rồi đây ông sẽ biết. Trở lại nỗi thắc mắc của tôi. Dần dần tôi cũng quên đi không nhớ đến hai con ma ấy nữa thì tự nhiên ở đâu ông tới hỏi tôi về ông Tokubê tức Trần Hữu Lăng.

- Ủa, ông Tôkubê cũng dính tới vụ này sao?

- Có chứ. Nhưng ông cứ yên tâm, nghe cho có đầu đuôi mới được. Vậy chính lúc Mẹ Hoát (từ đây gọi bóng ma sắc trắng đó là Mẹ Hoát), nói đến đây thì Phương Thảo (cái bóng ma đứng ở cửa sổ nhìn ra ngoài gác sân) quay lại nhìn về phía tôi.

Trái với Mẹ Hoát, Phương Thảo không có một hình sắc rõ rệt. Toàn thân nàng trong vắt, mặc dầu có một lớp gì tựa tựa như sương mù bao phủ lấy cái áo dài màu lòng chanh của nàng.

Mặt mũi, đầu tóc chỉ mờ mờ thôi, còn cặp mắt thì đờ ra như người mất hồn, tuyệt nhiên không có một tí tinh thần nào cả. Nhưng nàng có một điểm rất kỳ: mặc dù lúc ấy nàng đứng xa tôi đến ba bốn bước; từ cái thân thể trong suốt của nàng, tôi thấy tiết ra một mùi thơm mát thoảng ra, làm át hết cả mùi hương của hoa y lãng bay vào trong căn gác nhỏ. Mùi thơm ấy vuốt ve mặt tôi, vương vít tóc tôi, trù mến tôi.

Tôi tưởng như nghe thấy một tiếng thở dài khe khẽ. Tự nhiên, toàn thân tôi run lên một cách kỳ lạ vừa đau nhói mà lại vừa như khoan khoái. Tôi làm bộ nhìn trang giấy mà tôi viết dở, nhưng thật tình tôi có thấy chữ nào đâu.

Ấy là vì mùi thơm tiết ra từ Phương Thảo ra mê li quá, huyền ảo quá, làm cho tôi cảm thấy say như một người nghiện say á phiện: mắt vẫn mở và nhìn rõ ràng được những sự thật ở chung quanh nhưng trí óc thì lại vật vờ như bay lên cao lắm, bay đi xa lắm...

Ngừng mặt lên, tôi bỗng nhiên thấy ngời lên ở trước mắt một bộ mặt diễm kiều bao phủ trong một mớ tóc xanh mượt như đêm thu; đôi môi óng ánh hồng hé mở như van xin; còn cặp mắt thì long lanh một nỗi sầu khôn tả.

Lúc ấy Mệ Hoát lại cúi xuống tìm kiếm ở chân tường. Mặc dầu không trông thấy, tôi cảm giác rằng cái tôi tắm ở bên ngoài lúc đó đặc quánh lại như có thể lấy dao mà thái ra từng khúc. Không có một tiếng chim, một tiếng lá rung cành, một tiếng lau tiếng lách rì rào trong gió. Mà cái bóng của Phương Thảo thì đứng im lìm trước mặt tôi, phản ánh lên trên tường gác như một ngôi sao hiện lên trong sương mù phương đông.

Không bao giờ, không bao giờ cõi đời này có thể tạo được một cái gì linh thiêng như vậy, tuyệt vời như vậy. Không bao giờ cái chết lại có thể hái đi một cái gì tràn trề một sự sống mãnh liệt và thiết tha như vậy. Không, Phương Thảo không phải là một con người ở trên mặt đất thô lậu này mà chính là màu sắc, là ánh sáng thay vì vóc dáng và hình thái; đó là một hơi thở ấm áp, du dương thay vì máu huyết; đó là tư tưởng thay vì tình cảm. Mà đó cũng không phải là một bóng ma giả dối và rỗng không bởi những nét

mờ mờ, những dáng dấp mờ mờ ấy tiết ra sự mê li cấp bách, sự ham muốn, buồn rầu, đau khổ, xót xa, yêu đương, sợ hãi, ước mong; đó là những cái đẹp bao la tuyệt diệu mà ta vẫn thường tưởng tượng ở trong tâm óc khi còn trẻ, một trong những cái đẹp mà trong những giấc mộng nào nùng, say sưa, nồng cháy mà ta vẫn quỳ xuống để hôn, ta vẫn ôm mặt khóc rồi cười, rồi lại cảm ơn trời, rồi lại khóc vì sợ có một ngày cái đẹp ấy mất đi.

Tôi không thể nào giải thích được nỗi cảm xúc lúc bây giờ, nhưng bắt đầu từ bây giờ trở đi tôi coi hai cái bóng ma ấy như thể người nhà. Không có gì biệt âm dương, không sợ hãi; hơn thế nữa lại coi việc Mẹ Hoát và Phương Thảo đêm đêm đến tìm kiếm đồ vật ở trong nhà tôi như một việc rất tự nhiên.

Mẹ Hoát dường như cũng cho việc đi lại, lên xuống căn nhà này là bình thường nên lần lần không còn sự giữ gìn e ấp như buổi ban đầu nữa, mặc dù lúc nào mẹ cũng vẫn giữ nguyên giọng nói, tiếng cười và những cử chỉ của con người phong lưu, đài các.

Có đêm, mẹ tự cầm lấy cây chổi quét nhà rồi gom lại thành đống rồi ngồi sụp xuống bới tìm; lại có lần mẹ đuổi chân ra cho thân cao mãi lên, cao mãi lên để được lục lọi cả trên đầu tủ, xích đong mà khỏi phải đứng lên trên ghế đầu.

Một người sống cần cù nhất cũng chỉ có thể làm lưng siêng năng đến thế là cùng.

Tôi tự nghĩ hẵn Mẹ Hoát mất những đồ gì quý lắm, hiếm lắm cho nên mới khổ công tìm kiếm vất vả công phu như thế, chớ phải chi là đồ vật thường thường thì đâu lại có phí phạm ngày giờ, lao tâm lực tìm hết đêm này sang đêm khác như thế bao giờ.

- Ồ, những đồ vật ấy là gì vậy?

Tính ra tôi đã hỏi mẹ hai lần rồi, nhưng không thấy đáp cho nên từ đó tôi không hỏi nữa. Hỏi nữa mẹ có thể là cho tôi tò mò, dò dẫm và do đó liệt tôi vào hạng người “không sự thể” là điều tôi không bao giờ muốn như vậy, dù là đối tượng với người đã mệnh chung.

Tuy nhiên nói như vậy không phải là bảo rằng đêm đêm Mẹ Hoát hiện lên không năng nói chuyện với tôi. Tất cả chuyện của mẹ, y như buổi ban đầu, tôi nghe mà không hiểu gì hết, nhưng vì thấy tôi gật đầu, ra vẻ hiểu biết và tán đồng, mẹ cứ nói, cứ nói để cho mẹ hiểu một mình.

Phương Thảo thì trái hẳn. Tính từ đêm tôi thấy lần đầu, nàng chỉ nói có ba câu ngắn ngủi không rõ ràng, y như thể một người bị ghen ngào, tức tưởi, nhưng mùi thơm tiết từ thân thể trong suốt của nàng lúc nào cũng tỏa ra ngạt ngào mà hình như mỗi đêm lại ngào ngạt mê li hơn một chút.

Mỗi đêm, tôi ngồi viết, nhưng ít khi viết được thành văn, mà ví có thành văn đi nữa cũng chẳng có hay ho gì. Trái lại, mỗi đêm, tôi lại được chiêm ngưỡng đôi mắt, nụ cười của Phương Thảo, đôi mắt nụ cười mà tôi dám hy sinh tất cả ở trên đời này để đổi lấy – dù chỉ trong giây phút. Quả đến lúc bây giờ tôi mới hiểu tại sao trên đời này bao nhiêu công hầu khanh tướng, bao nhiêu liệt sĩ, trung thần, bao nhiêu danh nhân, cao sĩ, lại có thể hy sinh công danh, phú quý vì một đôi mắt, vì một miệng cười tươi, mà khi chỉ có một nét nhăn trên mặt, một lời nói đong đưa, nhõng nhẽo, một giọt lệ chảy trên gò má thương thương.

Không Ông Ômya, ông phải thành thật thú nhận với tôi rằng chiến đấu cho một lý tưởng, cho một chủ nghĩa, cho một dòng họ, nhiều khi cũng say sưa hấp dẫn, nhưng sống theo tôi lúc bấy giờ, hàng đêm chung sống với những cái bóng ma hiện lành tử tế không bao giờ hại tôi mà lại phù hộ cho tôi, đời sống như thế còn thi vị, mặn mà và còn đẹp đẽ hơn cả đời sống thực tế rất nhiều, phải không ông?

Một tháng, hai tháng trôi qua, tôi thấy không cần phải dấu diếm gắt gao như những buổi ban đầu nữa.

Trong những lúc ngà ngà chén rượu, lâng lâng trong lòng tôi đem câu chuyện ấy ra tâm sự với vài ba bạn nhậu. Không một người nào tin cả. Tôi mời họ một hôm nào đó đến nghỉ đêm ở nhà tôi để xem tôi đặt điều hay nói thực thì người nào cũng tìm có khúc từ, riêng tôi có một người ưng chịu.

Đến đây người bạn của ông là Tôkubê mà tôi quen biết với cái tên Việt là Trần Hữu Lăng, ra trò.

Chương Mười Một

- Ông nói thế nghĩa là Tôkubê có dính líu trực tiếp đến vụ này sao?

Ông Ômya nhìn tôi với cặp mắt tò mò, hỏi như vậy.

Qua câu hỏi đó thì tôi nghe rõ thấy có một vẻ khó tin.

Ông cứ để cho tôi kể nốt, còn tin hay không tin – tôi đã trình bày với ông rồi - tin hay không tin cái đó là tùy ông.

- Điều đó, ông khỏi cần nhắc lại nhưng bảo là tin có ma, chưa chắc tôi đã tin hẳn, mà bảo là không tin thì tôi xin cải chính đến cùng”.

Riêng tôi thì nhất định nghĩ rằng người ta chết đi, cái linh hồn không chết, chỉ có thể xác chết đi. Hỏi tại sao quyết đoán như thế, tôi chịu, nhưng bản thân tôi đã hai lần kinh nghiệm như thế rồi. Cái linh hồn ấy có thể hiện bằng nhiều cách, dưới nhiều hình thức khó nhau.

“Người ta gọi là ma, là quỷ, là hồn, là gì gì cũng được nhưng tựu chung thì âm dương vẫn cảm thông được với nhau, người chết không phải tuyệt được hết liên hệ với người sống yên ổn với những hồn oan nó theo mình báo oán, còn người làm điều thiện thì không những dương trợ mà âm còn phù (hộ), nếu họ không được sung sướng về vật chất như ai thì ít ra tâm hồn cũng được thư thái, không lo âu sợ hãi một ngày kia bị hồn oan trả oán.

“Nhưng tại sao bạn tôi, là Tôkubê lại dính líu đến vụ hai cái bóng mà ông đang nói chuyện? Lúc này nghe thấy ông nói, tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi tự đặt ra nhiều giả thuyết nhưng vẫn không có cách gì đoán được. Nghe nốt câu chuyện của ông, tôi hy vọng sẽ tìm ra được lý do...”

“Tôi hồi hộp lắm, nhưng tôi xin ông một điều: kể đến đây, câu chuyện bắt đầu gay cấn ít ra đối với tôi. Tôi xin ông ngưng lại, để đến mai kể tiếp vì tôi còn ở đây lâu ít nhất là vài tuần lễ. Tôi mong ông sẽ đãi tôi vào hạng bạn như ông đối với Tôkubê ngày trước, cho tôi được đến đây hỏi thăm ông mạnh khỏe và trò chuyện với nhau.

“Tôi muốn ông ngưng câu chuyện ở đây, bởi vì thú thật là nghe ông kể tôi hồi hộp quá. Tôi muốn nghỉ để ghi câu chuyện và suy nghĩ vì tôi tin rằng mai đây, được nghe kể tiếp, câu chuyện của ông sẽ tạo cho tôi nhiều thú vị, hồi hộp hơn và tôi sẽ đủ sức minh mẫn để mà lãnh hội từng ý kiến, thấm nhuần từng chi tiết”.

Chiều hôm sau, ông Ômya đến tìm tôi vào buổi chiều, đem theo một chai rượu sakê cùng với một bịch gỏi, mắm ruột cá và một thứ bánh vỏ bằng nếp mà nhân bằng đậu đen.

Ngồi uống với nhau một cách rất trịnh trọng ở gác sân, ông Ômya hỏi tôi:

- Bây giờ ban đêm hai cái bóng trắng có còn hiện lên thường thường nữa không?

- Đã có lần tôi nói với ông rồi thì phải. Ít lâu nay, nó ít hiện thường như trước.

- Ông có nghĩa tại sao lại có sự thay đổi như thế hay không? Tại vì họ tìm kiếm đủ rồi, nên không kiếm nữa? Hay là tại vì một cơ gì đó họ đã đi nơi khác, không còn ở đây?

- Điều đó, tôi không biết nên không dám nói. Nhưng theo sự nhận thấy của tôi thì hai cái bóng ít xuất hiện kể từ khi thấy ông Tôkubê tức Trần Hữu Lăng.

Ông Ômya nói:

- Ông làm cho tôi lạnh cả người. Có phải là hai cái bóng trắng không muốn thấy sự hiện diện của một người lạ ở đây không?

- Hình như ông đoán không đúng lắm. Tôi ngờ rằng hai cái bóng trắng ít xuất hiện vì một hành động của ông Tôkubê thì đúng hơn.

- Ủa, tại sao vậy? Có phải Tôkubê đã có nói một câu gì hay làm một cử chỉ gì không đúng đắn với Mẹ Hoát hay cô Phương Thảo? Dám lắm. Tôi biết Tôkubê phần nào. Y có nhiều đức tính của một người hành động: cần

cù, ít nói, có lương tâm phục vụ, nhưng mang một cái tật có thể làm hỏng đại sự như chơi...

- Xin lỗi, ông với ông Tôkubê là thế nào với nhau?

- Tôi không giấu ông bạn: chúng tôi là bạn cùng làm việc mật vụ trong Thế Chiến Thứ Nhì, nhưng ngoài cái đó, y với tôi còn là người đồng hương ở Kyôto và lúc bé cùng học một trường với nhau. Ra đời, mỗi người đi một ngả, tưởng là không bao giờ gặp nhau, không ngờ cuộc chiến tranh Đức Ý Nhật liên hiệp đánh Đồng Minh lại khiến cho y và tôi phục vụ trong cùng cơ quan. Cùng phục vụ, biết thế mà thôi, chớ công tác của y tôi tuyệt nhiên không biết, mà đối với công tác mật của tôi thì y cũng mù. Trong mấy năm trời ở đây, tôi chỉ gặp y vài bận, nhưng theo chỗ biết ngầm của tôi thì y phụ trách một công tác mật gì đó ở Trường Sơn.

Nói cho thật đúng, điều ấy tôi mới vừa được biết mới đây thôi là vì Nhật bại trận, tôi về nước, gần đây lúc có tin lại được cử trở lại Việt Nam phụ trách về một phương diện kinh tế mới, tôi có gặp mẹ và vợ y nói nhỏ cho biết thế. Không phải là họ dễ mở mồm miệng đâu, nhưng họ nói rành rẽ như vậy là vì muốn nhờ tôi một việc. Công việc đó là việc riêng, chắc ông chẳng muốn nghe làm gì.

Tôi nhắc lại là Tôkubê có nhiều đức tính, riêng phải một cái tật xấu có thể làm hại đến đại sự như chơi...

- Có phải ông nóng tính quá phải không?

- Về tật ấy, tôi chưa có dịp nhận xét kỹ và biết rõ. Tôi chỉ thấy là ngay từ lúc còn đi học, Tôkubê có tật ham đàn bà quá. Có phải là tôi đã nói với ông rằng lúc y công tác ở Trường Sơn, cơ quan đã nhận được một báo cáo về y có liên quan đến gái, nhưng tôi không kể lại vì là chuyện đời tư của y?

- Phải tôi còn nhớ... .

- Lần này, nghe ông nói, tôi ngờ nữa: có phải Tokubê đã làm điều gì bất nhã, không đúng đắn nên hai cái bóng trắng không xuất hiện thường thường như trước xuất hiện ở nhà ông nữa?

- Không, không phải thế, ông Ômya ạ! Nếu ông Tôkubê – tôi muốn nói ông Trần Hữu Lăng - có điều gì đáng trách, theo tôi, đó là cái tính hơi nóng nảy của ông ta. Bè bạn đã nhiều người biết thế, nhưng vì là chỗ anh em lớn tuổi mà đã giao du với nhau lâu rồi nên chín bỏ làm mười, không có ai lấy thế làm điều; hơn thế vẫn quý mến ông ta, vì cho rằng ông ta “thẳng như ruột ngựa”, có thể nào thì tỏ thái độ ngay chứ không dấu diếm tâm sự hay gian xảo.

Vậy muốn chứng tỏ tôi chân thật, tôi mời mấy ông bạn đến nghỉ đêm ở nhà tôi để nhìn tận mắt hai cái bóng ma tìm đồ vật quý, nhưng không có một người nào ưng chịu. Riêng có một mình Tôkubê bằng lòng đến thôi.

Tôi còn nhớ rõ đêm ấy có trăng, nhưng nóng như nung như nấu. Hình như là vào khoảng tháng Ba, tháng Tư gì đó. Tôkubê và tôi cũng ngồi uống rượu ở gác sân như thế này. Uống đến gần sáng, gió trở lạnh. Có mấy hạt mưa bắt đầu rơi xuống tàn lá cây y lẫm ngoài vườn bên kia. Chúng tôi, người nào cầm ly của người nấy, vừa bước vào trong gác để trú mưa thì thấy Mệ Hoát và Phương Thảo đã đứng dựa vào bàn viết của tôi, nhìn ra ngoài gác sân tự bao giờ.

Vì quen thuộc quá, tôi chỉ khẽ gạt đầu và không để ý. Nhưng Tôkubê thì tôi thấy ông ta trừng mắt ngó lên hai cái bóng trắng một hồi lâu mà mặt mày thì tái nhợt. Tôi thầm cười: “Còn không tin nữa hay thôi? Phên này gọi là bỏ vía nhé!”

Muốn cho ông ta đỡ sợ, tôi nói:

- Cứ tự nhiên đi ông bạn! Không có ai hại ông đâu mà sợ!

- Kia, nhắm cái gì đi, chứ ngồi ì ra đấy ư, ông bạn?

Tôkubê không trả lời tôi. Bỗng nhiên tôi thấy ông hét to lên một thứ tiếng gì nghe không rõ. Bây giờ nhớ lại tôi cảm giác tiếng hét đó tựa như tiếng hét của người lính Nhật đêm chính biến hạ Pháp ở Hà Nội lúc họ tiến vào căn cứ của Pháp thực dân. Ngay lúc đó tôi không nghĩ thế. Nghe tiếng hét, tôi không hiểu lý do và ý nghĩa, thế thôi.

Tôi mở to đôi mắt để xem có gì lạ xảy ra (bởi vì rượu lúc đó bắt đầu ngấm, tôi say tầng tầng, hai con mắt nhú lại và chỉ muốn nằm lăn ra ngủ).

Tôi đã thấy gì? Bảo là quái lạ, tôi phải nói là lạ không thể nào tưởng tượng được: rõ ràng mới đây tôi thấy hai cái bóng biến vào phía sau cửa kiếng, mà cái cửa kiếng tự động đóng lại rồi, mà không hiểu từ lúc nào và bằng cách thức nào, hai cái bóng Mẹ Hoát và Phương Thảo đã hiện lên sừng sững ở cạnh Tôkubê.

Tôi trông thấy hai cái bóng rung động và mấp máy làn môi, tôi đoán là họ nói gì với nhau. Sau đó, bóng Mẹ Hoát rung động, cái màn vải mỏng bao trùm thân thể Mẹ bay lên... . mắt mẹ hết mờ, quắc lên như hai con đom đóm. Và tôi thấy môi mẹ cắn chặt lại với nhau, trong khi Phương Thảo khe khẽ, nhỏ nhẹ nói vào tai Tôkubê.

Phương Thảo nói gì? Tuyệt nhiên tôi không nghe thấy gì hết. Mà Mẹ Hoát tức giận như thế là tại vì sao? Tôi cũng chẳng hay gì cả.

Nhưng ông Tôkubê bây giờ thì không còn ngồi đờ ra như khi nãy nữa. Mẹ Hoát nói, tôi nghe lọt được câu này:

- Khỏi cần hỏi nữa. Dì biết chắc rồi, nó muốn chối cũng không thể được. Bây giờ cháu chỉ cần hỏi một câu chót xem hấn có bằng lòng chỉ cho ta chỗ cất vật ấy không, thế thôi. Nếu không chỉ, hấn sẽ hối hận và sẽ gánh mọi hậu quả không hay.

Mẹ Hoát nói đến đây thì Tôkubê thét lên một tiếng kinh khủng giữa đêm khuya thanh vắng như chúng ta vừa thấy. Rồi tôi thấy cặp mắt Tôkubê đỏ ngầu lên, ông chửi rủa, gào thét và nói:

- Tao không cần phải khai gì hết. Nếu tụi bây không ngưng phá ta, không ngưng tỏ thái độ hăm dọa, không ngưng thúc bách ta chỉ chỗ kia chỗ nọ, ta quyết ăn thua đủ đêm nay.

Đồng thời, tiếng ly chén vỡ vang lên. Tôi thấy ông Tôkubê đứng dậy, xách hai tay hai cái ghế ném vào chỗ hai cái bóng trắng vừa đứng mới đây. Miệng ông sùi bọt và không ngớt nói những câu gì mà sau này nghĩ mãi tôi

không có cách nào hiểu nổi. May mà cái bàn của tôi lớn và nặng chớ nếu không thì Tôkubê cũng đã chụp lấy để ném cho chết cái bóng của Mẹ Hoát và Phương Thảo rồi. Tôi kêu lên:

- Ông Lãng! Sao thế? Ông say à?

Tôkubê không nói, lấy hai bàn tay ôm chặt lấy đầu và ngồi sụp ở trên sàn gác.

Vừa lúc đó, ông Yên ở dưới nhà bước lên. Thấy tiếng đồ đạc rớt ầm ầm, ông đương ngủ vội vàng choàng dậy và lật đật chạy lên gác xem có việc gì xảy ra. Ông không dám vào ngay vì quá sợ, phải đứng đợi hồi lâu ở ngoài. Tôkubê hỏi:

- Ông lên từ bao giờ vậy? Ông có thấy hai con ma xuống dưới ấy không?

- Bẩm, ông nói gì? Không, không có người nào hết. Tôi đứng đây đã lâu rồi, nhưng quả không thấy một người nào, một bóng ma nào ra đây.

Tôkubê la lên như bị ai bóp cổ:

- Thế là nghĩa làm sao? Rõ ràng tôi thấy chúng nó, mà chúng nó lại rí tai tôi gắt gỏng, chửi rủa và hăm dọa tôi nữa. Tất cả những lời chúng nó thốt ra, tôi còn nhớ hết. Tôi quyết giết cho chúng nó chết. Tại sao ông không trông thấy gì?

Yên liếc mắt nhìn tôi như van nài tôi trả lời giùm. Tôi đưa mắt ra hiệu cho ông Yên xuống dưới nhà. Còn Tôkubê thì tôi dìu lên trên giường, khuyên nằm yên để nghỉ.

Nhưng cái bóng Mẹ Hoát và Phương Thảo đã kề vào tai Tôkubê nói nhỏ những gì mà khiến cho ông giận dữ điên cuồng như thế?

Chương Mười Hai

- Ở tại sao, tại sao lại có chuyện tự nhiên nổi nóng như thế, hử ông? Hai cái bóng trắng ấy nói nhỏ gì vào tai Tôkubê khiến cho y phát khùng lên ném bàn quăng ghế và đòi giết chết cả hai vậy? Chắc ông đã hỏi Tôkubê rồi. Thế thì Tôkubê đã nói gì với ông? Nói đi ông, tôi ham biết nguyên do câu chuyện quá!

Nóng ruột hết sức, Ômya đặt ly rượu xuống không uống nữa, thúc dục tôi tới hai lần, tôi mới thông thả đáp:

- Có chứ. Hôm sau, đợi đến lúc Tôkubê bình tĩnh, tôi đem câu chuyện ra khê hỏi tại sao mà tự nhiên ông lại nổi nóng lên như vậy. Thì ông có biết thái độ của Tôkubê thế nào không? Y như người bạn rộn nhiều vấn đề trong óc mà bị người khác làm phiền, ông ta vặc với tôi. Tất nhiên là ông cố giữ lễ độ với anh em, vẫn cười mà mặt thì cố không để lộ ra quạu cọ, nhưng cái gì chớ cái đó thì tôi biết lắm: đúng là ông Tôkubê không muốn nói gì hết; ông muốn để cho ông yên; hỏi nữa thì mang tiếng là tò mò, dò chuyện không hay gì hết.

Sau đó mấy ngày, ông Tôkubê không đến nhà tôi nữa. Thường thường, trước đó, cứ cách một ngày ông lại đến chơi mặc dầu tôi ở Chợ Quán mà ông thì ở mãi bên Thị Nghè.

Ông năng đến nhà tôi như vậy vì tình bạn đã đành, nhưng ông vì công việc buôn bán nữa.

Tôi cộng tác với hai người bạn khác xuất cảng sơn mài đi một vài nước Á Châu. Ông Tôkubê đại diện cho một hãng buôn ở Nhật đến tìm tôi đặt hàng. Gặp khi nào rảnh rỗi, ông cùng tôi lại nhậu nhẹt với nhau, nếu không thế thì lại rủ nhau đi la cà hết Chợ Lớn, Sài Gòn, Hàng Sanh, Vĩnh Hội để tìm mua đồ cổ vì tôi cũng biết xem đồ cổ ít nhiều mà ông Tôkubê thì ham mua lắm, vì ông cho rằng đồ cổ Á Châu quý nhất trần đời, không nước nào

Âu Châu có thể sản xuất được; đầu tư vào đồ cổ “ăn chắc” nhất mà lại lời vô kể.

Từ khi tôi được quen biết ông ta, riêng tôi, đã thấy ông sắm được nhiều cổ đồng hoen rỉ, diều sứ lạc tinh mòn lý, nhiều độc bình, chóc toàn bích da rạm đậm nét lạ lùng, nhiều ngoạn ngọc ký Càn Long, Gia Khánh cùng tô đĩa, chén trà cái thì vẽ cảnh mai, nhành trúc, cái thì vẽ khúc sông con đò điểm những bài thơ ngũ ngôn bát cú... Vậy mà không hiểu ông cất đâu hết cả. Bằng chứng là đến phòng ông ở, tôi chẳng thấy gì hết. Hỏi thì ông bảo đem về nhà ở miền Trung, trong dãy Trường Sơn.

Vâng, sau ngày đánh nhau với hai cái bóng trắng ở nhà tôi, ông Tôkubê băng đi gần tuần lễ không lại nữa.

Vào lúc không ngờ nhất, một buổi sáng kia ông tự nhiên lại đến tìm tôi. Tôi cảm thấy tinh thần ông vẫn chưa trở lại bình thường. Ông nói nhiều câu khó hiểu. Thỉnh thoảng, nhân một hai câu chuyện không đâu, ông gất gỏng với tôi. Lạ nhất là thỉnh thoảng ông lại nói một mình: “Tra khảo! Tra khảo! Tao lì lăm, chớ có trêu vào mà chết!”.

Vừa nói, ông vừa nắm tay lại, tỏ ra hung mạnh và can đảm. Nhưng tôi thì nghĩ ngay đến những đứa trẻ sợ ma, đứng ở trong nhà nhìn ra trời tối ở bên ngoài mà la hét, làm ra cái bộ “ta đây không sợ” nhưng chính ra là sợ quá, sợ dĩ la hét như thế chỉ để tự mình đánh lừa mình mà thôi.

Thấy ông Tôkubê hành động như vậy, tôi càng ngạc nhiên hết sức. Một trăm một nghìn lần, tôi tự hỏi không biết ông Tôkubê có chuyện gì với Mẹ Hoát và Phương Thảo mà từ hai hôm bên đụng nhau thì ông Tôkubê tự nhiên lại thay đổi khác hẳn đi như thế.

Người ta vẫn thường nói, những người gặp ma dữ mà hợp nó, ma nó làm. Hay là trường hợp của ông Tôkubê là thế chăng? Tôi tự nghĩ thầm như thế và chính vì thế có nhiều đêm tôi thao thức không ngủ được. Kết cục, tôi vẫn hoàn toàn chưa được hiểu biết gì về vụ Tôkubê, chưa hề thấy một ức đoán nào đáng để ý thì đã đến ngày ăn tân gia, tôi sửa lễ thiết lập hai bàn thờ tiền chủ và thổ địa.

Mấy hôm nay, tôi buồn muốn chết, suốt ngày chẳng đi đâu. Tôi cảm đầu viết –“viết như một con trâu con ngựa”. Ở đời, thử hỏi đối với một thằng người, có gì xấu xa hơn, khổ sở hơn là làm nghề viết hay không? Không che đậy tâm trạng một li - mà tôi phải che đậy, giấu giếm tâm trạng làm gì chứ? – có rất nhiều lúc tôi cảm thấy tất cả những người đi lại cười nói ở trên đời này đều vàng khè ra cả - mà chỉ có người ta là vàng khè ra như vậy mà thôi.

Phải chi phong cảnh, đồ vật, khí trời, cây cối cùng vàng một màu như thế thì cũng được đi, vì toàn thể cùng nhuộm chung một màu sắc như nhau cả, nhìn cũng đỡ gai con mắt...

Nhưng... trời xui khiến làm sao lại không như thế. Bao nhiêu cảnh sắc ở chung quanh tôi nguyên vẹn y như trước duy chỉ có người ta là biết đi biết nói... Tôi chán nản hết sức và chính giữa lúc ấy thì tôi nhớ hai bóng ma Mẹ Hoát và Phương Thảo không biết chừng nào.

Ấy là vì từ khi xảy ra vụ ông Tôkubê ném ghế, liệng ly, chửi rửa Mẹ Hoát và Phương Thảo, hai cái bóng trắng đi biệt đâu mất không thường xuyên xuất hiện ở nhà tôi như trước nữa. Thế rồi tự nhiên vào trước hôm tôi cúng tân gia, hai cái bóng trắng lại hiện ra đột ngột. Tôi nói:

- Chào Mẹ Hoát và Phương Thảo! Sao lâu nay không thấy Mẹ Hoát vào lại đây? Tôi có làm điều gì thất lễ chẳng?

- Đâu có! Cách ăn ở của thầy Tư đối với chúng tôi ít có ai theo kịp. Không nói lấy lòng thầy đâu, thầy là người xử thế ít có, nhưng... .

Đến đây, Mẹ ngừng lại không nói nữa. Đón ý Mẹ, tôi hỏi:

- Nhưng có phải ông bạn tôi đã làm phật ý Mẹ vào không? Nếu quả như thế, tôi xin lỗi giùm cho ông bạn. Ông ta tốt, nhưng nóng tính, có lẽ là vì rượu.

Mẹ Hoát cự mình, cái bóng lớn ra thêm rồi một lúc sau trở lại như cũ. Mẹ đã quay đi từ lúc nào. Tôi nghe thấy văng vẳng ở bên tai: “Thầy Tư không hiểu hết câu chuyện này đâu. Thầy không nên dính vào làm gì... vô

ích... Việc đâu, rồi có đó... Trần Hữu Lãng là Tôkubê... Không có cách gì che đậy được nữa. Bây giờ tôi chắc chắn có thể nói với thầy như thế”.

Thế rồi đến ngày tôi tổ chức lễ tân gia: ăn uống từ chiều đến khuya đứng dậy ra về, ông Tôkubê gục xuống ở trước cửa nhà tôi, cầm khẩu liên, chưa chở được đến nhà thương thì chết, không trăn trối được câu gì cả.

Chương Mười Ba

Thấy ông Ômya nhô lên, ra vẻ định hỏi gì, tôi giơ tay bảo ông ngồi yên để cho tôi nói tiếp:

- Buổi tân gia hôm đó có cả thầy mười sáu mười bảy người ăn, chớ không phải chỉ có ông Tôkubê và tôi, như ông sắp hỏi đâu.

Làm theo đúng lời tôi dạy, ông Yên đặt hai thợ nấu ăn tại một nhà hàng lớn ở đường Trần Hưng Đạo.

Từ mười hai giờ trưa, họ chở một xe đồ nghề, soong chảo và lò dầu lửa cùng với hai mâm thịt thà đồ nấu đã cắt thái sẵn sàng; đến nơi chỉ việc nhóm lò lên thổi nấu. Trong lúc họ bắt đầu chia ra, người thì bày bàn, cắm bóng, người thì rửa rau, vo gạo, ông Yên đặt bàn thờ tiền chủ lên cái xích đồng đóng sẵn ở gian trong nhà dưới, còn bàn thờ thổ địa thì để ở ngoài hàng hiên trông ra cửa rồi bày trái cây, rót rượu, đốt nhang đèn lên sáng trưng nhà.

Thay quần áo tử tế, tôi ra lễ, làm nhăm câu khấn hồi lâu. Mọi việc xếp đặt chu đáo rồi, tôi ra xem lại một lần nữa hai bàn tiệc thì thấy mọi việc đều vừa ý: tất cả có mười sáu người ăn hôm ấy, thêm tôi nữa là mười bảy, ai ngồi cạnh ai, nhất nhất có ghi vào một mảnh giấy cắm ở trên bàn.

Mười sáu người khách ăn nấy đều là chỗ tôi quen biết thân mật cả.

Ông Tôkubê ngồi ở bên mặt tôi, bên trái là ông bạn có tuổi quen tôi ba chục năm nay, anh em vẫn quen gọi là ông Ba Sang, trước đây cũng ở vùng Chợ Quán nhưng vì từ ngày có cuộc đảo chánh nhà cửa bị cháy, cơ nghiệp tan tành nên bỏ đô thành lên Ban Mê Thuột làm đồn điền cà phê với con rể và con gái, ít khi về Sài Gòn chơi. Lần này nhân có việc nhà cửa đất cát và sang tên bằng khoán cho người mua, ông về đây một tuần. Thừa dịp, ông đi thăm vài bạn cũ vì nghĩ rằng có lẽ không còn dịp nào về nữa, phần thì lười nhác không muốn xê dịch lôi thôi, phần thì vì tuổi đã cao rồi – ông đã bảy

mười tư tuổi – đi máy bay mệt quá mà sợ xảy ra chuyện rủi ro thì phiền phức cho con cháu.

Khách ngồi vào bàn khoảng năm giờ chiều.

Hôm ấy trời lại có gió y như gió heo may cũ vào thu ở Bắc nên ai uống rượu cũng thấy ngon. Mười bảy người vô tất cả ba lít đế và bốn năm chai Uýtki, mạt-ten gì đó, tôi cũng không nhớ nữa, nhưng không có một người nào say - kể cả ông Tôkubê nữa.

Đến khi dùng đồ nước, hầu hết đều khen nhà hàng nấu các món ăn khéo lắm. Mười một giờ hơn, một số khảng tảng ra về - trong số đó có ông Ba Sang, ông Bảy Bích, bà Liên Phát làm xuất nhập cảng ở đường Hàm Nghi. Mười hai giờ, chỉ còn có hai người ở lại là ông Lăng và giáo sư toán Lê Hồng Tài. Khác hẳn mấy ngày trước đây, ông Trần Hữu Lăng mau mồm mau miệng hơn ngày thường.

Ông nói là ông ăn một bữa cơm vừa bụng lắm, ông không uống cà phê vì sợ mất ngủ và có lẽ vài hôm nữa thì đi ra miền Trung mấy ngày.

Không. Ông Lăng mạnh lắm, không có một mảy may gì tỏ ra bệnh hoạn. Ông cũng không hề đụng chạm một câu nào đến cái đêm ông đánh hai cái bóng ma ở nhà tôi. Có nhiều phần chắc chắn là ông đã bỏ qua chuyện đó, không lưu ý tới nữa.

Nhìn đồng hồ tay thấy đúng mười hai giờ rồi, ông đứng lên chào tôi kiếu về. Tôi giữ ông lại nghỉ, sợ rằng say rượu ra ngoài đường gió máy nhờ xảy ra chuyện gì không hay, ông cười và bảo tôi:

- Ông làm rồi. Hôm nay, tôi uống thật nhiều thật, nhưng không say chút nào. Đây này, tôi đi có loạn choạng đâu.

Quả vậy, ông đi rất vững. Chính tôi, cũng lấy làm lạ sao hôm nay ông uống hay như thế. Thường thường, vào những ngày khác, uống như thế thì ông nói như như và đi chuệch chà chuệch choạng. Tuy nhiên, tôi không lấy thế làm lạ chút nào: ai đã uống rượu đều nhận thấy có những hôm ta uống

rất nhiều mà chẳng làm sao hết, nhưng có những hôm khác chỉ làm mười tốp thì đã say rồi, có khi không cất chân lên nổi và ngã ngay nơi bàn tiệc.

Xuống hết thang gác, ông còn đứng lại nói với tôi một giây lâu về công việc. Ông cười khá to, đi ra cửa, theo sau là giáo sư Tài cùng về một đường với ông.

Lúc ấy là mười hai giờ ba mươi lăm phút.

Tôi vừa quay lưng lại sắp bước lên thang gác thì thấy ông Yên thét lên một tiếng dữ dội trong đêm vắng. Giáo sư Tài, đi lui thúi ở đằng trước, cách đó chừng năm bước, quay trở lại xem có chuyện gì thì tôi cũng vừa chạy ra đến cửa.

Ông Trần Hữu Lãng nằm co quắp ở thềm nhà tôi như một đồng giẻ rách, mồm há ra như thể muốn kêu mà kêu không được, một chân duỗi ra, một chân co lại, trông cực kỳ thê thảm.

Giáo sư Tài, ông Yên và tôi nâng ông dậy đem vào trong nhà. Người ông lạnh toát. Ông Yên giựt gió, lấy dầu thoa khắp mình mẩy ông Lãng, còn giáo sư Tài thì chạy vội kêu một cái tắc xi đưa vào nhà thương gần đó. Tôi nói với ông Yên:

“- Ông Lãng bị gió độc đấy. Thế lúc ông ấy té, ông có nhìn thấy không?”

“- Tôi nhìn thấy rõ từ đầu đến cuối. Đúng là ông Lãng chưa bước chân ra khỏi nhà mình, một chân ông còn để ở trong, một chân đang bước qua cái thềm. Lạ không kể đâu cho hết, ông chủ à. Tôi tưởng là tôi mê, nhưng không, không phải là tôi mê đâu. Nhứt định là tôi tỉnh. Mắt tôi nhìn thấy rõ ràng mà”.

“- Nhìn thấy cái gì? Ủa, sao ông nói mà tay run lên bần bật thế?”

“- Vâng, tôi nhìn thấy rõ ràng. Ai nhìn thấy như tôi lúc bấy giờ mà không sợ? Ngay bây giờ tôi còn sợ muốn chết đây này”.

Đề cho ông Yên thở một giây tôi hỏi:

“- Ông nhìn thấy gì mà sợ vậy? Chắc là thần hồn nát thần tính chứ gì?”

“- Ông chủ muốn nói thế nào thì nói, nhưng nhất định tôi trông thấy đúng in như thế. Ông Lãng còn đương chân trong chân ngoài, chưa ra hẳn thì tự nhiên tôi thấy có một cái gì bốc mù lên ở ngay trên đỉnh đầu ông ta rồi hình như trên trời, trên gác sân hay từ đâu không rõ, có hàng trăm cái roi quất vào mặt ông ta cho đến lúc ông ta ngã sòng soài trên mặt đất”.

Tôi nghĩ thầm: “Đúng. Lúc khiêng ông Lãng vào trong nhà, mình cũng nhìn thấy còn hẳn rất nhiều vết bầm tím trên mặt thật, nhưng không nói ra vì cứ tưởng là hoa mắt”. Tuy nhiên, tôi cũng làm ra vẻ không tin, nói chọc ông Yên:

“- Ông nói cái gì kì quặc. Roi ở đâu? Mà ai quất. Tại làm sao lại quất ông ta?”

Tức quá, ông Yên trả lời tôi một câu thiếu bình thường:

“- Ông chủ hỏi thế thì ông cố nội tôi cũng không thể trả lời ông được. Tôi trông thấy thế nào thì trình lại đúng thế chứ hỏi tại sao, tôi chịu. Nhưng nói cho đúng y hịch cái lòng tôi nghĩ lúc đó và ngay cả bây giờ nữa, tôi cho là ma, ông ạ. Ma thật”.

Tôi không nói thêm gì nữa, khóa cửa cùng với ông Yên đi vào nhà thương. Giáo sư Tài đứng đợi tôi ở cửa, cho biết là chở ông Lãng gần đến nhà thương thì ông ta hết thở. Đã đưa vào nhà xác rồi. Sáng mai bác sĩ mới khám nghiệm và cho chôn.

Cả đêm hôm ấy chúng tôi không ngủ được. Giáo sư Tài và tôi bàn tán cho đến sáng bạch về cái chết của ông Trần Hữu Lãng. Trưa hôm sau, bao nhiêu bè bạn xa gần đều biết hung tin đó. Lại một loạt bàn tán nữa: đa số cho là ông trúng gió, một vài người quả quyết ông đứt gân máu, lại có một vài người ngờ rằng ông bị tắc tim, máu không lưu thông được nên chết mau lẹ lắm.

Riêng bác sĩ phụ trách khám nghiệm tử thi tuy nhiên không cho biết là ông Lãng chết vì chứng bệnh gì. Đa số bác sĩ vẫn thường có cái tính thâm

trầm như thế: biết là người xấu số chết vì bệnh gì rõ ràng rành mạch, nhưng nhất định không chịu tiết lộ cho ai biết, tưởng như nói ra thì người ta biết hết bí mật của nghề y vậy.

Ông Lăng chết rồi, nhưng biết làm sao bây giờ? Vì trước sau ông không hề cho bất cứ ai biết gia đình ông ở tỉnh nào, quận nào ở miền Trung và vợ con ông tên là chi, làm ăn buôn bán gì, nên chúng tôi không có cách nào báo cho biết để họ về đây lo liệu công việc ma chay chôn cất. Cuối cùng, chúng tôi phải góp sức nhau lo việc chôn cất ông ta, nhất là giấy tờ, hòm ván, khâm liệm, xin đất xin cát, đưa ra đồng, các bè bạn đều chia nhau ra làm cả, không có một điều đáng tiếc.

Tôi nhớ rõ lúc khâm liệm ở nhà xác, về phía chúng tôi có bốn người trông nom chứng kiến – trong số đó có tôi.

Ông Ômya, ông có biết tôi đã thấy gì không? Đến cái lạ này, tôi cam đoan với ông rằng ông không thể nào tưởng tượng được.

Xin nhớ rằng lúc ông Lăng vừa té xuống, chính tôi đã khiêng ông vào trong nhà; đến lúc kêu được tắc xi chính tôi đã vục ông lên xe; nghĩa là tôi đã nhìn đã nhìn mặt mũi ông, tay chân ông kĩ lắm.

Vậy mà không hiểu tại sao lúc chứng kiến khâm liệm ông Lăng thì tôi lại thấy toàn thân ông, từ mặt đến chân, nổi lên không biết bao nhiêu vết bầm đen, có nốt ri rỉ máu đã đông lại, có nốt như bị mũi dao cứa da lung thịt.

Không một người nào hiểu tại sao. Tôi đã thấy những người đứt gân máu, gặp thầy thuốc gà mờ chích thuốc không đúng, làm cho da thịt người bệnh nổi lên những vết tròn tròn, tím tím hay đo đỏ. Tôi lại cũng thấy có những người hoặc uống một chất thuốc gì độc quá hoặc ăn nhung bở quá, nứt thịt ra rồi từ những vết nứt đó rỉ ra một thứ nước vàng sanh sánh, có khi lờ mờ máu cá.

Nhưng đến cái xác của ông Lăng thì lạ không thể quan niệm được: những cái vết trầy ở trên da thịt ông đúng là vết dao cắt – không, không

phải thế, đúng là vết cửa, vết đâm của những miếng sành, miếng sứ. “Thế là nghĩa làm sao? Chịu. Không thể nào hiểu nổi.”.

Khâm liệm xong rồi, tôi đem sự kiện đó ra hỏi bác sĩ. Ông đưa ra một loạt chữ la-tinh, nói về máu, về thần kinh, về tuyến để giải thích cho tôi nghe, nhưng rút lại tôi không hiểu gì hơn.

Tôi sẽ còn suy nghĩ và tự đặt nhiều ức thuyết. Nhưng thâm tâm thì tôi thấy có một cái gì rờn rờn ở trong đầu; tôi cảm thấy một cách không rõ rệt rằng đây không phải là một chứng bệnh, một trạng thái nào của cái chết, mà là một cái gì huyền bí lắm có liên quan đến cái bóng ma Mẹ Hoát và Phương Thảo.

Nhưng liên quan thế nào?

“Tại sao hai cái bóng đàn bà yếu ớt ấy, mà chỉ là cái bóng hư hư thực thực, tại sao hai cái bóng đàn bà yếu ớt đó đó lại có thể lấy cái gì quất vào đầu cổ mặt mũi ông Lăng cho đến chết?”.

Đến hôm đưa đám, vẫn không có một người bà con nào thân thích của ông Lăng đi dự - trừ những anh em quen thuộc mà chúng tôi đã biết.

Khoảng một tháng sau, tất cả bạn hữu đều quên ông, trừ tôi ra. Không phải vì tôi thương nhớ ông hơn các bạn bè khác nhớ thương ông, nhưng bởi vì tôi có muốn quên đi cũng không thể được vì còn hai cái bóng trắng hiện lên trong nhà.

Chương Mười Bốn

Ấy là vì cứ khi nhìn thấy hai bóng ma đó hiện lên trong nhà thì tôi lại nhớ đến người bạn quá cố là Trần Hữu Lăng tử tế thực thà là thế mà lại đi chết tức tưởi, chết một cách vô nghĩa vô lý thế.

Nói cho đúng, không thiếu gì cái chết vô nghĩa lý ở đời, nhất là trong thời tao loạn như lúc này. Nhưng cái chết của ông Lăng lại còn gài thêm một cái gì huyền bí, kỳ quái làm cho người còn sống khó chịu, bức tức vì nghĩ mãi không thể nào hiểu nổi, không thể nào tìm ra được một ý nghĩa, một lý do.

Là vì tôi yên trí một cách chắc chắn ông Lăng không chết vì bệnh tật.

Sau đó ít lâu, vì nguyên nhân gì không rõ, nhà chức trách áng chừng cũng nghĩ như thế đã mở một cuộc điều tra làm cho tôi và một số bạn hữu phải đi lại cò bót có tới hơn tháng trời, nhưng rốt cuộc lại thì vụ này cũng xếp qua một bên.

Tuy nhiên, vì thế mà cái chết của ông Lăng đã bị quên lãng một thời gian tự nhiên nổi lên trong bọn chúng tôi sau mỗi khi đi cò bót để khai với nhà chức trách. Tôi không hề kể cho nhà chức trách nghe một chút gì về hai cái bóng hiện lên trong nhà tôi và cũng không đả động tới vụ ông Lăng chửi rửa và quăng ly liệng ghế vào hai cái bóng đó, nhưng bây giờ thì tất cả bọn chúng tôi đều biết vụ đó và thường hỏi thăm về hai con ma có còn hiện lên thường như trước nữa không?

Chắc ông bạn chưa quên là trước khi tôi làm lễ tân gia đặt bàn thờ tiền chủ và thổ địa, có một đạo Mộ Hoát và Phương Thảo không thường hiện lên ở nhà tôi. Từ ngày ông Lăng mất, hai cái bóng ấy lại hiện lên thường xuyên, nhưng bây giờ thì họ không lấy chổi quét nhà, hay moi móc trong hộc tủ, khe bàn, không ra gác sân hay với lên xích đông để tìm kiếm đồ vật như trước nữa.

Tôi thấy họ nói với nhau những cái gì lâu lắm rồi cúi xuống, đứng lên như thể bày biện những cái vật gì quý lắm, thế rồi có khi họ biến mất cả tuần lễ, rồi đột ngột một hôm trở lại ra cái vẻ vui hơn thường lệ. Một hôm, Mẹ Hoát ngồi xuống cái ghế kê ở trước mặt tôi, nói:

“- Tôi đã bắt đầu tìm được chỗ nó cất giấu rồi ông ạ. Nhưng một trăm phần, may ra còn được năm sáu phần mà thôi, nhưng có còn hơn không, ông ạ. Thế nào tôi cũng trả ơn ông vì ông đối xử với tôi quý hóa vô cùng. Những quân độc ác, ỷ mạnh cậy giàu, đến cướp nhà người ta, hãm hiếp đàn bà con gái, làm cho cả gia đình người ta xáo trộn tan nát, ta không thể nào tha thứ được.

Ai tát mình bên mặt, đưa má bên kia cho người ta tát luôn đi... Lấy ân trả oán, oán mới tiêu tan, lấy oán trả oán, oán kia còn mãi... . Chèng ơi, tất cả những lời đó nghe đều đẹp cả nhưng có phải ai sinh ra đời cũng là Phật, là Chúa cả đâu... Thấy giáo chủ Mohammed tương đối thực tế hơn: ai đánh mình thì mình đánh lại, nếu không nhịn được... . thầy Tư à, trước khi tôi chết đi, tôi cũng là người... ai đánh thì tôi đánh lại... ”

“Chết tôi rồi! Càng ngày tôi lại càng không hiểu được Mẹ Hoát nói gì, càng ngày tôi càng thấy hai bóng ma này quá ư rắc rối. Không chừng mình loạn trí mất rồi”.

Tôi nói như thế với một hai người bạn. Ai cũng bảo tôi nói đại.

- Chẳng qua là tại anh cảm xúc về cái chết của Trần Hữu Lăng quá mạnh đó thôi. Thêm một lẽ nữa là vì mệt mỏi vì bận rộn nhiều việc quá. Anh nghỉ ngơi một ít lâu thì lại bình thường ngay chứ gì!

Một ông bạn khác khuyên tôi mỗi buổi tối uống một hai viên thuốc an thần. Nhưng ông Ba Sạng thì nhất định cho thuốc men là bậy hết vì, theo ông, bao nhiêu chuyện xảy ra thế này, hoàn toàn tại vì cái đất hết, cúng kiếng đã đành là tốt đấy, nhưng chẳng có gì hay hơn là dọn bég nhà đi nơi khác mà ở, có phải là chắc bụng không.

Tất cả những “truyền thuyết” về vùng Chợ Quán, tôi đã nghe và đọc thấy trong các sách vở, tự nhiên lại trở lại trong óc tôi và tôi kêu lên những tiếng nhỏ bé như tiếng trong tổ ong lúc “chia quân”. Tôi hỏi ông Ba Sạng:

- Thừa cụ, theo cụ thì những lời truyền đó, có đúng không? Cụ có tin rằng Chợ Quán có ma nó phá vì nhà cửa ở đó choán đất chùa Miên và đồng ruộng của người Miên?

- Tôi cũng nghe thấy thế. Ngoài ra lại còn nhớ mang máng rằng các cụ ngày xưa còn cho là đất Chợ Quán ở không yên, ma hoành hành dữ dội là vì người ở đây đã phá nát hai ngôi chùa ngang nhà Thờ Chợ Quán: một là chùa “Kiêm Tiên Tự” sau đổi là “Nhân Sơn Tự” và một là “Chùa Gia Điền” bị phá năm 1885.

Trước đây, lúc còn hai ngôi chùa ấy, thiên hạ làm ăn êm ả lắm. Từ ngày chùa bị phá đi, ma quỷ không còn ai coi ra gì nữa, tác ác lộng hành quá cỡ, do đó Chợ Quán thành ra một đất dữ dằn, không kém khu Thuận Kiều ngày trước. Nhưng nói thế không phải tất cả khu Thuận Kiều hay Chợ Quán đều dữ đâu. Ở khu Thuận Kiều đất dữ là cái vùng đồng ruộng khỏi Chợ “Cây Da Thằng Mọi” mà đến bây giờ người ta còn nhắc trong câu hát:

“Cây Da Thằng Mọi, coi bán đủ thuốc Xiêm cau mứt
Cái cầu Cao Miên, thấy làm nguyên cột vấp ván trai”

Còn ở Chợ Quán, đất dữ nhất là cái vùng Kim Tiên Tự ngày trước, và những cái hẻm chung quanh đây đi ra “Chợ Hôm”, “Chợ Mai”, “Xóm Bột”, “Rạch Bà Đò”. Lâu lắm, tôi không về đây thành ra không biết tên những con đường mới kêu là gì, nhưng tôi nhớ mang máng ngày trước ở đây có bà người Huế lập một cái Quán tên là “Quán Bánh Nghệ” ở dưới một gốc me lớn. Bánh nổi tiếng quá đến nỗi cả xóm phải lấy cây me làm mục tiêu mà gọi là “Quán Bánh Nghệ của bà người Huế ở xóm cây me mát”.

Chuyện này kéo nhằng ra chuyện nợ, tình cờ, tôi được ông Ba Sạng cho biết về Mẹ Hoát - người đàn bà Huế nói vào tai tôi, hiện lên trong nhà tôi, mến thương tôi nhưng từng làm cho tôi loạn óc, muốn vào nhà thương Biên Hòa.

Chương Mười Lăm

Bà người Huế bán bánh nghệ ở xóm Cây Me Mát chính là Mẹ Hoát mà chúng ta đã thấy xuất hiện lên cùng với cháu là Phương Thảo tại căn nhà nhỏ của tôi ở khu Chợ Quán. Mẹ ở đâu mà lại tới đây lập quán? Theo các cụ kể lại, khu Võ Tánh hiện nay, trước đây, kêu là khu Thuận Kiều. Ở đó có trại Ô Ma, Chợ “Điều Khiển”, “Sở nuôi ngựa” của binh Pháp cất trên một ngôi chùa cũ kêu là “Kim Cương Tự”. Trong thành lính tập Ô Ma, có miếu thờ các công thần nhà Nguyễn lập năm 1804, kêu là “Hiển Trung Từ” có bài vị thờ 1,015 tử sĩ liêu minh vì nước. Năm 1927, miếu này được trường Bác Cổ trùng tu.

Qua năm 1930, triều đình Huế cử một đại thần vào trong này tế tự. Ngài cùng đi với phu nhân. Không hiểu vì sao hai ông bà bất đồng quan điểm ra sao (ông thì kêu một ngàn mười lăm tử sĩ ấy là những nhà ái quốc liêu minh vì nước trong các trận chống Tây Sơn mà bà, trái lại, lại cho những người ấy mù quáng không biết phân biệt thù với bạn), bà ở lại không trở về Huế nữa, can đảm lập ra cái quán bánh nghệ nói trên và sống với một người cháu (kêu bằng dì nhưng thật ra là cháu nuôi).

Vì không muốn lưu lại một tàn dư với người chồng trước, bà xưng là Mẹ Hoát (lấy có tên cổ sơ là Huyết, phải cũ, nhưng chính thực để khỏi nhắc đến tên chồng cũ là Huyết) nhưng dân ở đó kêu bà là “bà người Huế bán bánh nghệ”. Ai cũng mến thương bà vì không những bà lịch sự khéo ăn khéo ở với lối xóm mà lại còn thông văn sách, đêm đêm rảnh rỗi mà ngâm thơ chữ nôm thì ai cũng phải say mê, mặc dầu không hiểu ý câu thơ phú đó.

Ngoảnh đi ngoảnh lại được mười hai năm trời, cái quán bánh nghệ của bà đã được sửa sang to tát, rồi quên đi một dạo nữa, bà đã xây thêm được ba gian nhà ở cách cái quán bánh nghệ chừng hai trăm thước.

Ba gian nhà ấy, theo lời ông Ba Sặng, tức là chỗ tôi đang muốn ở một gian bây giờ.

Năm 1940, Nhật đổ bộ lên Đông Dương. Thấy tình hình rối ren, bà không bán quán nữa, giao cho cháu là Phương Thảo trông nom. Còn bà lúc ấy đã già rồi, vào khoảng bảy mươi tư bảy mươi lăm gì đó – thì rút về ở trong giầy nhà ba gian do bà xây cất để ngâm thơ, đọc sách và thỉnh thoảng lại làm một vài thứ mứt, kẹo để trước là thưởng thức sau là đem biếu các bà con trong thôn xóm. Vì bà là một người không những không văn hay chữ tốt mà lại tài nghệ nấu nướng, nhiều sĩ tử lúc bấy giờ thường đến xướng họa và bàn thời thế, nhưng đặc điểm của bà không phải ở chỗ đó.

Bà được nhiều người mến phục, còn vì một điểm khác mà có thể nói là ít có người đàn bà con gái nào sánh được: Mẹ Hoát sành đồ cổ đến cái mức mà nhiều người đàn ông chơi đồ cổ lúc bấy giờ đã phải suy tôn là “người có ngọc nhôn trong khoa chơi đồ ngoạn” và mỗi khi mua sắm thứ gì vẫn phải đến hỏi ý kiến hay nhờ bà coi giúp.

Vào lúc bà được ngót bảy mươi hai tuổi, nhà bà là cả một kho tàng cổ ngoạn, đồ nhiều và quý có khi còn hơn cả Viện Bảo Tàng.

Thôi thì không còn thiếu thứ gì: lọ lục bình đời Đường, men Tống Ngọc, thúy hồng, thúy lục, các cỡ ấm, bình, chóa, nước da Đông Thanh, đỉnh đồng thời Thương, Ân, Châu, Hán nhất nhất đều có, nhưng quý vào bậc nhất là những cổ vật đào tại Trường An, Hàm Dương ở nhà bà cũng có. Thậm chí những nhà chơi đồ cổ nổi tiếng ở Đế Kinh, Bắc Việt nghe tiếng bà tìm đến, thấy thấy đều phải lấy làm ngạc nhiên sao nhà bà nhiều đồ xưa quý lạ đến thế và tự hỏi không biết bà sưu tập tự bao giờ mà có được một kho tàng báu vật lạ lùng đến thế. Có người sưu tập sách cổ; có người mê chim mê đàn; có người mê tranh mê chữ; nhưng mê cổ ngoạn đến như Mẹ Hoát thì có lẽ chưa thấy có ai như vậy.

Thường thường, người ta mê cổ ngoạn vì cho cổ ngoạn là đồ xưa, quý tại cách chế tạo tinh vi đến tột bậc mà phương pháp đúc nặn, chế men, pha thuốc đã thất truyền; ngày nay, khoa học dù tân tiến đến cái bậc bắn phi đạn lên được cung trăng, thả người xuống hàng tháng trời dưới biển cũng không

thể nào nhái được cách chế men, pha thuốc ấy hay tìm được phương pháp làm lại cái thể chất của món sành, món sứ y như ngày trước.

Mê Hoát mê cổ ngoạn, sưu tầm cổ ngoạn suốt đời người không phải chỉ vì thế, nhưng chính vì tin tưởng cổ ngoạn là những cái gì thiêng liêng có muôn ngàn phép thần thông và tiềm tàng những tác dụng phi trường, kỳ bí.

Còn ai không biết chuyện viên ngọc bích Biện Hòa nước Sở đời Chiến Quốc? Sử ký Trung Hoa chép rằng: ngày xưa Tần Thủy Hoàng được ngọc ấy sai thợ gọt thành quả ấu, trên núm chạm năm con rồng và khắc ở dưới tám chữ triện, nguyên chữ của thừa tướng Lý Tư: “Thụ mạng vu thiên, kí thọ Vĩnh Xương” để làm “trần quốc chi bửu ấu”. Một hôm Tần Thủy Hoàng đi tìm thuốc trường sinh qua Dương Tử Giang bị Hà Bá làm cho sóng to gió lớn không thể nào qua được. Tần Thủy Hoàng sai quan cầm cái ấu ngọc ném xuống Dương Tử Giang. Tức thì sóng lặng gió êm; thuyền bè đi lại trên sông thông thả. Việc đó há chẳng đủ chứng tỏ rằng ngọc quý có thể trấn êm được quỷ thần làm dữ hay ít ra chư thần sông núi thấy ngọc quý cũng phải mê mẩn mà làm điều tham nhũng đó ư?

Đến chuyện ngọc tử trong Tam Quốc, bọn Thập Thường Thị làm loạn, hiệp bức thiên tử, đem Thiên Đế ra Bắc Man rồi đánh mất viên ngọc tử.

(Tài liệu do Vương Hồng Sển thương thập được đưa ra nói chuyện tại trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn ngày 30-12-1957).

Sau đó ít lâu, Tôn Kiên thấy hào quang chiếu nơi giếng loạn ở sau đền Kiến Chương, bèn sai người xuống mò, thì tìm thấy ngọc tử do bà Hón Hậu tránh nạn Thập Thường thị ôm ngọc tự trầm dưới giếng. Tôn Kiên vì ham giữ ngọc cho mình nên bị chư hầu hiệp nhau đánh bại, giết đi. Con của Tôn Kiên là Tôn Sách có óc thực tế hơn. Sách nổi nghiệp cha, lại là người có chí lớn, đem dâng ngọc ấu cho tướng Viên Thuật, đổi được ba ngàn tinh binh, nhờ đó Sách gây dựng cơ đồ lập nên nghiệp bá, làm chúa đất Đông Ngô. Như vậy có phải là cổ ngoạn quý đến cái mức giúp người ta xây dựng được nghiệp lớn không?

Nhân câu chuyện này, sách cũ còn ghi rằng chỉ có người có tài có đức thì ngọc quý mới theo mình, còn những người bạc phúc, kém đức thì ngọc bỏ đi mất.

Thì đó, sau này khi họ Tư Mã đánh thắng ba nước Ngô, Ngụy, Thục tóm thiên hạ làm một mối, dựng nên nước Tấn thì ngọc tở lại trở về nước Tấn. Có người là Anh Vương nghiệm ra rằng “luôn luôn ở nước Trung Hoa, đời này kế tiếp đời kia, hòn ngọc bích Biện Hòa, do Tần Thủy Hoàng chế nên ẩn truyền quốc ngọc tở, ẩn ấy được xem là báu, quý nhất trong nước, hễ lọt vào tay ai thì người đó làm vua cả nước Trung Quốc. Lại đến mấy viên ngọc thêu trên lá Trân Châu kì của tướng Định Thanh đời Tống, đi bình Tây Liêu lấy đem về. Anh Vương ghi chép trong sách là mãi mấy trăm năm giữ kín trong kho quốc gia như bao nhiêu vật quý khác mà không biết dùng, qua đến đời nhà Thanh, gặp vua Càn Long là tay lịch duyệt phong lưu nhất đời, vừa thông thạo khoa chơi đồ cổ, vừa có óc tân kỳ, vua Càn Long bèn lấy ngọc ra kết làm nút áo trên chiếc ngự bào. Những hột ấy như sau:

- Tỳ thủy châu, có phép cản nước, ngăn nước không cho chảy lan tràn ướat át.
- Tỳ trần châu, có phép kị bụi, kị cát, làm cho trọc khí biến thành.
- Tỳ hỏa châu, có tài đón gió, kị bão tố phong ba.
- Định kiếm châu, đón ngăn kiếm khách đao thương, khiến không chạm được đến mình.

Mặc được cái áo có trạm năm hột nút báu ấy thì khỏi lo nước lửa, gió bụi, đao kiếm chi cũng động chạm đến bản thân.

Nhiều người nghe thấy chuyện ấy cho là hoang đường, dè dặt đến năm 1945, một tờ báo Pháp lại kể chuyện phé để Phổ Nghi không được chánh phủ Nhật chu cấp đủ dùng, phải đem năm viên bảo ngọc ấy thế chân trong một ngân hàng (hình như là của Nga).

Suru tâm cổ ngoạn, Mẹ Hoát quan niệm cầu kì như thế nhưng ít khi nói ra với người khác. Người đàn bà ấy, bề ngoài khiêm nhường nhưng thực ra thì ở trong lại cao kỳ, cho rằng có nói ra thì cũng chẳng mấy ai hiểu nổi, nên chỉ giữ ở trong lòng. Do đó, có nhiều người lạ tìm đến mẹ xin coi cổ ngoạn, mẹ thường cho người ra nói là đi vắng, hoặc có cho vào thì cũng chỉ tiếp cho có lệ mà thôi.

Chương Mười Sáu

Một buổi sáng mùa thu có gió lạnh thổi về nhiều, trời bàng bạc và thâm thấp, có một người đàn ông mặc áo gấm chữ thọ, đội nón dứa, chống gậy tìm đến quán bánh nghệ ở xóm Cây Me Mát hỏi thăm nhà Mẹ Hoát. Phương Thảo, chấp tay nói:

- Thưa bác, đó là di cháu, ở cách đây một quãng. Cứ đi thẳng con đường này vào rồi quẹo sang bên trái, đến dãy nhà ba gian có lầu thì đúng đó. Mà chẳng hay bác có chuyện chi dạy bảo?

Người đàn ông đó là ông Ba Sạng. Ông lắc đầu cười đáp:

- Không có chi đâu, cháu à. Chỉ là vì nghe thấy nói mẹ có nhiều đồ xưa quý giá lắm thì tôi tới đó thăm thôi.

Ông ba gõ cửa vào thì thấy bà đương gọi đầu ở sân. Ngồi xuống ghé kê gần đó, ông đợi một lúc cho bà gọi xong xuôi, đứng dậy trình bày:

- Tôi là người khách lạ, tìm được đến đây là nhờ có cô cháu ở ngoài quán chỉ dùm.

Thấy ông ba là người lạ, đường đột tới nhà để xin xem cổ ngoạn, Mẹ Hoát có ý không sốt sắng, nhưng vì lịch sự cũng mời ngồi xơi nước rồi bảo một con nhỏ đưa xuống dưới nhà dưới coi.

Mẹ ngồi ăn trà trên sạp không muốn phiền vì cho rằng bất quá đây chỉ là người hiếu kỳ chớ cũng chẳng hiểu biết gì nhiều cho lắm. Ba Sạng đi theo con nhỏ qua cái sân vào trong nhà trong thì thấy hoa cả mắt lên vì chóc lớn, chóc con, lọ bát giác, lọ lục lăng, cái thì men chàm, cái thì gang tây, thúy hồng, thúy lục vô số kể, bày la liệt trên những cái giá bằng trắc đánh bóng như sừng, bên cạnh những cái sạp khảm đá nhìn kỹ thì rõ là xuân hạ thu đông, cầm kỳ thi họa hay lan, mai, cúc, trúc.

Ba Sạng ngắm đi ngắm lại từng thứ một rồi phê bình từng nét chấm, từng nét chạm... một mình.

Không ngờ những lời phê bình ấy lọt vào tai Mẹ Hoát. Cho rằng đó cũng là một thứ người sành cổ ngoạn mà phê bình cũng xác đáng phần nào, Mẹ Hoát bèn đứng dậy, mời khách ra xơi nước. Bộ đồ trà này vẽ Mai Hạc, đề hai câu thơ nôm:

“Nghêu ngao vui thú yên hà
Mai là bạn cũ, hạc là người quen”.

Ba Sạng vừa nhấp trà vừa nói:

- Thừa Mẹ, đồ sứ Mai Hạc này, mẹ có nhiều không?
- Sao ông hỏi vậy? Hay là ông nghĩ rằng đây là Mai Hạc giả chăng?
- Đâu có. Tôi không thông thạo về cổ ngoạn, nhưng nhìn một lát cũng biết đây là loại Mai Hạc gì...
- Vậy ra Mai Hạc lại có nhiều kiểu khác nhau sao?
- Tôi không dám múa rìu qua mắt thợ, nhưng đại khái cũng biết rằng cái kiểu Mai Hạc đầu tiên, được coi là quý nhất, đã được những tay thợ khéo nước Trung Hoa chế tạo trước mắt cụ Nguyễn Du, khi cụ làm chánh sứ, sang Tàu vào năm Gia Long thứ mười ba, tức là năm Quý Dậu. Lò chế tạo ấy là lò Cảnh Đức Trấn tại Giang Tây, nổi tiếng vì chuyên làm đồ sứ ngự dụng cho các vua Mãn Thanh.

Sau này, thấy đồ trà Mai Hạc đẹp, các sứ thần của ta qua Trung Hoa cũng đặt làm để cho các quan viên và Nội Phủ dùng, nhưng lò chế tạo không phải là “Cảnh Đức Trấn” nữa nên cái mặt nó đại, tuy là bắt chước theo đúng kiểu vờ của lò “Cảnh Đức Trấn”. Nhưng nào đã hết đâu: ngoài kiểu Mai Hạc thứ nhì này, lại còn kiểu Mai Hạc thứ ba, nhưng chế riêng cho người Trung Quốc dùng, cũng vẽ cây mai, con hạc nhưng thay vì hai câu thơ nôm nói trên kia thì là hai câu chữ:

“Hàn mai xuân tin tảo
Tiên hạc thảo vi đầu”.

Có nghĩa là:

“Mai hạc sớm báo tin xuân
Hạc kêu trước tiếng chim khác”.

Tất cả các đồ trà kiểu Mai Hạc đều ký ở dưới đáy hai chữ hiệu “ngoạn ngọc”, nhưng đối với mẹ là người sành sỏi, nhất định không thể nào lầm được. Ngay tôi đây là kẻ phàm phu mắt giấy, cũng đại khái biết rằng bộ đồ này là kiểu chế lần đầu, thuộc loại “đồ sứ Mai Hạc chánh hiệu” chế vào khoảng cụ Nguyễn Du đi sứ Tàu.

Mẹ Hoát nghe Ba Sạng nói, gật đầu, không trả lời. Mẹ đứng dậy đưa chùm chìa khóa cho con nhỏ, bảo mở cửa dãy nhà ngang để mời ông coi. Đến lúc ấy, Ba Sạng mới biết rằng cái gian nhà đồ cổ mà ông vừa vào coi khi nãy chỉ mới là gian nhà bếp của Mẹ Hoát.

Thấy Ba Sạng nói về đồ Mai Hạc tỏ ra là người hiểu biết, mẹ mới đưa chìa khóa cho con nhỏ mở gian trên, mời Ba Sạng vào coi.

Gian này còn quý bằng cả trăm gian trước: có những cặp sừng tê lớn có phần hơn cả những đứa trẻ lên năm, có những bức trạm khảm ngọc trăm màu ngàn sắc, những cây chóc da lươn bé bằng nắm tay, viết nguyên một bài “Chính Khí Ca”, những cây đèn bằng đồng đen cao bằng đầu người lớn, những cái lọ lục lừng toàn bích trắng toát màu trứng diệc, và bao nhiêu bộ đồ trà khác nhau, cái thì vẽ sơn thủy đề thơ:

“Nhút âm thanh khí vị
Vật đặc thiếu nhân tri”

(Một hóp đủ thắm giọng, vật lý người biết giá (Vương Hồng Sển dịch))

Cái thì vẽ bông mai và nhành mẫu đơn một bên, còn một bên thì vẽ hai con chim hai đầu bốn cánh riêng biệt nhưng thân thể dính chung làm một, kèm câu thơ”

“Tại thiên ty dực điều
Tại địa liên lí chi”

(Trên trời làm chim liền cánh, dưới đất làm cây liền cành (VHS dịch)

Cái thì vẽ một rừng trúc không có người nào cả, mà trên sông có một con thuyền vắng lạnh cũng không có người nào lái cả, kèm một câu thơ:

Thu giang điều nguyệt nhận hoành phi.

(Trên sông ngắm trăng, có con nhận bay)

Ba Sạng tưởng tượng mình đang đứng ở trong một động tiên của một thời đại xa xưa cũng chỉ quý đến thế là cùng, thì Mẹ Hoát đã lên tiếng mời sang coi gian cạnh đó.

Té ra Ba Sạng lại lầm! Cái gian ông vừa mới coi đây lại không có nghĩa lí gì so với gian này. Chính Mẹ Hoát dẫn ông Ba đi thưởng thức các đồ mà mẹ kêu là “đồ sưu tập chánh thức”.

Thôi thì đủ các loại cổ ngoạn, mắt ông hoa lên không còn biết coi thứ nào trước thứ nào sau. Từ trên xuống đến đất cao ngất những cái bực bằng gỗ mun, gỗ trầm, trên xếp thứ tự và rất sạch sẽ không thiếu mất loại mất loại cổ ngoạn nào: đây là tượng sứ Đế Thích đánh cờ, Mạnh Mẫu gánh sách đưa con đi học, Lý Bạch say rượu giơ tay lên bắt mặt trăng trên đầu, kia là các kiểu chóa, nậm, be, bầu, ngỗng, hũ, nhạo, vò chum, lục bình, cái thì vẽ tích Nghiêm Tử Lăng đề ba chữ “Điều đài đồ”, cái thì vẽ Cao Biền dậy non, cái thì trắng toát trứng diệp vẽ Bá Nha, Tử Kỳ đề câu thơ chữ Hán:

“Cao Sơn lưu thủy trường
Nhút khúc ngộ tri âm”

(Cây đàn gảy Cao Sơn, Lưu Thủy, một khúc nay gặp bạn tri âm.)

Trên một cái xích đồng gần đó, xếp toàn những đồ men lam của Thanh Triều, Nguyễn Triều, Mạt Minh.

Một cái tủ kiếng khác bày toàn xu hào: có đồng xu đời Mãn Thanh đem qua đây dùng, xu khác hình rồng bay (Long Phi) từ triều Mãn Thanh, đời vua Quang Tự và đời bà Tây Thái Hậu, có đồng xu Ấng-lê đầy cạnh, xu khắc hình con ó Hoa Kỳ do binh sĩ Pháp và bọn đánh giặc mướn đem qua nước ta trong trận đánh với vua Tự Đức châu xưa, lại có đồng xu lá bài, mặt liền, không khoét lỗ tròn ở giữa, đồng xu in hình Tôn Dật Tiên phát hành

năm Tân Hợi, xu "Onxonchem" buộc người ta nhớ lại lúc Pháp đến cướp miền Nam giết dân như giết ngóe. Ôi thôi, kể cho đến mấy đi nữa, thì cũng chẳng có cách gì hết được các quý vật ở trong gian nhà này.

Ông Ba Sạng nhức đầu vì ngó vì nhìn, chấp tay lại cáo từ Mẹ Hoát sau khi đã xem hết gian này, nhưng mẹ giữ lại và nói:

- Thôi, đã có công coi thì coi luôn một thể. Rất có thể lần sau ông tới, tôi không có nhà. Ông đi theo tôi lên lầu, coi chơi mấy cái đặc phẩm mà tôi cho là "khá".

- Bẩm mẹ, tôi phải nói thực là cứ ăn xong rồi đi coi thể này, tôi dám đi hết năm này sang năm khác. Nhưng tôi sợ làm mất thì giờ quý báu của mẹ nên không dám lợi dụng quá mức.

- Không có sao đâu. Ông đã biết đồ cổ, tất rành tâm lý của người chơi đồ cổ như thế nào. Người chơi đồ cổ gặp kẻ nào thô lậu, không biết gì, không buồn nói không buồn trò chuyện, không buồn đưa ra cho xem món quý vật này hay vật bảo kia; nhưng nếu gặp tri âm biết thưởng thức cổ ngoạn biết chuyện xưa tích cũ, biết lịch sử của từng thứ, giá trị của từng thứ dù là công việc cấp bách đến đâu cũng cho là thường, miễn là đưa cho người bạn của mình xem hết các báu vật mà mình sưu tầm được, nói lên cái đẹp, cái quý của từng thứ và cùng thảo luận để cùng tìm thực, giả, tìm sự tích, tìm nguồn gốc xem cổ ngoạn đó là đồ quan diêu, quân diêu hay là dân diêu.

Lãnh ý của mẹ, Ba Sạng bước theo mẹ lên trên lầu.

Ôi chao, đến nơi đây thì quả là một thế giới cổ ngoạn mà ta có thể nói là mắt người thường chưa được thấy bao giờ.

Không. Người được thưởng thức không thể nói mình "may mắn được coi" nhưng phải nói là mình tốt phước cả một đời chỉ có một lần được hưởng cái phước đó mà thôi chớ không thể gặp hai lần được.

Bất cứ ai cũng phải hoa mắt choáng đầu khi bước vào ba căn phòng ăn thông liền với nhau chứa không biết bao nhiêu bảo vật trông y như một cái

động tiên. Ở bốn góc tường, có hai cặp lộc bình một người lớn ôm không giáp, cao muốn đụng trần nhà, men lam chấm ngư, tiều, canh, mục, toàn bích, toàn hảo, không có một tí ố chứ đừng nói là khờn hay mẽ.

Cứ thế thôi, người chơi biết đồ cổ một chút cũng đủ choáng hồn rồi, vậy mà chưa thấm vào đâu với những tủ kiếng có khóa đồng trạm tay to bằng cổ tay, kê dựa vào cột cái, bên trong bày không biết bao nhiêu ngọc ngà, châu báu...

Đây là chuỗi ngọc, sắc vàng ong óng màu mật ong, mỗi hạt to bằng đầu ngón tay cái; kia là ba viên hồ phách lớn bằng trái nhãn lồng nạm vào trong một cái vỏ bằng đồng bạch; nọ, một xâu chuỗi bồ đề tiện bằng ngọc mã não bên ngoài trạm trổ rất tinh vi. Lại còn đây nữa, còn bao nhiêu là vật lạ mà ngọn bút của ta làm cách gì tả nổi được những cái khéo, cái lạ, cái đẹp để khiến cho người ta phát sợ?

Thật không ai có thể ngờ được cái bàn tay con người lại có thể khéo léo một cách ghê gớm đến như vậy, mà cũng không thể nào tưởng tượng rằng trước khi có nền văn minh tân tiến như ngày nay, ở thế gian này lại có nền văn minh, văn hóa cao siêu một cách lạ kì đến thế.

Tượng Đông Phương Sóc ngậm một cành đào có ba trái bằng ngọc lưu li vừa đánh cặp ở vườn bà Tây Vương Mẫu. Cây “lâm vồ” thân bằng sừng u-tây, lá bằng cẩm thạch màu xanh lục có đức Phật ngồi bên dưới. Hàng chục cái bể con hình dáng khác nhau đựng những ngọn đèn bằng trầm hương. Không biết bao nhiêu ngọc bội, ngọc khánh, ngọc liên, ôi không biết bao nhiêu bảo vật, không biết bao nhiêu bằng chứng cổ thời, đừng nói động đến sợ bể làm chi, chỉ riêng đứng cạnh mà nhìn cũng đã rờn rợn cả người vì cảm thấy như mình không xứng đáng được đứng cạnh các đồ vật đó.

Bao trùm tất cả, có hai cái cửa võng ngăn ba gian gác thông nhau. Đây mới thực là đồ quý nhất và có lẽ cũng xưa nhất nữa. Khung bằng trắc “hồ bì”, vân mun từng đám y như mây mùa thu, trông long khảm ngọc thạch nguyên miếng, mà những hạt cẩm thạch to bằng những trái mù u chưa lột

vỏ. Cả hai cùng trạm trở cả hai mặt rất khéo: Lý Nguyên Bá tung trùy, Bát Tí Na Tra bị phạt bà Quan âm úm phép. Tây Thi Phạm Lãi du ngũ hồ, Quan Vân Trường đốt nền đọc sách cho Hoa Đà lóc thịt...

Còn ở trên tường thì la liệt không biết bao nhiêu tranh cổ, vô số kể những miếng sành miềng sứ lẫn lộn những cách văn khác thường lồng trong những cái khung vàng bạch, rất nhiều những đầu rượu làm bằng ngỗng, hũ, chai, nậm, vò có cái vẽ “kì sơn dị thảo” nhưng cũng có những cái trắng tinh chỉ khắc vền vền một bài thơ ngự chế của vua Càn Long hay di bút của vua Gia Khánh...

Chương Mười Bảy

Sợ quá lạm thời gian quý báu của người đàn bà sành sỏi, Ba Sạng một lần nữa xin kiêu từ và nói:

- Thưa mẹ, tôi nói thật là tôi coi đồ xưa của mẹ một đời không ngán. Nhưng biết làm sao được... muốn ham thích đến bao nhiêu đi nữa thì rồi cũng phải về. Xin cảm ơn mẹ và xin thưa để mẹ rõ là đời tôi chưa có một lúc nào được vui sướng như ngày hôm nay.

Mẹ Hoát nói vài lời khiêm nhượng tiễn Ba Sạng ra đến cửa. Quay lại nhìn căn nhà lần chót, Ba Sạng dùng dằng nói:

- Đúng. Xin chào mẹ. Nếu tôi có tài viết chữ, tôi phải tặng mẹ mấy chữ mà Cao Thiên Tứ được thấy lúc viếng nhà Lưu Dung ở miền Nam: “Thiên hạ đệ nhất gia”.

Mẹ Hoát xua tay:

- Bậy nào! Ông không biết rằng Cao Thiên Tứ không bằng lòng năm chữ vàng đó hay sao? Lưu Dung còn không xứng thì tôi đâu xứng đáng nhận câu ông tặng.

Quả như thế thật. Thấy năm chữ “Thiên hạ đệ nhất gia” đề ở trước nhà Lưu Dung, Cao Thiên Tứ không hài lòng thật và đã tìm hiểu sao Lưu Dung lại dám đề mấy chữ vàng như thế ở trên cửa nhà mình.

Bèn kêu cửa vào.

Nhà Lưu Dung rộng mênh mông, chia làm hai chục chái, chung quanh có hào lũy, và tường xây kiên cố như dinh thự của các vị vua chúa.

Bước vào chái đầu, Cao Thiên Tứ thấy cháu nội của Lưu Dung, hãy còn đi học, chưa biết gì. Bước vào chái nhì, gặp con trai của Lưu Dung, nhà vua hỏi tại sao lại dám đề năm chữ như thế ở trước cửa thì y ấp úng không thể giải thích cho dứt khoát.

Vào đến tận trái thứ năm, gặp một ông cụ đầu tóc bạc phơ, mà trông còn mạnh khỏe, dáng điệu lại thanh kì, Cao Thiên Tứ đem ra hỏi mới biết là Lưu Dung treo biển đó phần nhiều hữu lý.

Thì ra ông già râu tóc bạc phơ đó là ông nội của thừa tướng Lưu Dung, năm đó đã được một trăm linh năm tuổi. Theo lời cụ, lúc cụ vừa chẵn một trăm, bà con trong xóm thấy ông khoa giáp nối tiếp năm đời liền không dứt, phú quý vinh hoa tốt phẩm, trong gia đình trên thuận dưới hòa, xum vầy vui vẻ mà người nào cũng thọ cho nên họ hùn nhau tặng một bức hoành sơn thếp vàng năm chữ “Thiên hạ đệ nhất gia”.

Ông Ba đứng lặng một hồi lâu rồi tiếp:

- Thừa mẹ, tôi không nghĩ mẹ là Lưu Dung mà tôi là Cao Thiên Tứ đến thăm, nhưng quả thực hôm nay, tôi vừa được viếng một căn nhà xứng với năm chữ “Thiên hạ đệ nhất gia” sơn then thếp vàng treo ở trước nhà Lưu Dung.

“Đệ nhất gia” đây, không hẳn có nghĩa là phú quý giàu sang khoa giáp tiếp nối, xum vầy trường thọ... nhưng đệ nhất gia chính là vì lẽ không có một nhà nào trên đời này lại có thể chứa nhiều trân châu bảo vật như nhà mẹ...

Mẹ Hoát lại nói mấy lời khiêm nhường, hai hột kim cương đeo ở nơi tai long lánh như sao hôm mọc ở giữa đêm xanh vậy. Một lát sau, mẹ nói:

- Xin cảm ơn lời khen tặng của ông. Mai sau, có dịp gì qua đây, xin quá bộ rẽ vào thăm tôi, nghe. Ông thử làm như thế để tỏ ra hơn Cao Thiên Tứ một chút chơi.

- Mẹ nói gì, tôi nghe chưa kịp! hay là cái đoạn đó tôi chưa đọc cũng nên.

- Ông không biết rằng lúc Cao Thiên Tứ đứng dậy cáo từ ông nội của thừa tướng Lưu Dung ra về thì ông cụ một trăm linh năm tuổi, cũng như tôi bây giờ, mời Cao Thiên Tứ khi nào rảnh thì rẽ vào thăm cụ. Nhưng Cao Thiên Tứ như chúng ta đã biết, có phải là thường dân đâu, mà chính là vua

Cần Long trá hình. Về đến trào, Cao Thiên Tứ vì quá bận rộn việc triều chính, quên bằng mất, không bao giờ đến thăm nữa, khiến cho ông cụ. lúc mất, cứ nhắc nhở hoài mà vẫn chẳng thấy đâu.

Ba Sạng không bao giờ quên được nhà Mệ Hoát, nhưng về nhà một ít lâu sau thì dân ta vùng lên đánh Nhật rồi đồng minh đưa Pháp trở lại Đông Dương, gây nên cuộc chiến mấy chục năm trời chưa dứt...

Ông Ba Sạng tản cư về Cần Đức bốn năm, sống bằng nghề địa lý để đất để cát cho người ta không lấy tiền.

Đến năm 1946, nhân có việc trở lại thủ đô, ông rẽ vào Chợ Quán thăm nhà cũ và định tâm đến thăm Mệ Hoát để coi “tháp ngà chứa toàn bảo vật” của mệ ra sao thì thấy chỉ còn một đồng gạch ngói chất cao lên như trái núi, có tiếng quạ kêu rất buồn. Lúc đó là buổi chiều, Ba Sạng muốn đi quá vào phía trong để tìm lại một chút di tích của ngôi nhà Mệ Hoát nhưng không được, vì có những hàng rào thép gai ngăn cản và một vài người lính da đen vạch mặt, tay lăm le khẩu súng, chặn ông lại.

Tiếng kèn đồng từ ở trên cao rúc lên một hồi như tiếng thờ dài của một tên khổng lồ sắp chết tan và bóng hoàng hôn.

Cúi đầu đi bước một ra về, ông Ba Sạng hỏi thăm mấy người quen còn lại ở Cầu Kho thì biết đại khái rằng năm 1940, Nhật đổ bộ vào Đông Dương, đến chiếm chỗ đất xây cái quán bánh nghệ của Phương Thảo, rào cả một vùng rộng lớn hai mẫu ở chung quanh đó, bắt giữ bất cứ người nào chống Nhật, giam ở khu có rào thép gai. Sau đó ít lâu, Đức, Ý, bại trận, Nhật bị hai quả bom đầu hàng, khu quân sự ấy sang tay quân đội Pháp. Rồi đến quân đội Việt Nam đến đóng làm thành một xưởng dạy đóng giày và may quân phục mà bây giờ thì thành trại Yên Thế suốt ngày quân lính tập nập ra vô... .

Chương Mười Tám

Câu chuyện của ông Ba Sạng kể đến đây là hết. Mới nghe xong, tôi thấy khoan khoái trong lòng bởi vì tưởng như hé thấy được một cái gì mới lạ trong cái vụ hai bóng ma nhà Mệ Hoát và Phương Thảo hiện lên ở nhà tôi trong chợ Quán, nhưng sau khi ông Ba ra về, kiểm điểm lại và nằm một mình suy nghĩ, tôi lại nản vì thực ra nó chẳng giúp cho tôi biết thêm được chút nào về cái việc mà tôi muốn biết.

Mệ Hoát chết ra sao? Bị giết hay chết già? Mà quân Nhật chiếm tất cả khu cây Me Mát và chung quanh để làm trụ sở hiến binh thì cô Phương Thảo ở đâu? Có chết cùng với Mệ Hoát không? Mà sao hai người lại thành ma cùng xuất hiện một lúc ở nhà tôi như vậy? Họ có oan ức gì không? Họ kiếm tìm gì vậy? Mà có phải là chính họ quật chết Trần Hữu Lãng tức Tôkubê hay là y chết vì bệnh, vì bị thuốc, hay vì một nguyên nhân nào khác, không dính líu tới Mệ Hoát và cô Phương Thảo?

Thì hóa ra là bao nhiêu câu hỏi đặt ra từ lúc đầu đến tận lúc này vẫn hé ra được một chút nào, mặc dầu ông Ba Sạng đã cho tôi biết rành rọt về Mệ Hoát và Phương Thảo khi còn sống.

Hôm từ biệt Sài Gòn để trở về Ban Mê Thuật, ông Ba Sạng đến cáo biệt tôi và ăn với tôi một bữa cơm.

Gần xong, tôi đem mấy điều thắc mắc đó ra hỏi ông thì ông cũng chẳng hay biết gì hơn những sự việc đã kể lại ở trên kia. Mệ Hoát và cô Phương Thảo chết rồi. Cái nhà của mệ bị phá hủy không còn gì nữa. Không có một người nào biết số phận của những cổ ngoạn trong ba gian nhà Mệ Hoát bây giờ ra thế nào. Nhưng tại sao mệ và cô cháu lại thành ra những cái bóng lơ mờ đi đi lại lại trong nhà tôi như để tìm kiếm cái gì, tại sao mệ vào lại nói nhỏ vào tai Trần Hữu Lãng làm cho Lãng giận đến cái độ phải chửi rủa và liệng ly ném ghế để đánh hai con ma ấy, tại sao Trần Hữu Lãng lúc chết rồi, cả

người lại nát ra như thể bị trăm ngàn miếng sứ miếng sành đâm nát bấy cả người?

Ông Ba Sạng cũng như ông Ômya và tôi, tuyệt nhiên không thể hiểu một li nào hết.

Thế rồi tháng một và nửa tháng chạp qua đi. Một hôm, đương giúp tay ông Yên lau nhà dọn bàn thờ, bát hương, bài vị ở mấy bàn thờ thiên, thổ địa, tiền chủ, ông Ômya đến tìm tôi, cho biết là ông về miền Trung thăm mấy người bạn, có lẽ mừng hai mừng ba tết gì đó sẽ trở lại đây, chúc tết và lì xì cho tôi. Tôi biết vậy, tôi không để ý nhiều, vì Tết bận rộn nhiều công việc không đâu, một phần cũng tại vì buồn phiền, chán nản vì nỗi xa nhà cửa, vợ con. Nếu chiến tranh cứ kéo dài mãi thế này, không biết đến bao giờ mới lại đoàn tụ như ngày trước.

Đêm mừng hai Tết, tôi uống rượu thật say đi ngủ. Nửa đêm, mở mắt nhìn ra sân khoảng tối tăm mù mịt ở ngoài gác sân thì thấy cái bóng trắng của Mẹ Hoát đi qua những cái chấn song sắt ở cửa sổ, bước vào phòng tôi. Trên cổ mẹ quàng một cái khăn voan trắng, còn ở tai đeo một chiếc vòng không biết bằng gì nhưng lóng lánh như một ngôi sao sáng trong đêm tối.

Tôi hỏi:

- Hôm nay mẹ đi một mình, o Phương Thảo đâu rồi?

Mẹ đáp:

- Cháu có công việc bận.

Nét mặt của mẹ nguyên vẫn mờ mờ, trông không được rõ rệt bao giờ, hôm nay, tiết ra cái gì khác hẳn những lần tôi gặp trước.

Nó bèn bệch mà lại bằng bạc như một cái cây ta thấy trong mơ, thực ra thì đứng xa chỉ thấy lá rung lên khe khẽ nhưng tự ta lại biết chắc rằng những cái lá ấy ướt đẫm những mưa móc ban đêm.

Tự nhiên, nhớ lại giọng nói của mẹ vừa đây, tôi có cảm giác là mẹ ghen ngào nước mắt. Mẹ đứng lặng một hồi lâu không nói gì. Tôi mời mẹ ngồi, mẹ nói:

- Tôi đến đây hôm nay để chào thầy vì phải đi xa.

- Ủa! Mẹ đi đâu vậy?

- Vâng, tôi phải đi xa một dạo và có lẽ lâu lắm mới về. Hôm nay, xin giã biệt thầy và nói lời cảm ơn thầy trước sau đối với tôi và cháu Phương Thảo thập phần chu đáo. Ít lâu nay, ai cũng nói đến nhân vị, nhưng theo quan niệm của phần đông, nhân vị chỉ nhằm vào người sống. Hình như tôi cũng nghĩ như thầy vậy, tôi có yêu một người nhưng người ta ác quá, thành thử không làm theo Đức Phật hay Chúa Giê-su được. Đối với tất cả những người tàn ác đó, tôi không đối xử tàn ác trả lại, nhưng tôi phải tự vệ để cho họ hồi tâm; nhưng họ vẫn không đề cao cảnh giác cho nên tôi phải buộc lòng đối phó. Tuy nhiên đối phó không phải là nuôi cái oán đời đời: họ thua rồi thì lúc ấy mới lấy lòng từ bi ra để rửa oán chứ không lấy oán trả oán ngay, họ chỉ ỷ vào sức mạnh không bao giờ giác ngộ được, hơn thế có khi lại được thể mà lấn át nữa, lấn át để chinh phục những người chung quanh làm nô lệ.

Thầy Tư à, ý nghĩ như thế không biết có đúng không, nhưng riêng tôi thì đã thấy kẻ ác không còn làm hại được ai nữa mà đã biết hối hận rồi. Nhưng tôi buồn không biết bao nhiêu thầy ạ. Nhà cửa tôi tan nát hết, bà con thân thích của tôi cũng không còn. Chỉ còn lại một môi an ủi nữa là cái lẽ sống của tôi, ý nghĩa của tôi gói ghém cả vào trong mớ đồ vật cũng mất luôn và có lẽ mất hẳn, không còn bao giờ thấy ở trần gian nữa.

Cuối năm ngoái, được tin các đồ vật mà tôi tìm kiếm suốt cả mấy năm trường chôn giấu với nhiều thứ khác trong một cái hầm xây rất kiên cố ở dãy Trường Sơn, tôi và cháu lặn ngòi ngoi nước ra tìm, chan chứa không biết bao nhiêu hy vọng. Thì nay được biết đích xác là cả cái hầm ấy đã bị đào lên, bao nhiêu cổ vật cùng với châu báu kim cương mà quân Nhật cướp được của nước ta và Tân Gia Ba, Mã Lai, Thái, Lào, Cam Bốt đã bị những người lạ không biết từ đâu lại khiêng đi hết.

Của đời người thế... Thầy Tư à, muôn chung nghìn thứ ở đời, đến lúc trôi mà thu lại cũng là không, phải thế không thầy? Tiếc nuôi cái đã qua đi

là tỏ ra mình lì lợm, không chịu hiểu lẽ huyền vi của Hóa Công và chữ sắc không của Phật. Nhưng tôi buồn... buồn lắm... là vì một khía cạnh khác của vấn đề.

Chắc thầy Tư đã biết những đồ vật tôi kiếm tìm mấy năm nay không có gì khác hơn là cổ ngoạn đã sưu tập được trong cả một đời người.

Vốn là người cũng biết đôi chút về cổ ngoạn - tôi biết như thế, thầy Tư đừng giấu - Thầy Tư thừa rõ là nhiều đồ xưa vì nhờ tồn tại lâu đời nên đa số đều có thần ở bên trong, có thể giúp cho người chủ được phúc trạch dồi dào, vượt nguy tránh hiểm.

Vì thế báu vật chỉ ở với những người có phúc đức, có nhân nghĩa mà thôi. Tôi nhớ có một lần chính thầy đã nói chuyện với bạn về viên “truyền quốc ngọc tử” mà Tôn Sách đổi cho Viên Thuật lấy ba ngàn tinh binh? Cái vận của ba nước Ngụy, Ngô, Thục suy tàn rồi, họ Tư Mã thống nhất được Trung Quốc, lập nên nước Tấn, ngọc tử lại trở về nước Tấn, đó cũng là theo cái lẽ phúc đức, nhân nghĩa vừa nói ở trên kia.

Chính hòn ngọc đó, nguyên thủy của ai? Của Biện Hòa nước Sở. Ba phen Biện Hòa ôm đá có ngọc dâng vua. Đầu tiên Lệ Vương sai thợ xét xem thực giả; thợ bảo “Đá chứ không phải ngọc”. Vua kết tội Biện Hòa vào tội khi quân, chặt bỏ một chân bên trái.

Biện Hòa lại đem ngọc dâng Võ Vương. Vua lại truyền đem thử. Thợ lại bảo: “Đá, chứ không phải ngọc”. Vua lại kết tội khi quân, chặt một chân bên phải.

Đến lượt vua Văn Vương lên ngôi, họ Hòa không đi được, ngồi ôm ngọc ở chân núi Sở khóc ba ngày ba đêm, máu theo nước mắt chảy ra. Vua Văn Vương nghe đồn sai đến hỏi. Họ Hòa nói: “Khóc đây không phải là thương tiếc hai chân bị chặt nhưng tức giận vì ngọc thật mà lại cho là đá. Văn Vương sai thợ xem cho thật kỹ thì lấy ở trong phiến đá ra được hòn ngọc thật, quý nhất ở trên đời”. Ai lại còn không biết Văn Vương là vua thánh, hòn ngọc Biện Hòa vào tay ngài chứ không vào Lệ Vương hay Võ

Vương chỉ là vì hai ông vua ấy bạc phúc, thiếu âm đức không xứng làm chủ nhân viên ngọc.

- Câu chuyện mẹ vừa nói có dính líu gì tới vụ mẹ sắp đi xa?

- Sao lại không thầy? Đã mấy năm nay tôi khổ công đi tìm kiếm những cổ vật do tôi sưu tập được khi còn sống, việc đó thầy đã biết. Đến bây giờ biết đích chỗ quân gian cát giầu, tôi lặn lội đến coi thì hằm hồ chôn giầu đã bị người khác đào lên lấy sạch bách hết rồi, như thế mà thầy lại còn không nhận thấy gì sao? Chẳng phải là tôi bạc phúc, thiếu đức là gì?

Hai vai Mẹ Hoát rung lên nhè nhẹ trong một giây. Gió thổi ào ào làm cho những nhánh y lãng va chạm vào nhau kêu lào xào. Tôi nhìn ra ngoài vườn xem hoa rụng nhiều hay ít thì quay vào cái bóng trắng Mẹ Hoát đã biến mất tự bao giờ rồi.

Chương Mười Chín

Mãi đến tận rằm tháng Giêng năm ấy, ông Ômya mới từ miền Trung trở lại Sài Gòn, đến thăm tôi.

Có lẽ đường xa mệt mỏi, ông có vẻ bơ phờ, lười biếng hơn những lần gặp gỡ trước đây. Ông nói:

- Miền Trung ít lâu nay không mấy yên, ông Tư à. Tôi đi nhiều tỉnh lắm. Ở đâu cũng điêu tàn, hầm hố xẻ khắp nơi, dân cư sinh sống khổ sở hơn những năm trước đây gấp bội.

Sau ít câu chuyện về thời thế, ông hỏi tôi:

- Ông ở nhà có chuyện gì lạ không?

- Cũng chẳng có gì lạ. Hai bên cứ nhùng nhằng chẳng ra sao cả. Tỉnh thoảng lại có tin ngưng bắn nhưng toàn là chuyện hão.

- Ở miền Trung có hôm phi cơ dội bom suốt cả ngày. Tỉnh nào cũng bị thương tổn không nhiều thì ít, nhưng bom ném dữ dội nhất là ở khắp dãy Trường Sơn?

- Phải. Tôi đi ra đó gặp vài người bạn cũ. Người ở trong núi di tản cả. Nghe nói là “họ” đào nhiều địa đạo. Tôi đi mất công vì các bạn tôi đã tản mác mất rồi, không thể đến được nơi dự định. Về sau này về đến Phan Rang tôi mới biết là chỗ tôi định đến hiện bị coi là cấm địa không ai được bén mảng tới.

- Thật không may.

- Không may nhất là lại nghe thấy nói rằng cái kho tàng mà người bạn tôi là Tôkubê phụ trách trông coi lại ở chính ngay chỗ đó. Người ta bảo rằng cái kho tàng ấy đã bị đào lên, bao nhiêu đồ vật cất giấu bị lấy đem đi hết.

Chắc ông còn nhớ có lần chúng ta đã nói tới cái kho tàng ấy với nhau... Bao nhiêu chiến lợi phẩm – nói là phẩm vật ăn cướp được ở Việt Nam, Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân, Thái Lan thì đúng hơn – một số sĩ quan mật vụ được lệnh đưa về Sài Gòn chôn giấu vào những cái hầm rất lớn để chờ ngày thắng trận thì đào lên lấy đem về nước.

Các hầm ấy đào ở khe núi, trong rừng. Theo chỗ biết của tôi thì riêng một trong các hầm ấy đã chứa được một trăm cái thùng gỗ nặng to bằng cánh phan. Các thùng này chứa đủ bảo vật quý nhất ở các nước Á Châu mà quân Nhật đặt chân lên được.

Một vài người bạn của tôi hiện đã hỏi hương kể chuyện rằng những thùng cây đó chở bằng xe lửa đến gần nơi đào hầm thì dỡ hàng xuống chất cả ở trong rừng núi và lấy lá cây, rơm rạ ngụy trang để cho máy bay của đồng minh không thể nhận ra để ném bom. Từ đó, đưa vào hầm, quân sĩ Nhật tự làm lấy không để cho các lao động người Việt Nam phục vụ trong hàng ngũ quân đội Nhật được mó tay vào đó.

Tôi biết Tôkubê là một trong những người biết một trong mười hai đường bí mật đi tới mười hai cái hầm nói trên. Anh ta giữ một cái “cốt” gồm mười bốn chữ có thể giúp đi tới được một trong mười hai hầm đó. Tôi định tìm một người bạn mà tôi biết trước đây cùng làm việc với anh, không ngờ đến nơi thì họ đã tản mác đi hết cả.

Người bạn mà tôi gặp ở Phan Rang không biết nhiều về những cái hầm ấy hiện giờ ra thế nào, nhưng may cho tôi là nhờ có anh ta tôi được biết hơn một chút về Tôkubê hồi còn là sĩ quan mật vụ, chưa cải tên là Trần Hữu Lăng.

Thì ra đúng như lời ông Ômya đã nói với tôi trước đó ít lâu, Tôkubê theo quân đội sang Đông Nam Á, một mình, không có vợ con gì cả, hay nói cho đúng thì anh để lại một vợ, hai con ở Nhật và trong mấy năm trời không hề lấy một người vợ nào hết mà cũng hề có nhà cửa ở đây Trường Sơn. Ở Sài Gòn ra đây, ông sống chung với mấy người “Việt Nam mới” trốn tránh ở trong rừng, nhưng công tác chính vẫn là canh gác kho tàng bí mật.

Ở ít lâu, Tôkubê lại trở về Sài Gòn sống một cuộc đời khiêm nhường.

Nhưng thực ra, Tôkubê có phải là người khiêm nhường hay không? Những người biết Tôkubê từ ở Đông Dương tin rằng anh ta là một người có lương tri và bản tính tốt, nhưng theo lời người bạn của ông Ômya ở Phan Rang, từng biết rõ gia thế Tôbukê hồi còn nhỏ, thì Tôkubê là một con người không hẳn như thế mà lại nuôi ở trong lòng nhiều phức tạp hơn.

Ku-ma-gai Tôkubê nguyên là con một nhà lái buôn trên sông nước ở Kyoto. Cha mẹ chàng buôn giang nửa bán từ bến này sang bến nọ, tỉnh này sang tỉnh kia. Anh mạnh lắm, khiêng giang, nửa buong tre từ dưới thuyền lên trên bờ không biết mệt.

Thấy anh mạnh mà lại tinh khôn ngoan ngoãn, một ông nhà giàu xin làm con, đem về nuôi trong một cái lâu đài có lính canh gác cẩn thận (vì ông này là một dai-myô nghĩa là một nhà quý phái có một địa vị cao cả trong hệ thống phong kiến của Nhật Bản trước Thế Chiến Thứ Nhì).

Lớn lên trong bầu không khí đó, Tôkubê suốt ngày mặc áo giáp, đeo gươm nai nịt hai chân theo lối võ sĩ, tập đánh kiếm chứ không chú ý đến kinh sách thánh hiền như các bạn đồng tuổi của anh ta hồi đó, nhưng nói thế không có nghĩa là Tôkubê là một người mất nét hư thân; trái lại, anh là một người võ sĩ có đạo đức vì thẩm nhuần tinh thần võ sĩ đạo là cái tinh thần cố hữu của dòng bố nuôi ông.

Mỗi khi anh đi đâu, dân chúng trong vùng thường chỉ vào anh mà nói thì thầm với nhau:

"Tôkubê đấy! Anh ta mạnh như một con beo gấm!"

Luôn luôn, người ta thấy anh ta can thiệp vào những việc gì có tiếng là bất bình. Anh không hề sợ kẻ địch, không sợ chết mà cũng không sợ hiểm nghèo, đau đớn. Anh tả xông hữu đột giữa đám đông và anh múa cây gươm sáng lên vun vút y như là sấm sét. Luôn luôn người ta thấy anh chống đỡ đến cùng, mặc dù các bạn đã bỏ anh và mặc dù thân thể anh đầy những vết

thương, bởi vì anh quan niệm rằng đã là võ sĩ thì phải đánh cho đến thắng, thua mà chạy thì chỉ có cách mổ bụng chết đi thôi.

Tôkubê thường nói: "Người ta không sống được bao nhiêu lâu, nhưng tên tuổi thì lưu truyền mãi hết đời nọ đến đời kia".

Chính vì quan niệm con người một cách thiên cận như thế, Tôkubê lần lần quan niệm sai cả nghĩa đời người, mà chính anh không biết. Anh tự coi mình là một anh hùng, khác hẳn những người tầm thường ở chung quanh: tất cả những người ấy đều phải thua kém anh vì nhiều lẽ: thứ nhất tại anh là anh hùng, thứ hai là tại anh giàu có, thứ ba là tại anh được trời giao phó cho sứ mạng thiêng liêng: anh chỉ thắng chứ không bao giờ thua ai. Sự đặc chí của tuổi thanh niên quả là một thứ rượu nặng uống say lúc nào không biết. Tôkubê tự coi mình là vô địch, giúp ai thì người ấy thành công mà chống lại ai thì người đó tất phải chết không thể nào tránh khỏi.

Quả nhiên, lúc đầu những sự việc xảy ra cũng đúng như anh ta nghĩ: "Tôkubê đến đâu thành công đến đó thực, nhưng có một hôm... có một thanh niên đi từ nghĩa địa Sengaku đến lâu đài Kira trên một con ngựa còm phạm phải cái tội là đi qua chỗ ở của Tôkubê lại không cúi đầu chào người lính gác.

Lính xông ra bắt, chàng thanh niên lạ mặt kia không chịu, đòi gặp Tôkubê nói chuyện.

Átmuri và Tôkubê thỏa thuận với nhau mấy điều: đánh nhau tay đôi, không có một người nào ở ngoài can thiệp, chết thì thôi, không được trả thù ngầm. Tôkubê bằng lòng và bắt các gia nhân của mình phải thề theo đúng lời cam kết đó theo tinh thần võ sĩ đạo cổ truyền.

Átmuri đội một cái nón có cài ngôi sao trắng, và đeo lưng lẳng ở bên vai một ống tiêu mà chính thân phụ anh đã để lại cho anh. Trước khi hai bên giao tranh, Átmuri thổi một khúc tiêu thật buồn và làm một bài thơ tạ từ cõi đời này, đồng thời nói lên sự vô nghĩa của cái sống và chết và tính cách phù vân của cái lợi danh.

Tôkubê hét lớn:

Ta không muốn nghe gì hết. Ta khiêu khích nhà ngươi. Lại đây, lại đây đọ sức với người anh hùng số một ở Kyôto nổi tiếng là một con beo gấm.

Átmuri chịu liền. Chàng giơ gươm lên, tiến lại phía Tôbukê. Một trận đấu rùng rợn diễn ra, cả hai lăn ra mặt đất, có lúc Átmuri đè lên trên, có lúc Tôbukê vật Átmuri té lăn cù trên cỏ.

Nhưng được chừng mười hai hiệp Tôbukê thắng thế.

Một tay bóp lấy cổ Átmuri, một tay cầm cây kiếm bén lăm lăm chém đầu địch thủ. Chính giữa lúc ấy, đòn bất ngờ xảy ra: Átmuri áp dụng một lối đánh kỳ lạ chưa từng thấy bao giờ, chồm lên vít cổ Tôbukê xuống, lấy chân đè lên mặt anh ta. Toàn thân Tôbukê cứng đờ. Átmuri nhìn vào mắt Tôbukê nói:

Ta có thể giết chết nhà ngươi, nhưng theo lời tổ tiên ta truyền lại, không bao giờ nên giết một người bị hạ. Đứng lên đi.

Theo tinh thần võ sĩ đạo, một người bị hạ, dù là được địch thương tình mà tha chết cũng chẳng nên sống làm gì, phải lấy gươm mổ bụng thì khỏi nhục mà giữ toàn được thanh danh.

Tôbukê không làm như thế. Anh đứng dậy, cúi đầu mà đi về như một con chó ghẻ, trước con mắt ngạc nhiên của bao nhiêu quân hầu, đầy tớ...

Chương Hai Mươi

"Nhiều khi con tim và khối óc của chính mình lại là thù địch của mình". Tôkubê có nhiều lúc đã nghĩ thâm như thế và cũng có nhiều lúc cảm thấy nhục nhã không chịu được. Anh ta đã định vào ngôi chùa Kurôđani ở Kyoto thí phát đi tu và ăn năn sám hối những tội lỗi trước đây mình gây ra, đồng thời suy ngẫm và cải tâm cải tánh để trở lại làm một người khiêm nhường, hiền hòa hơn.

Nhưng trực Phát xít Đức, Ý, Nhật thành lập, chiến tranh bùng nổ, nhiều ý niệm tốt đẹp, nhiều tư tưởng rộng rãi của người ta đang hình thành không thể nào thực hiện được như ý muốn.

Các nhà lãnh đạo, vì quyền lợi riêng tư, vì muốn thực hiện tư tưởng làm bá chủ, mà cũng có khi vì mù quáng, chạy theo sự sai khiến của ngoại nhân, kêu gọi dân chúng lao mình vào thù oán và giết chóc. Sự hăng say do máu gây ra làm cho óc người ta cằn cỗi lại, con mắt của người ta mù lòa đi, không còn phân biệt đâu là thiện ác, đâu là trái phải, đâu là thù và đâu là bạn... Tôkubê sung vào cơ quan mật vụ của quân đội Nhật sang chiếm đóng Đông Dương; thế là bao nhiêu tư tưởng tốt đẹp nuôi dưỡng trong đầu óc bỗng tiêu tan hết ra mây khói.

Anh không còn phải là "con beo gấm" nữa nhưng đúng là một tên đồ tể tham tàn độc ác, trông vào bất cứ ai cũng thấy là Átmuri ngày trước. Câu anh ta thường nói ngày trước, một đạo đã quên đi, bây giờ lại trở lại với anh: "Người ta không sống được bao nhiêu lâu, nhưng tên tuổi thì lưu truyền mãi, hết đời nọ đến đời kia".

Ở vào thời buổi chiến tranh, giết không thể nào hết được những người nuôi tư tưởng cho rằng muốn cho tên tuổi được lưu truyền mãi mãi thì nếu không có được những hành vi lớn lao cao đẹp thì ít ra những hành động gì dữ dằn, độc ác cũng có thể làm cho thiên hạ nhớ đời. Tôkubê lấy hai chữ "ái

quốc" để làm cái "vỏ" bao những hành vi độc ác dữ tợn của anh ta và lấy làm kiêu hãnh mình đã làm đầy đủ bốn phận của một công dân ái quốc.

Không một lúc nào Tôkubê nghĩ rằng anh ta đã làm tội ác này chồng lên tội ác kia.

Hơn thế, anh ta lại còn cho rằng khi mà người ta vì nước mà hành động thì người ta có thể làm tất cả, cũng như một người làm việc đã có trách nhiệm thì phải có quyền lợi, không ai có cách gì trách móc hay phê phán.

Câu chuyện sau này xảy ra chính giữa lúc Tôkubê đang "lên" và đang ôm ấp những tư tưởng đó.

Lúc ấy, quân Nhật đang thắng thế, quân đội Pháp đang bị dồn vào thế bí lùi dần. Tôkubê cùng một đoàn ba nhà buôn Nhật hoạt động từ Cam Ranh ra Cà Ná, Phan Thiết, Phan Rang, Phan Rí, Huế, một hôm vào một xóm kia để mua chuối già về ăn cơm thì gặp một cô gái nền nã nhu mì đương ngồi dưới bóng cây mù u nói chuyện với cô bạn về "chợ Cây Da Thằng Mọi".

Một cô nói:

- Chị nói đúng. Ở vào cái khoảng trại Võ Tánh bây giờ, theo lời ông già bà cả nói lại thì ngày trước có một cái chợ kêu là "Chợ Điều Khiển".

- Tôi cũng chẳng biết. Nhưng nghe thấy nói rằng chợ này do một ông điều khiển lập ra.

- Mà ông Điều Khiển lại là cái gì chớ?

- Hình như "điều khiển" là một chức quan võ cầm binh đánh giặc thuở trước đời Gia Long. Nhưng ta bỏ chợ Điều Khiển đó. Nói về "Chợ Cây Da Thằng Mọi" cần hơn. Tôi muốn nói với chị về chợ đó!

- Ủa! Sao vậy nè?

- Đi khỏi chợ Điều Khiển một quãng thì là chợ "Cây Da Thằng Mọi". Khoan. Thấy cái tên như thế, chị đừng tưởng chợ này có cây da và do một người đứng ra xây như ông Điều Khiển. Chợ có cái tên như vậy là vì ở bên trong thuở ấy, có một món hàng không đâu bán: ấy là một thứ đèn thắp dầu

phong hay dầu dừa làm bằng đất nung, nắn hình một người Mọi quỳ hai chân chắp hai tay, mà ở đầu thì đội một thếp dầu.

Chỗ chị em, tôi nói thật, không có chút chi giấu diếm: những cái đèn loại đó, nhà tôi có cả chục kiểu, không có chi là xưa lắm nhưng cái hình đồng của dựng Tư nhà chị thì phải nhận là hiếm có. Nó không phải là đồ xưa của Việt hay Tàu, nhưng mà là của Miên. Phần nhiều đồ Miên làm bằng đá hay đất nung. Tôi xem kỹ lắm rồi: cái hình đồng của dựng Tư là đồng bạch, tạc hình một người đàn bà Chăm tai to, cưỡi trần, vận phá mà tay lại bung thếp dầu thay vì đội lên đầu.

Hai người bạn gái nói chuyện tâm sự với nhau có vẻ đầm thắm lắm. Từ bên hàng xóm vọng sang một câu hò Đồng Tháp. Mãi nghe, cả hai cũng không biết rằng ngồi ở đằng sau lùm cây bên vườn nhà bên cạnh, có ba bốn người Nhật đương ngồi ăn chuối già với bánh bao, vừa ăn vừa ngắm hai cô gái.

Họ nói gì mà kể ra chợ Điều Khiển và chợ Cây Da Thằng Mọi? Cả bốn người Nhật ấy đã ở Việt Nam lâu rồi, từ năm sáu năm trước khi chiến tranh bùng nổ. Họ nghe tiếng Việt cũng lưu loát lắm. Nghe mãi... nghe mãi... họ biết ra rằng cô gái đẹp nồn nà, mặc áo bà ba trắng là người ở nơi khác đến đây với bạn mà mục đích chính là để nèo mua một cái tượng bằng đồng bạch tạc, hình một người đàn bà Chăm ôm một thếp dầu giơ ra trước mặt.

Người con gái đó trạc mười bảy mười tám tuổi là cùng, trông ra dáng học sinh, nói năng nhẹ nhõm. Ở vào lứa tuổi đó, các cô còn đọc truyện, đi coi chiếu bóng... vậy mà kỳ lạ làm sao, cô này lại có vẻ khác thường, nói năng đúng đắn mà lại điều đình mua bán vật xưa như thể một người rất ư thông thạo.

Tôkubê hết sức ngạc nhiên và đề ý đến cô gái ngay từ lúc đó. Cũng ngay từ lúc đó, anh cảm thấy như cô ta có một sức hút rất mạnh, muốn bỏ đi không nghĩ tới cũng không thể được.

Ngay hôm sau, Tôkubê lại một mình trở lại chỗ cây mù u hôm trước để tìm lại bóng hình người đẹp muốn mua cái tượng đồng bạch tạc hình người

đàn bà Chàm thì nghe thấy nói rằng, cô ta đã đem cái tượng ấy về Sài Gòn rồi... Tôkubê ngơ ngẩn mấy ngày, nhưng một người như anh ta mà lại đành chịu thúc thủ hay sao?

Sau khi thăm hỏi dò la bí mật và ghi chú vào cuốn sổ tay kỹ càng rồi, Tôkubê một mình về Sài Gòn, đến Chợ Quán và tìm đến "Quán Bánh Nghệ" ở xóm "Cây Me Mát" để gặp cho kỳ được o Phương Thảo.

Đúng thế! Người con gái mặc áo bà ba trắng nói chuyện về đồ xưa một cách thông thạo lạ thường chính là o Phương Thảo, cháu gái của Mẹ Hoát, người đàn bà chủ nhân "cái tháp ngọc chứa toàn bảo vật" mà ông Ba Sặng đã khéo tôn là "Thiên Hạ Đệ Nhất Gia".

O Phương Thảo thông thạo về cổ ngoạn và nói năng rành mạch về xuất xứ và sự tích các đồ cổ ngoạn không có chi lạ hết. Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh.. Mà Tôkubê, một người mê đồ cổ sưu tầm đồ cổ cảm thấy say o Phương Thảo như ta say một thứ men gì huyền ảo, cũng chẳng phải là sự ngạc nhiên.

Phải. Tôkubê say Phương Thảo thực. Hết ngày này sang ngày khác, anh ta lân la đến quán bánh nghệ tìm cách chuyện trò với o Phương Thảo và tin tưởng trước sau gì rồi cũng chiếm được lòng người đẹp ở xóm Cây Me Mát. Chớ lại không ư? Là sĩ quan một nước giàu mạnh vào bực nhất, mang cái nhãn hiệu đi "giải phóng các nước da vàng" để lập một thế giới mới là "Đại Đông Á", có tất cả quyền hành, sức mạnh trong tay, Tôkubê nắm chắc tương lai huy hoàng ở trong tay nhưng chỉ quên mất một điều: O Phương Thảo cũng như Mẹ Hoát là người có học, dù có một nhân vị rộng rãi đến đâu đi nữa cũng không thể quên rằng trong khi đất nước bị dày xéo chà đạp thì những người có trí óc, có lương tâm, không thể hợp tác với chính những kẻ đã dày xéo, chà đạp lên đất nước, giang sơn mình...

Thế là Tôkubê thất vọng dài dài. Thì đã bảo rằng nhiều khi con tim và khối óc của chính mình lại là thù địch của mình mà! Cái tính tự cao tự đại, tự cho mình là anh hùng là rồn của vũ trụ, đã từng có một thời kỳ bỏ Tôkubê mà đi, một hôm lại bất thần trở lại và gặm nhấm, và đục khoét, và

ray rút tim gan tì phế Tôkubê khiến cho chàng ta tức giận và nổi nóng, và uất giận, và muốn đập phá hết cả... đập phá hết tất cả... chỉ vì không được chiều theo sở thích.

Mệ Hoát dám trái ý không cho o Phương Thảo lấy chàng? Mà o Phương Thảo lại cũng dám trái ý chàng, không đáp lại tình thương yêu của chàng nữa?

Chương Hai Mươi Một

Thế là sự đổ vỡ diễn ra một cách vô cùng thảm thiết. Sau một thời gian dò thám kỹ càng, Tôkubê chờ đúng một hôm o Phương Thảo ra bãi sông chờ tàu để đi mua cổ ngoạn ở miền Tây cho dì, xông ra bắt cóc o Phương Thảo đem đi mất và việc đáng tiếc đã xảy ra một cách vô cùng man dại...

Chiều hôm đó, dân chúng xóm Cây Me Mát tìm thấy o Phương Thảo nằm trong một bụi lau ở gần Kinh Tàu Hủ (lúc đó có nhiều quân Nhật đóng).

Là vì Kinh Tàu Hủ, ngoài tính cách nối liền thủ đô Sài Gòn với các sông ngòi chảy xuống miệt Hậu Giang và là cái bến cho các tàu nhỏ, ghe thương hồ, ghe chài "ăn lúa" từ Bạc Liêu, Bãi Xâu, Sóc Trăng kéo lên, hoặc thuyền "Cá Đen" từ Biển Hồ đổ xuống, còn là một con đường chiến lược. Trước đây, tàu binh Pháp đã mượn kinh này vây đồn Cây mai, do đó, đánh úp chợ Mỹ Tho, nay quân Nhật cũng lại chiếm đóng địa điểm ấy, căng dây kẽm gai và cấm người lạ không được bước chân vào đó "nếu vi phạm, nổ súng liền".

Tôkubê đã hăm hiếp o Phương Thảo và sau khi thỏa mãn thú tính, đã bỏ nàng tại đây, trở về tìm Mẹ Hoát và trình bày sự việc trắng trợn và đê mạt:

- Dù cách gì đi nữa thì o Phương Thảo bây giờ cũng đã bị thất tiết rồi. Nhưng tôi cũng cứ bằng lòng lấy cô ta làm vợ, nếu như bà ưng thuận.

Mẹ Hoát nhất định không chịu, Tôkubê la hét như một con thú dữ bị tên, hét lời đe dọa tưởng rằng một ngày hai ngày Mẹ Hoát bằng lòng, không ngờ sau đó một ngày thì o Phương Thảo đâm đầu xuống một cái ao gần đó tự tử vào lúc nửa đêm.

Sáng hôm sau, tin đó loan đi, Tôkubê uất ức tưởng chừng như có thể học ra máu. Không những y thương tiếc người đẹp không về được tay y,

Tôkubê còn uất ức hơn về một nỗi là y cảm thấy bị nhục như chưa hề bị nhục đến như thế bao giờ.

Cái chàng sĩ quan Nhật mê gái ấy, vốn đã nóng, lại bị xúc cảm quá mức, nổi một cơn điên rùng rợn, y gầm lên, hét lên, và cái máu hung hãn của anh khi còn là "con beo gấm" ở Kyôto thoát đầu trở lại. Lập tức anh cho năm cái xe đến chở cổ ngoạn của Mệ Hoát đi. Không thể nào chở hết được! Tuốt cây kiếm dài đeo lưng lẳng bên hông, Tôkubê vung lên múa như một thằng ngộ dại. Trong nháy mắt, bao nhiêu kỳ châu, dị ngọc, bao nhiêu cổ vật sưu tập hết đời nọ đến đời kia, bao nhiêu chứng tích của văn minh văn hóa tự nhiên tan nát ra từng mảnh, khóc thét lên, rồi vung ra khắp chung quanh như xương thịt tan tành của người ta dưới trận mưa bom do một lũ quỷ không óc, không tim trút xuống.

Tuy nhiên, cổ ngoạn hình như có thần cho nên Tôkubê phá hoại cũng không thể bẻ vỡ hết. Ngay chiều hôm đó, năm cái xe lớn của nhà binh lại đến chở hết những báu vật còn lại đem đi. Công việc ấy kéo dài từ buổi tối cho đến mãi trưa hôm sau mới hoàn tất. Miếng sành, miếng sứ cao ngất lên như cái núi.

Tôkubê và mấy tên bạn đồ xăng khắp cả ba gian nhà, nổi lửa đốt. Lửa bốc lên cao đến nỗi người ở Sài Gòn đứng nhìn về phía đó cũng thấy rát cả mặt lên.

Đám cháy kéo dài suốt một ngày một đêm mới dập tắt được, nhưng bao nhiêu nhà cửa ở chung quanh đây đều ra tro, không còn lấy một bức tường nào đứng vững. Về sau này, người ta kể lại rằng mùi khét từ đám cháy tiết ra dây dưa đến cả tháng trời không hết, mặc dầu có những trận mưa to lắm, là vì có hàng trăm người ở chung quanh đó vì tiếc của cố chạy đồ chạy đạc, mà cũng vì chậm chân nữa, nên đã bỏ mạng trong đồng lửa và cháy thiêu mất xác.

Còn về Mệ Hoát... Từ lúc Tôkubê nổi cơn điên lên tuốt guom ra phá vỡ các cổ ngoạn trong nhà Mệ cho đến lúc lửa cháy bùng bùng đổ cả một góc

trời, không có một người nào, tuyệt nhiên không có một người nào trông thấy Mẹ đâu. Thế là tại sao? Thế thì Mẹ đi đâu?

Sau này, một người ở Chợ Quán thoát chết trận cháy kinh hoàng đó nói với người quen rằng:

- Sau khi mấy anh quân phiệt Nhật đi rồi và thấy lửa từ nhà Mẹ bốc lên, tôi cố chạy lại đứng ở bên ngoài kêu Mẹ cả tiếng đồng hồ. Chính tôi trông thấy Mẹ từ ở gian đầu bước ra ngoài, nhưng không hiểu nghĩ ngợi ra sao Mẹ lại quay trở lại... Hình như là Mẹ tiếc của, muốn vào trong nhà để nhặt nhanh xem có còn thu nhặt được đồ vật gì hay không. Tôi la hét âm ỹ cả lên, bảo rằng đồ vật gì thì cũng mặc đấy, hãy lo chạy thoát thân trước đã, nhưng Mẹ hình như điếc không nghe thấy gì cả hay là mất trí rồi cũng nên, thành thử cứ lom khom mãi trong đồng lửa để mà kiếm cái này tìm cái nọ... Thế rồi, một lát sau, ngọn lửa cuốn lấy Mẹ...

Hai vợ chồng một người trẻ tuổi khác cãi lại:

- Đâu có. Chính ngay lúc bọn ăn cướp kia đến phá nhà Mẹ Hoát, chúng tôi đã đi cửa sau vào lòi Mẹ - lúc ấy đương trốn ở dưới gầm một cái tủ chè - để đưa ra cái hèm ở sau nhà. Mẹ không có làm sao hết.

- Thế thì bây giờ Mẹ ở đâu?

- Thì các ông các bà còn lại gì cái cảnh đạo tặc thủy hỏa xưa nay lúc nào chẳng thế: mạnh ai nấy chạy... Chúng tôi cũng phải tự lo thân, chạy lấy một ít đồ đạc. Đến khi quay lại thì thấy mất Mẹ Hoát. Chúng tôi ngờ rằng Mẹ đã gặp được một người quen đưa đi tá túc ở đâu rồi.

- Nhưng tôi nghe thấy thì lại khác: một bọn chó săn của Nhật, đi lảng vảng ở chỗ cháy để xem xét tình hình đã bắt cóc Mẹ đem về giam giữ ở một căn cứ, rồi ở đó Mẹ bị tra tấn cực kỳ dã man cho đến chết và chết hai ba ngày rồi Mẹ vẫn mở trừng trừng con mắt không làm sao nhắm được.

Người nói chuyện tặc lưỡi tiếp:

- Theo các cụ ngày xưa ghi lại thì có phải chết như thế là chết oan không?

- Chết oan hay không, chưa cần biết làm gì vội, nhưng chắc chắn chết như thế là chết tức tưởi, chết không nhắm mắt được. Người ta bảo rằng những người chết như vậy rất linh thiêng và sau này thế nào cũng báo oán kẻ đã hại mình...

Về cái chết của Mẹ Hoát mỗi người nói một cách, thành ra không ai biết Mẹ đã thật sự chết như thế nào, nhưng sau khi hỏa hoạn ở Chợ Quán này xảy ra được ít lâu thì hầu hết những người ở làng Thợ Đúc và những người ở con đường ngang nhà thờ Chợ Quán bây giờ (tức bên hông chùa "Nhơn Sơn Tự" và "Chùa Gia Điền" lúc đó) đều nhận thấy một sự việc giống in nhau, không ai chối cãi được.

Hàng đêm, nhất là hôm tối trời, và vào cái khoảng nửa đêm về sáng, khắp từ Tân Kiềng, Nhơn Giang, Bình Yên đến vùng Cây Mai, chùa Gò, người ta thường nghe thấy có tiếng khóc náo nùng vang ra. Tiếng khóc đó, nhiều hôm gặp gió ngược hun hút đưa vào tới "Mả Biền Trụ" ở trên cánh đồng ruộng khỏi "Chợ Cây Da Thằng Mọi".

"Mả Biền Trụ" còn gọi là "Mả Ngụy" hay "Đồng Tập Trận" nguyên là "mả Ngụy Khôi". Khôi là người Nùng, bị Tả Quân Lê Văn Duyệt bắt được, nhưng thương tài không giết, nuôi làm dưỡng tử và lấy họ Lê. Đến khi Tả Quân mất đi, Khôi vì không chịu nổi được cử chỉ đê hèn, đê chó của bọn gia nô tham nhũng, nổi lên giết quan triều đình, chống lại chánh phủ trong ba năm trường. Sau, Khôi bị chết, triều đình mới hạ được thành Sài Gòn. Vua Minh Mạng, chưa đã giận, sau phá thành, san làm bình địa và giết gần hai ngàn dân lành, không phân biệt lớn nhỏ, trẻ già, chôn chung vào một huyệt.

Những người ở gần Mả Ngụy cho rằng tiếng khóc than vẫn vang vẳng trong đêm khuya thanh vắng là tiếng khóc của ngót hai ngàn dân vô tội bị nhà vua ghép vào tội phản nghịch "theo giặc Khôi ở lại trong thành". Và sau này gặp đêm xuôi gió, tiếng khóc than đó lại bay về hướng "Chợ Bọt", Chợ Hòm, chợ Mai, thì người ta ngỡ là không đúng. Do đó mấy người bạo dạn quyết tâm liều mạng đi xem xét coi tiếng khóc đích thực vang ra từ nơi

nào thì tất cả đều ghi nhận rằng phát ra từ khu nhà cháy ở Chợ Quán trước đây.

Họ kể lại như sau:

- Chúng tôi nhất định như thế, không có cách gì làm được. Thức mấy đêm liền để ngồi canh chừng ở đấy, chúng tôi không những được nghe thấy tiếng khóc phát ra từ những núi vôi gạch vụn mà chính mắt chúng tôi được vài lần trông thấy những bóng ma đi đi lại lại trên những cái nền nhà đổ nát tại đó: có cái bóng ôm mặt khóc rất lớn; có cái khuôn vác những tảng vôi, hòn gạch chồng chất lên thành đồng cao; lại có cái bóng cứ gập mình xuống đi đi lại lại như thể tìm kiếm vật gì rất lâu rồi vụt một cái kêu lên những tiếng thất thanh tức tưởi.

Chương Hai Mươi Hai

- Ông bạn! Hẳn ông bạn còn nhớ lần gặp gỡ đầu tiên, tôi có nói với ông bạn một câu về Trần Hữu Lăng tức Tôkubê liên quan đến đời tư của anh ta.

Ômya đặt ly rượu xuống bàn, thông thả hỏi tôi như vậy.

- Thú thực, tôi không còn nhớ nữa. Chớ câu chuyện đời tư của Tôkubê như thế nào?

- Tôi nhớ rằng lúc ấy ông bạn có nói rằng thỉnh thoảng Trần Hữu Lăng tức Tôkubê lại bỏ Sài Gòn đi về miền Trung để thăm gia đình tại đó. Tôi nói: "Theo chỗ tôi biết, Tôkubê không có gia đình, vợ con nào ở Việt Nam. Tôi còn nghĩ rằng ngoài người vợ và hai đứa con ở Nhật hiện nay, Tôkubê không thể lấy một người đàn bà nào khác. Ông bạn hỏi tôi tại sao thế. Thì tôi nhớ đã trả lời rằng câu chuyện ấy thuộc về đời tư của anh ta, chắc ông bạn không muốn nghe làm gì".

- Phải, tôi đã nói với ông như thế! Bởi vì tôi không muốn cho ai biết về đời tư của Tôkubê, nhưng đến hôm nay tôi thấy rằng không nói hết cả chuyện liên hệ đến Tôkubê thì không thể nào hiểu được tất cả bí ẩn trong cái chết của ông ta.

Mà nhiệm vụ của tôi là phải hiểu biết rõ về cái chết đó, vì một lời đã hứa với vợ con của anh ấy trước khi tôi rời Nhật để trở lại Việt Nam lần này.

- Ông hứa làm sao? Mà thật tình tôi nghĩ hơi tò mò: có lẽ mẹ và vợ Tôkubê đến tận lúc này vẫn chưa biết là anh ta đã chết, cho nên mới nhờ ông bạn sang đây tìm kiếm để biết tin tức phải không?

- Có lẽ vậy. Nhưng đó là chuyện sau này. Đã coi nhau là bạn thân thiết, không giấu diếm nhau điều gì trước sau thế nào tôi cũng nói hết cho ông bạn biết tất cả đầu đuôi gốc ngọn...

Nhưng bây giờ, tôi hãy nói về Tôkubê sau khi cướp một số cổ ngoạn của Mẹ Hoát đem đóng thùng gửi về chôn trong cái kho tàng bí mật ở dãy Trường Sơn, còn một số thì đập phá tan tành rồi nổi lửa đốt cháy nhà Mẹ Hoát làm cho hàng trăm ngôi nhà chung quanh đó thành ra tro bụi.

Theo lời anh bạn Nhật mà tôi gặp ở Phan Rang hôm Tết, Tôkubê sau khi đã làm xong hành động điên rồ, man dại đó, sống ngất ngư như một người si. Ông bạn có quan niệm như thế nào là một người si không? Chiến tranh tàn phá trí óc của con người và tạo ra nhiều loại điên khùng khác nhau. Có người điên tưởng rằng mình được Trời phú cho làm cha thiên hạ; có người cho rằng mình càng giết được nhiều người thì càng có tiếng là anh hùng hảo hán; có người nghĩ rằng càng lợi dụng được chiến tranh, làm giàu trên xương máu đồng bào thì càng được tiếng là khôn; có người không có gì hết nhưng yên trí nếu không đánh địch thì mình mất hết không còn gì; có người cho rằng cứ mũ ni che tai, mặc cho thiên hạ chém giết nhau là ổn hơn hết, rốt cuộc thì là trời định đoạt, con người bé nhỏ làm sao mà lo liệu được... Có hàng ngàn thứ suy nhược thần kinh, có hàng ngàn thứ điên khùng do chiến tranh tạo ra, ông bạn ạ... Si là một thể của cái chứng suy nhược thần kinh đó, mà Tôkubê đã mắc phải sau khi cướp đi và phá phách các cổ ngoạn nhà Mẹ Hoát.

Bắt đầu, anh ta mất hẳn trí nhớ, nói trước quên sau. Dần dần, anh ta sinh sự với tất cả những người làm trái ý hay không làm trái ý mình. Những lúc lên cơn như thế anh cảm thấy có thể giết người như bỡn, nhưng nhiều khi sau đó thì lại thấy rã rời ra, không muốn gì hết, không thù hận ai hết, không muốn nói với ai hết. Anh ngồi ì ra đó hàng tiếng đồng hồ, mắt trơ trơ mở ra nhìn không chớp vào khoảng không, lòng vắng lặng như quán chợ chiều hôm nhưng có lúc lại rạo rạo ý nghĩ chán chường, muốn tìm một cái gì mới nhất, lạ nhất để chết. Ở vào thời buổi chiến tranh; không có gì rùng rợn hơn là cái tư tưởng của con người khi con người cúi xuống nói chuyện với lòng mình và thấy tất cả cuộc đời mình chỉ là một số không, một cái gì tối ư vô nghĩa lý.

Tôkubê nghĩ gì về cuộc đời của anh? Về hành động của anh? Và sự tàn phá các thành phố, các công trình văn hóa, các tâm tình và đầu óc người ta do chiến tranh đã tạo nên?

Không có ai biết hết, nhưng cũng chẳng ai tìm biết làm gì.

Sự sợ chết, sự túng thiếu, sự no đói làm cho lòng người khô cạn lại và đầu óc của người ta trở nên ích kỷ hơn. Bởi thế, chẳng ai tự hỏi tại sao Tôkubê đang ngồi thẩn ra hàng tiếng đồng hồ lại ôm lấy mặt khóc rưng rức; tại sao Tôkubê đang ngồi lại đứng giờ hai tay lên như muốn thu can đảm lại để đối phó một vụ gì quan trọng lắm, tại sao Tôkubê đang nhìn vào bóng mình trong cốc rượu lại đổ hết cả chén rượu đi rồi cất tiếng hát như khóc như than, như gào như hét...

Nhưng không phải lúc nào Tôkubê cũng si dại như thế đâu, có những ngày, và có những khi anh tỉnh táo và nói chuyện tử tế, điềm đạm y như người bình thường vậy.

Có một hôm, chính anh bạn mà tôi gặp ở Phan Rang đã nói với Tôkubê:

- Tôi với anh làm việc cùng ở một cơ quan, biết nhau đã nhiều, tôi có một điều muốn nói với anh.

Tôkubê cúi gập lưng xuống, trả lời:

- Không có gì quý báu hơn. Tình bạn ăn ở với nhau, chỉ cần có thế.

- Tôi thấy ít lâu nay anh không mạnh khỏe. Có lẽ chính anh không biết như thế, nhưng bè bạn của anh đều nhận thức như tôi.

- Anh nói đúng. Có lúc tôi cũng biết thế, nhưng biết làm sao bây giờ?

- Tôi không có tư tưởng cao xa. Tôi chỉ có những ý nghĩ thiên cận nhưng thực tế. Anh Tôkubê, anh nên nghe tôi, anh nên nghe những lời của chúng bạn. Anh phải kiếm một người yêu thương anh, trông nom sức khỏe cho anh và săn sóc anh, an ủi anh những khi tối đèn, tắt lửa!

Chưa bao giờ có ai lại thấy Tôkubê ôm mặt khóc lớn tiếng khóc nào nùng, thảm thiết như hôm ấy.

- Nghĩa là anh bảo tôi kiếm một người vợ phải không?

- Chính thế.

Tôkubê đứng dậy, cúi gập lưng xuống lay người bạn, vừa khóc vừa nói:

- Tôi xin cảm tạ anh và các bạn và xin thề là cho đến khi chết tôi cũng không quên được cảm tình của các anh đối với tôi. Nhưng bất cứ điều gì tôi cũng không thể nghe theo lời các anh được, tôi đã suy nghĩ kỹ lắm rồi...

- Tôi biết là anh sẽ phải trả lời như thế. Anh không muốn phụ vợ, đối con ở Nhật, nhưng anh lầm rồi: đàn ông lấy năm thê bảy thiếp là chuyện thường. Và lại trường hợp của anh là một trường hợp đặc biệt, anh lấy một người nào ở đây có phải là vì đam mê, sa ngã gì đâu, nhưng lấy là để cho có người làm bè bạn và trông nom săn sóc trong những lúc trở trời trái gió.

- Không, tôi không hề băn khoăn về điểm đó. Nhưng tôi không thể nào lấy được. Tôi đã suy nghĩ nhiều đêm lắm rồi anh ạ, tôi không có quyền lấy bất cứ người đàn bà nào khác nữa, ngoài o Phương Thảo.

- Phương Thảo là ai vậy?

- Anh không có quyền biết.

Người bạn tưởng chừng Tôkubê lại sắp lên cơn nói sảng gì đây nên gạt đi không nói nữa, nhưng Tôkubê như không hề để ý cứ nói tiếp và nói như thể cho chính mình nghe vậy:

"Nhưng bây giờ, ví thử chính Phương Thảo có sống lại mà lấy tôi, tôi cũng không lấy nữa. Là vì ít lâu nay, tôi đã hiểu tôi hơn: tôi không phải là thằng người anh ạ, nhưng chính là một con quỷ - một thằng người mà chiến tranh đã biến thành con quỷ - mà con quỷ không có quyền lấy vợ để sinh ra những con quỷ nhỏ kế tiếp nhau làm dơ dáy loài người, làm nhóp nhúa thêm trái đất đã tràn đầy nhóp nhúa".

Càng nghe, người bạn lại càng không hiểu Tôkubê nói gì. Ông Ômya im lặng một giây, hút hết nửa điếu thuốc mới nói tiếp với tôi:

- Chính lúc anh bạn tôi thuật lại câu chuyện cho tôi nghe vẫn không hiểu, và yên trí Tôkubê lên con nói nhảm.

Riêng tôi hơi hiểu, nhưng không nói ra làm gì. Thâm tâm tôi mừng một chút là vì thấy Tôkubê đã nhận thức được phần nào cái thực chất của mình và tỏ ra hối hận về những hành vi tàn ác mà mình đã tạo ra.

Tôi thành thật hy vọng rằng sự cảnh giác đó sẽ lần lần cải hóa để giúp cho tội lỗi của anh mỗi ngày mỗi vơi đi.

Nhưng tôi đã lầm. Thực sự là không có cái gì bí hiểm, phức tạp hơn con người ở trên cõi đời này, ông bạn ạ.

Tôkubê nhận mình là con quỷ và hiểu rằng những hành động của y là hành động phi nhân loại - điều đó thành thực và rất thành thực - nhưng y chỉ nghĩ thế mà thôi, biết thế mà thôi, chứ đến khi hành động thực tế thì cái ám ảnh làm anh hùng, cái ám ảnh không chịu thua ai, không chịu nhận mình đã lầm lạc, cái ám ảnh cho rằng mình đứng trên hết mọi người, không có ai có thể đụng chạm đến mình được, cái ám ảnh ấy vẫn hướng dẫn chi phối anh ta trong mọi lời nói và hành vi cử chỉ.

Những lúc đó, Tôkubê lại hiện nguyên hình thành một người hùng hổ, hiếu chiến, không hề chịu thú nhận với ai rằng mình lầm lạc và không chịu quỳ xuống xin lỗi những người mình đã ám hại và gây tang tóc, hơn thế, anh ta lại kiếm cách bịp bợm để lừa đảo họ cho họ vào tròng, và nếu có cách gì làm cho họ chết được Tôkubê cũng không e ngại.

- Ông bạn! Có phải trong cuộc đời ông đã từng gặp những kiểu người như thế rồi phải không? Đó là những người có lúc thương yêu đồng bào thật thương yêu, nhưng một khi đụng chạm đến quyền lợi, ý thức hệ - nếu có - thì họ chỉ nghĩ cách để tiêu diệt người khác, làm như chỉ có những người như họ mới có quyền sống, ngoài ra nên thanh toán hết để cho đời đỡ chật vật.

Có khi muốn thực hiện chủ trương đó họ đeo cái mặt nạ hiền hòa và nói ra những lời nhân ái, nhưng cũng có khi họ tỏ ra trắng trợn và không ngại

nói to những ý tưởng đen tối, rùng rợn bò lổm ngổm trong đầu óc họ như những con rắn độc.

- Thế sau đó, Tôkubê ra sao? Anh ta nhận thức mình là quỷ, nhưng vẫn tiếp tục gây những tội ác như trước hay sao?

- Đúng thế. Điều quan trọng nhất mà tôi sắp nói đến đây: sau mười một tháng trời nằm ở quân y viện và được thuốc thang chữa chạy tận tình. Tôkubê khỏi bệnh và trở lại khỏe mạnh như ngày trước. Người ta vẫn thường nói rằng một tinh thần mạnh phải nằm trong một thân thể khỏe mạnh. Ở trường hợp Tôkubê, cái tinh thần mạnh khỏe ấy lại hại y, sau khi thân thể y khỏe trở lại, nghĩa là bao nhiêu ý tưởng "yếu" tan mất nhường chỗ cho những ý tưởng "mạnh" lại là những ý tưởng hạ người khác để cho mình lên, giết người khác chết đi để cho mình sống, uy hiếp người khác để cho mình đè đầu cưỡi cổ....

Thưa ông bạn, chính những lầm lạc đó đã giết chết Tôkubê lúc ở nhà ông bạn ăn tân gia ra về.

Chương Hai Mươi Ba

Tôi giật mình khi nghe thấy ông Ômya nói thẳng vào tai tôi như thế.

Tính đột tay, tôi biết ông Ômya đã được hơn hai tháng. Thực tình, lúc mới biết ông tôi cũng có giữ gìn ý tứ trong cử chỉ và lời nói (vì nói thực bao giờ tôi cũng nghi ngờ những người ngoại quốc tự động đến tìm tôi) nhưng ít lâu sau này thì tôi mến ông thực tình.

Ấy là vì trong những lúc nói giỡn hay kể cho nhau nghe những chuyện đứng đắn cũng như lúc bàn về thời thế trong những khi uống nước sông hay nhậu nhẹt say sưa bí tỉ, ông Ômya lúc nào cũng tỏ ra là một người lịch sự, có một thái độ nghiêm túc, với những lời bình luận triết trung nhân ái.

Thường thường, ông cũng giữ gìn lời nói không dùng những ý kiến hay danh từ gì quyết liệt. Thế mà hôm nay, kể xong câu chuyện đem từ đây Trường Sơn về... Ông Ômya gật đầu và nhắc lại:

- Vâng. Chính những lầm lạc đó đã giết chết Tôkubê lúc ở nhà ông bạn ăn tân gia về... Nhưng xin nói ngay rằng đó chỉ là ý nghĩ của tôi thôi, xin tùy nơi ông bạn suy xét mà cho là say hay trúng gió.

Trước khi nghe ông bạn đưa ra ý kiến, ta hãy cùng nhau tóm tắt câu chuyện Tôkubê như thế này: Trần Hữu Lăng, bạn tôi, là một người Nhật tên là Tôkubê. Anh ta làm mật vụ phụ trách trông coi một kho tàng ở đây Trường Sơn, không có vợ, có con ở Việt Nam. Hồi Nhật chiếm đóng ở đây, anh muốn lấy một cô gái tên là o Phương Thảo, cháu của Mẹ Hoát, nhưng cả Mẹ Hoát lẫn cô gái khước từ tình cảm của anh nên anh nổi nóng phá hết cả cái lâu đài của Mẹ Hoát, cướp đi một số cổ ngoạn đem đi. Phương Thảo đã tự trầm và Mẹ Hoát chết trong ngọn lửa. Tôi di cư vào Nam ở cái nhà xây trên cái nền cũ nhà Mẹ Hoát, đêm đêm tôi thấy bóng ma Mẹ Hoát và o Phương Thảo hiện ra nhưng tuyệt nhiên không làm hại gì đến tôi hay là các bạn hữu của tôi.

Duy có một người bị hai cái bóng ma lưu ý từ bao giờ không biết đó là Trần Hữu Lăng tức Tôkubê. Hai cái bóng ma đó đã mấy lần hiện ra gần Trần Hữu Lăng. Họ làm gì, nói gì bên tai Lăng thì tôi không biết. Và cũng không ai biết vì Trần Hữu Lăng lắm lì ít khi tỏ bày tâm sự với ai. Chỉ biết rằng lần sau càng thấy hai cái bóng trắng ấy hiện ra thì Lăng nổi nóng không chịu được nên cất lời chửi rửa tèn tẹt và cầm ly vác ghế ném vào hai cái bóng ma đó như muốn thanh toán dứt khoát hai cái hình ảnh làm cho mình khó chịu và bất mãn.

Thế rồi đến hôm ăn lễ tân gia, Lăng đang khỏe mạnh như bình thường nhưng khi mới bước chân chưa ra khỏi nhà tôi thì có những cái roi vô hình quất vào đầu và mặt y cho đến khi y ngã lăn ra tại chỗ. Chờ chưa đến bệnh viện thì y đã chết. Lúc nhập quan tài, người ta thấy toàn thân y bầm tím và trầy trụa như bị miếng sành, miếng sứ đâm vào thịt...

Tất cả câu chuyện rút lại như thế, phải không? Tôi không hiểu tại sao ông bạn lại cho rằng Trần Hữu Lăng chết vì những ý niệm sai lầm của anh ta về hai chữ anh hùng, về ý nghĩa của sự sống mạnh? Hỏi vặn tất đã: theo ông bạn, Tôkubê chết do ai giết? Có nói rõ ra thì mới có thể có một ý nghĩ khái quát về lời quyết đoán của ông bạn được. Ông bạn nghĩ sao?

Ômya không trả lời tôi ngay. Ông hỏi:

- Có tiếng gì ào ào ở vườn đằng sau như thể có nhiều người nói cùng một lúc vậy ông?

- Không mà, có gì đâu.

Ông lặng im, đợi một lúc coi. Đó là tiếng người hay tiếng chân con vật gì đi trên lá mà kêu ào ào như vậy?

Tôi nghe một chút nữa:

- Ô, tưởng là gì! Đây là tiếng gió đập và những cành y lăng ở sau vườn nhà tôi đấy mà.

- Thế mà tôi cứ tưởng là tiếng chân người đến rình rập chúng ta trò chuyện. Uống đi ông. Cái chai rượu này ngon lắm, người bạn của tôi ở

Phan Rang biểu tôi hai chai đem về.

Ông Ômya uống cạn ly rồi tiếp câu chuyện đang bỏ dở:

- Ông hỏi tôi nghĩ sao à? Tôi không có nghĩ sao cả. Tôi chỉ biết tôi tin tưởng rằng linh hồn của người ta sau khi chết rồi vẫn cứ tồn tại như thường và có thể hiện lên, nếu cần. Có người bảo thế là "người chết hiện hồn" nhưng có người lại gọi là ma. Theo tôi, hai thứ đó chỉ là một. Trường hợp Mẹ Hoát và o Phương Thảo mà chúng ta đã biết không phải là trường hợp chưa từng thấy từ trước đến nay.

Chính một người cô tôi ở Nhật cũng đã bị một cái linh hồn về trả oán và cũng lấy roi quất thâm tím cả mặt mày.

- Nói vậy thì ra ông tin là linh hồn của người chết có thể trả thù người còn sống một cách cụ thể hay sao?

- Tôi tin, mà cũng không tin. Tôi chỉ biết nhận xét như vậy mà thôi. Và lại, tôi không còn cách gì khác để mà luận về cái chết của Tôkubê nữa.

Thú thật với ông bạn, từ sau hôm hội kiến với ông bạn lần thứ nhất ra về, tôi đã đi tìm mấy người bạn Nhật còn ở lại đây sau khi chiến tranh kết thúc mà tôi biết là vẫn còn thường đi lại với Tôkubê. Tất cả những người đó đều công nhận rằng ít lâu trở lại đây, Tôkubê khỏe mạnh không có bệnh tật gì. Xem lá phiếu khám sức khỏe tổng quát hàng năm của y còn lưu lại trong nhà thương Đồn Đất, gan, phổi, tim, máu, nước tiểu của anh ta bình thường. Một người như thế, theo khoa học mới, không thể chết bất thình lình được.

Chỉ còn cách bảo là y say rượu hay bị đứng tim hoặc đứt gân máu. Thì giả thuyết đó lại cũng không chắc chắn nữa: thứ nhất, ông già Yên, không uống rượu và rất tỉnh táo đã xác nhận là Tôkubê hôm đó không say, mà chính ông cũng thấy như thế vì ông bảo "Tôkubê hôm đó tỉnh táo và cười nói như thường", thứ hai là giấy chứng chỉ của thầy thuốc khám nghiệm tử thi của anh ta ghi rõ ràng là Tôkubê không bị nghẹt tim, cũng không hề bị đứt gân máu, bây giờ chỉ còn cách bảo là y bị người ta chài ếm.

- Ủa, ông bạn cũng tin là có chài ếm nữa hay sao? Tôi vẫn thường nghe thấy nói rằng có những người thù oán ai thường chài ếm thư phù kẻ thù cho đến chết hoặc ếm một con dao ở trước cửa nhà, hoặc chài một con vịt con gà vào trong bụng nó; có khi thư cả một hộp đinh hay một mớ kim vào bụng; lại cũng có trường hợp ngồi ở nhà mà phù cả một miếng da trâu vào bụng những người mình muốn hại. Tôi không hiểu là thực hay hư.

- Điều đó, tôi có thể quả quyết với ông là mắt tôi đã được trông thấy rồi, hồi tôi đến Việt Nam lần đầu tiên.

Có được trông thấy thế tôi mới tin chứ thực tình trước đó tôi cho là huyền hoặc, dù tôi đã đọc nhiều sách của Pháp nói về vấn đề chài ếm.

Phải, tôi nhận là có thực và tôi tin hết sức những trường hợp phù ếm ghi trong một cuốn sách có nhan đề là "Amulettes et envoutement" của mười hai "y sĩ thuộc địa", trong đó có một ông hiện giờ vẫn còn nổi tiếng ở nước Pháp, ông Huard, soạn thảo mà tôi còn nhớ rõ có in kèm nhiều hình ảnh. Diễn hình nhất về chài ếm, cuốn sách này đã kể trường hợp một người nông dân Bắc vì vấn đề sinh sống phải lên mạn ngược làm ăn rồi không hiểu vì công nợ hay thù oán ra sao khi anh ta trở về kinh thì bị bệnh, bụng cứ to lên như cái trống và đau đớn chịu không thấu.

Chụp hình quanh tuyến thì thấy bụng người bệnh đen ồm. Lấy kim chích xem có nước ở trong như trường hợp bịnh bàng thì không có nước mà mũi kim tiêm lại bị cong queo. Sau gần một tháng xoay sở đủ cách không ăn thua gì hết, các bác sĩ chán nản và gần như chịu thua bó tay, may sao gia đình người bệnh xin cho y ra khỏi bệnh viện đem về nhà rồi họ rước một ông thầy đến coi thì thầy bảo là bệnh nhân bị ếm một miếng da trâu. Thầy cho bùa uống rồi làm phép được vài hôm thì bụng người bệnh nhỏ dần. Cuối cùng, ông thầy đánh vào bụng bệnh nhân mấy cái thì từ trong thịt ở bụng người bệnh lòi ra một miếng da trâu có lông to bằng đồng xu. Sau đó người bệnh nhân hết bệnh, lần lần khỏe lên rồi trở lại bệnh viện cho bác sĩ chụp hình lại thì thấy lần này họ thấy cái bụng của người bệnh như người bình thường.

Ông bạn! Sao tôi lại không thể nghĩ rằng Tôkubê chết vì bị người ta chà ếm? Nhưng về điểm đó, tôi cũng đã suy nghĩ kỹ rồi: phàm người bị chà ếm thì phải khó chịu đau đớn trong lòng, trong ruột cả mấy tháng trời rồi mới chết, chứ đâu có chết tức tưởi như vậy, với lại tôi đọc sách nhưng không thấy quyển nào nói bị chà ếm mà chết đột ngột, chết bất thành linh như trường hợp anh bạn của chúng ta.

Bây giờ, tôi biết kết luận thế nào đây? Tôi chỉ còn biết tin vào lời của ông Yên đã nói với ông sau khi Tôkubê ngã lăn ra ở bậc cửa nhà ông: "có một cái gì như thể một mớ roi da từ một chỗ rất kín đáo ở ngay góc sân thông xuống, sáng lòe lên rồi quất lia lịa vào đầu vào mặt ông Trần Hữu Lăng kỳ cho đến khi ông ấy ngã lăn ra mặt đất, co quắp chân tay lại như đồng giẻ rách. "

Vào những ngày đầu năm ở miền Nam, cái lạnh năm tàn vẫn còn sót lại vào cái khoảng nửa đêm về sáng. Gió bây giờ thổi mạnh hơn, các cành y lẳng vổ vào nhau kêu rắc rắc. Một mùi thơm nửa như dạ lan hương, nửa như móng giông tạt vào trong căn gác lạnh có hai người già ngồi đối ẩm với nhau.

Tôi đứng dậy pha một tuần trà uống cho ấm lòng trong khi ông Ômya ôm cái gối vào lòng cho đỡ lạnh mà ngồi thừ ra suy nghĩ còn đôi mắt thì cứ ngó trân trân ra khoảng vườn tối mù mù ở bên ngoài.

Rồi đột nhiên ông nói:

- Nhưng bóng ma Mệ Hoát và o Phương Thảo hiện lên nói với Tôkubê những gì, tôi rất tiếc là không ai biết hết...

Chương Hai Mươi Bốn

- Tiếc thật! Nhưng làm thế nào được? Mình có nghe thấy khi mốc gì đâu!

Tôi vừa chuyên trà từ cái tổng sang hai cái chén quân, vừa nói với ông Ômya như thế.

- Thế cho nên tôi mới bảo là rất tiếc. Tuy nhiên, theo ý tôi, mình có thể tưởng tượng được ra nội dung câu chuyện giữa hai bên mà không sợ sai sự thật.

Tôi nhớ rằng ông bạn, lúc thuật lại câu chuyện cho tôi nghe, đã hai lần nói rõ rằng Mệ Hoát và Phương Thảo trong lúc hiện ra ở nhà ông để tìm kiếm đồ vật ở dưới chân bàn, góc tủ đã trông thấy Tôkubê (lúc ấy tên là Trần Hữu Lăng) mấy lần rồi, nhưng bỏ đi và ra ngoài nói thì thầm với nha. Mãi sau này, hai cái bóng ấy mới tiến đến đứng ở cạnh Tôkubê và rồi nói nhỏ vào tai Tôkubê, và Tôkubê đã nổi giận lên chửi bới, xô bàn đẩy ghế, rượt theo hai cái bóng rồi ném ly, xô ghế muốn đánh chết hai cái bóng ấy cho hả giận. Có phải thế không?

- Đúng như vậy. Nhưng mà ông bạn nói thế để rồi đi đến kết luận thế này:

- Trần Hữu Lăng tức là Tôkubê, là người đã hãm hiếp o Phương Thảo để cho nàng phần uất mà phải đâm đầu xuống sông tự tử, và là người đã đập phá không biết bao nhiêu báu vật ở nhà Mệ Hoát rồi lại cướp những thứ mà y không đập phá được mang đi, là người đổ xăng lên khắp ba gian nhà rồi nổi lửa lên để đốt làm cho bao nhiêu cổ ngoạn còn sót lại đều bị cháy, bị nổ, bị tan thành than hết.

Sau khi Mệ Hoát và o Phương Thảo nhận diện ra được kẻ thù phá nhà, cướp của và hủy diệt cổ ngoạn quý báu hơn cả các kho tàng của vua chúa, Mệ Hoát và o Phương Thảo chưa đành ngay được thái độ phải đối phó với

Tôkubê ra thế nào. Người ta, nhất là những người có học, bao giờ cũng giàu lòng tha thứ phải không, ông bạn? Kẻ thù của ta, dù ghét cách mấy đi nữa mà đã ngã ngựa rồi, ta cũng thấy thương. Tôi nghĩ rằng hai cái hồn ma Phương Thảo và Mẹ Hoát dù thù oán Tôkubê cách mấy đi nữa, dù có lần đã nói với ông rằng "phải lấy oán trả oán, chớ có phải là Phật hay Chúa đâu mà đi trả oán bằng ân", nhưng đến lúc hành động thì lại thấy không đành lòng... Vì thế mới có chuyện "hai cái bóng sau khi gặp Tôkubê mấy lần đã bỏ đi và ra ngoài nói thì thầm với nhau. "

- Ồ, họ nói gì? Ông thử đoán xem sao.

- Tôi nghĩ thế này: người da vàng, nhất là người Việt có tâm hồn kỳ lạ hết sức, khó hiểu hết sức. Có nhiều khi, chính họ giữ lẽ phải ở trong tay, chính họ nắm được ưu thế thì họ lại nhường đến cái mức tự làm mình bé nhỏ để van xin kẻ thù, họ tự hạ họ xuống và đưa kẻ thù lên cao...

Ông bạn ơi, có phải tôi đã nói với ông bạn rằng chính Tôkubê đã chết vì y đã bị chính tim gan y phản y không?

Phải, Tôkubê chết, theo ý tôi, chính là vì hai chữ anh hùng mà y đã quan niệm một cách lầm lạc, y chết vì y nuôi nhiều tham vọng quá, y tưởng rằng chỉ có y mới là người xứng đáng làm chủ còn bao nhiêu người khác thì đều hèn hạ.

Tôi nghĩ rằng Mẹ Hoát và o Phương Thảo đã nói với Tôkubê với những lời lẽ ôn hòa khiêm nhường theo lối đó. Có thể họ van xin Tôkubê thương tình mà nghĩ lại, chỉ họ chỗ cất giấu những cỗ ngoạn còn sót lại để họ thỉnh thoảng được đến ngắm nghía cho khuây khỏa lòng.

Nhưng cái máu "anh hùng" mưu toan chinh phục người khác làm nô lệ cho mình, cái quan niệm lầm lạc tự cho mình là mạnh mà mạnh thì làm cái gì cũng được... và cũng chính vì ý niệm đó đã giết chết y. Anh ta tự giết mình mà không biết cũng như anh ta không biết rằng hai cái bóng gây còm ẻo uột đó tiềm tàng ở bên trong một sức mạnh vô bờ bến tạo ra bằng lòng căm thù. Tôkubê đã chết một cách tội nghiệp vì những mớ roi phát ra từ chỗ

vô hình quất vào đầu vào cổ, vào thân thể cho đến lúc ngã lăn ra chết ngất trên mặt đất.

Tôi lặng im, không nói một hồi lâu. Lúc ấy đêm đã khuya lắm. Ở bên ngoài, không có tiếng một người đi lại. Thỉnh thoảng chỉ có tiếng máy xe của một chiếc xe nhà binh chạy như bay trên đường. Lá y lãng gặp gió mạnh kêu lào xào như gọi nhau đề phòng những bất trắc đang rình mò trong đêm tối.

Xa xa, có tiếng quạ kêu ong óng buồn. Tôi chép miệng:

- Tội nghiệp!

- Ông bảo tội nghiệp gì?

- Tội nghiệp cho Tôkubê. Chớ chẳng lẽ tội nghiệp cho con quạ kêu sương sao.

Ômya cười lạnh lẽo, nói:

- Nếu phải tội nghiệp cho Tôkubê, tôi là người đầu tiên tội nghiệp cho y vì tôi đã thấy gia đình y khắc khoải chờ đợi y như thế nào... Họ nhờ tôi nhiều việc... Nhưng chỉ tội nghiệp cho Tôkubê thôi thì không đủ. Những người như chúng ta phải tội nghiệp cho tất cả... vì tất cả đều đáng cho ta thương hại. Trước khi tội nghiệp Tôkubê, sao ta không biết tội nghiệp Mẹ Hoát và o Phương Thảo và bao nhiêu cô ngoạ tốt đẹp yên ổn qua bao thế kỷ nhưng tự dung ở đâu có người lạ đến đập phá tan tành, đốt nhà đốt cửa...

Những người biết suy nghĩ đều cảm thấy một cái buồn mênh mông lan tràn trên dương thế và cái kiếp vận của con người thật náo nùng ai oán. May là các nhà trí thức, các vị tu hành, các ông giáo chủ lại nghĩ ra được đạo giáo này, đạo giáo kia để ru ngủ người ta, họ chủ trương rằng người ta sống khổ ải ở trên thế gian này khi chết đi tức là hóa sinh, tức là liễu đạo, vì vậy người ta mới không được phép tự tử, trái lại người ta lại cố sống để chờ ngày ra đi sung sướng hơn hiện tại bi thảm, nhục nhã, đau khổ này.

- Không có lúc nào, mà tôi thấy ông bạn bi quan như hôm nay.

- Có công việc làm để quên đi thì thôi, còn khi rảnh rỗi lại suy nghĩ đến thì trong lòng lại buồn ray rút, tuy không nói ra mà thôi.

- Sống đã khổ trăm đường ngàn nỗi, con người đến lúc chết có được sung sướng hơn hay không?

- Tôi chưa được thấy một người nào, chết mà vui vẻ, đẹp đẽ hết. Có người chết vì đói, có người bị xe nghiền nát như; có người lại chết trong lúc đang tràn trề nhựa sống, có người lại chết nơi tha phương không được người thân nào vuốt mắt, ấy là chỉ nói đến thời bình. Còn chết trong thời loạn này càng rùng rợn hơn. Đương sống yên vui với vợ con tự nhiên bom đạn dội xuống chết lòi ruột nát thây, có người lê gót cả ngày đi kiếm miếng ăn cho gia đình thì bị mìn nổ cụt cả tay chân, có người để vợ chữa ở nhà đi hành quân bị chết nơi xa trường v. v...

Nghĩ đến bao nhiêu cái chết đó, tôi buồn hết sức.

- Về cái chết của Tôkubê, mới nghe thì thê thảm nhưng nghĩ kỹ lại một chút tôi thấy cũng thường như bao nhiêu cái chết khác trong thời chiến tranh. Tuy có một điều tôi băn khoăn một chút là tại sao sau khi chết, mặt mũi và thân thể Tôkubê lại bầm nát và trầy trụa như bị những miếng gì đâm lung da lung thịt.

- Ông Tư (ông Ômya bây giờ kêu tôi bằng ông Tư), ông Tư à, không phải chỉ có một mình ông nói cho tôi biết như thế đâu. Đọc tờ chứng nhận của viên bác sĩ khám nghiệm tử thi Tôkubê, hiện còn lưu trữ trong nhà thương Đồn Đất, tôi cũng thấy ghi như thế mà không có kết luận. Thế nghĩa là sao? Bác sĩ không biết lý do? Có lúc nào người ta nghi ngờ rằng ở sau cái chết này có một vụ đầu độc không?

- Điều đó, ông bạn khỏi lo. Ít lâu sau đó, nhà hữu trách đã mời tất cả những người ăn tiệc tân gia hôm đó ở nhà tôi lên cơ quan xét hỏi, nhưng tuyệt nhiên không tìm được điều gì hữu ích chứng tỏ Tôkubê bị người ta mưu hại. Tôi còn nhớ lời chứng của hai bác sĩ khác đã nói hôm thẩm vấn cuối cùng: nếu người chết bị đầu độc, các dấu hiệu hiện ra trên da thịt và mắt mũi sẽ thành những vệt đen và chung quanh miệng, mắt và ở bụng sẽ

có những lần đỏ khác thường chứ không bao giờ thịt da lại bị lủng từng lỗ nhỏ như bị những cái miếng gì đâm vào.

- Thế rồi họ kết luận ra sao?

- Không ai kết luận gì cả. Như tôi đã có lần nói với ông, việc ấy xếp lại, không xét nữa.

- Không xét nữa là phải. Đưa ra vấn đề ngộ độc hay đầu độc chỉ là để nói cho đủ lẽ mà thôi, chứ thật ra tôi không có một chút nào tin rằng có vấn đề này.

- Thế thì theo ý ông tại sao mặt mũi đầu cổ của Tôkubê lại có những vết lạ kỳ như vậy?

- Đã nghĩ rằng thuyết linh hồn có thực thì phải nghĩ cho đến hết chứ không thể nghĩ nửa chừng mà thôi. Có phải ông Tư đã có lần nói cho tôi nghe rằng những báu vật trong thiên hạ có thần linh phải không?

Ngay bây giờ đây, các sách Đông Phương trong đó có cả nước Nhật mỗi khi nói đến việc đúc gương vẫn thường kể lại những cây gương thần khi đêm thanh vắng phát ra tiếng gương đao va chạm nhau, còn nói về hột xoàn thì họ nhắc đến những hột xoàn nổi tiếng làm chết liên tiếp hàng chục người bạc phúc mua về để đeo...

- Ông bạn nói thế để đi đến kết luận gì, tôi không hiểu được.

- Báu vật đã có thần linh thì cái miếng của nó cũng linh thiêng lắm chứ không phải đùa. Tôi không biết nhiều về lịch sử Việt Nam nhưng nhớ rằng hình như có một ông tướng Tây Sơn, phò mã Nguyễn Văn Trị, đã tin như thế về sự linh thiêng của miếng sành miếng sứ và đã nói ra ý nghĩa ấy trong một bài thơ, để tôi đọc cho ông nghe nếu có sai chữ gì thì ông cứ tự do chỉ bảo:

*Sa cơ một chút hóa tan tành
Thiên hạ đều kêu miếng sành sành
Sắc lẽm như gương, người góm mắ
.....t...*

*Có thuở làm chông giữ vách thành
Chuông khánh dầu ai không dám sánh
Gỗ chơi cũng có tiếng canh canh!*

Thế nghĩa là...

- Phải. Nghĩa là tôi tin rằng Tôkubê chết một cách không tự nhiên. Tôkubê chết vì bị hồn linh báo oán, mà những vết bầm tím lổ chỗ trên da thịt anh ta chính là những miếng sành sành sứ của Mẹ Hoát do anh ta đập phá còn lại trên nền gạch đâm lủng da lủng thịt anh ta.

- Tưởng tượng đến như thế thật kỳ lạ, tôi không bao giờ có thể nghĩ một cách mơ hồ đến như thế. Nhưng mà ông có thể giải thích cho tôi biết sơ sơ tại sao hay vì lý do gì ông lại đi đến cái giả thuyết đó?

- Đã giải thích được thì sao lại gọi là huyền bí? Nhưng đưa ra giả thuyết ấy thì tôi phải dựa vào một hai chứng tích...

Đây, ông bạn xem đây rồi biết tôi nghi ngờ về cái chết của Tôkubê như vậy có phải hoàn toàn mê tín dị đoan không?

Chương Hai Mười Lăm

Ômya nói đến đây thì kéo cái túi vải ông ta thường đeo ở trên vai xuống, chậm rãi mở ra, lục ở bên trong lấy một phong bì dày cộm và đặt trên cái kỉ mà chúng tôi đang uống trà.

Tôi đưa mắt nhìn ông không hiểu gì cả. Ông nói:

- Không. Ông bạn cứ tự nhiên mở ra mà coi thông thả, không cần phải giữ gìn gì hết. Tôi lấy cái phong bì này ra chính là để cho ông coi mà!

Thấy ông Ômya bảo thế, tôi cầm cái phong bì khá nặng, ước lượng xem bên trong đựng gì.

Món quà? Quyền sách? Hay cây súng tặng tôi?

Tôi ngần ngại chưa mở ra thì ông Ômya đã đỡ lấy, mở cái băng keo ra.

Thì ra đó chỉ là mấy tấm hình Tôkubê chụp ở Nhật trước khi sang công tác tại Việt Nam hồi Thế Chiến Thứ Nhì, với một xấp thư từ thì viết trên giấy học trò, tất cả đều bằng chữ Nhật. Tôi hỏi:

- Ông đưa những thứ này cho tôi để làm gì?

- Để ông coi mà.

- Đây là những bức hình của Tôkubê. Đúng, anh ta đúng là Trần Hữu Lãng. Nhưng còn những thư từ này, ông đưa cho tôi vô ích vì những chữ này đối với tôi không khác gì chữ Hy Lạp. Tôi còn biết gì mà đọc?

Ômya cho tôi biết những thư này là thư trao đổi giữa ông với mẹ và vợ Tôkubê trong ba tháng vừa qua. Tất cả đều đánh dấu theo thứ tự ngày gửi đi cũng như ngày nhận được, bởi vì ông Ômya giữ cả những bản sao các bức thư của ông gửi về Nhật cùng với những thư của vợ Tôkubê gửi cho ông.

- Tôi đã nói nhiều lần với ông rồi, tôi và Tôkubê là bạn cũng làm việc với nhau, hơn thế còn là bạn đồng hương nữa.

Trước hôm tôi dời Nhật để đi Việt Nam chuyến này với tư cách là một mại bản đại diện cho một công ty sản xuất máy in ốp-sét, mẹ và vợ Tôkubê có tìm gặp tôi, khẩn khoản nhờ một việc là kiếm giùm Tôkubê xem hiện giờ đang ở đâu và sinh sống như thế nào mà hơn một năm trời nay không thấy một tin tức gì gửi về. Trước đó, xuân thu nhị kỳ, Tôkubê còn một vài lá thư nhờ những người bạn Nhật đi đi về về trao tay cho vợ con ở Kyôto cho biết đời sống của anh ở Việt Nam và hỏi thăm sức khỏe hai đứa trẻ, nhưng một năm trở lại đây, quái lạ, sao không thấy thư từ gì hết? Chẳng biết anh ta còn ở Việt Nam không? Hay bị bắt bớ, tù tội rồi? Hay là...

Ômya hứa chắc với mẹ và vợ Tôkubê rằng đến Việt Nam, ông sẽ tìm các cách để hỏi thăm cho ra tin tức Tôkubê và nếu không có gì trở ngại thì sẽ tìm gặp người bạn đó, và đồng thời lại hứa sẽ có thư liên liên về Kyôto để cho gia đình Tôkubê biết rõ diễn biến cuộc kiếm tìm đó ra sao.

Đây là nội dung các bức thư xếp theo thứ tự ngày tháng, trao đổi giữa hai bên mà ông Ômya đã lần lượt dịch cho tôi trong hai ngày liền.

Sài Gòn ngày 26 tháng 4 năm 1956

Thân gửi chị Tôkubê

"Tôi đã tới Việt Nam được ba hôm rồi. Mai mốt tôi sẽ ra miền Trung gặp anh bạn của tôi hỏi thăm tin tức về Tôkubê. Tôi chưa biết nên đi máy bay hay đi xe đò. Máy bay tương đối an ninh hơn nhưng lấy được một tấm giấy để đi thì khó lắm, có khi phải mất hai ba ngày; còn đi xe đò thì dễ dàng hơn nhưng lại sợ xảy ra tai nạn.

Nhưng dù sao tôi cũng đi và làm cái công việc mà bác và chị đã giao phó cho tôi. Chị yên tâm. Chúc cả nhà vui mạnh.

Kyoto ngày 4 tháng 5 năm 1956

Thân gửi ông Ômya

Tôi đã nhận được thư anh, đọc cho cả nhà nghe ai cũng lấy làm xúc động về tấm lòng tốt của anh đối với gia đình chúng tôi.

Riêng tôi biết làm phiền anh rất nhiều, nhưng không quấy rầy anh thì tôi biết trông vào ai nữa đây?

Anh Ômya, tôi nói thật với anh rằng tôi không hiểu vì sao ít lâu nay tôi nóng ruột khác thường, lúc nào hình như cũng lo sợ một cái gì không tốt xảy ra.

Chồng tôi là người nóng tính lại không khéo ăn nói, đôi khi lại độc đoán dễ làm mất lòng người ta...

Tôi van vái trời Phật cho anh gặp được nhà tôi. Anh lựa lời khuyên bảo chồng tôi anh nhé! Ở đất nước người, không phải chuyện dễ đâu. Hơn nữa, nếu anh xét là nên làm, anh vì mẹ tôi, vì tôi, thương lấy hai cháu thì khuyên chồng tôi tìm cách để mà hồi hương thì lại càng quý.

Tôkubê sống đơn chiếc không có tôi ở bên cạnh khuyên can... tôi không thể an tâm được. Anh cố giúp chúng tôi nhé, anh Ômya! Chúc anh vạn sự như ý.

Sài Gòn ngày 27 tháng 5 năm 1956

Thân gửi chị Tôkubê

Tôi đã đi gần hết miền Trung và đã gặp một số bạn bè cũ để thăm dò tin tức của chồng chị nhưng chưa có gì hay cả cho nên chậm viết thư về cho chị.

Tình hình ở đây thay đổi triệt để. Cái kho anh Tôkubê phụ trách trước đây bây giờ đi lại không dễ dàng như trước vì có những người lạ đến đóng ở đây và đào bới lộn xộn, không còn biết đâu mà dò. Cố nhiên là tôi phải thận trọng trong việc hỏi thăm người địa phương. Không ai biết người một

người Nhật nào cả, theo họ, người Nhật đi hết cả rồi nếu còn thì họ đã vào làng Việt Nam, kêu là Việt Nam "mới" và sống y như người Việt Nam.

Tôi thấy công việc mà tôi đảm nhận khó khăn hết sức, nhưng xin chị cứ yên tâm. Đối với người Nhật, không có chữ "khó khăn" bao giờ. Tôi nhất định có tin vui gửi về cho chị.

Kyoto ngày 1 tháng 4 năm 1956

Thân gửi anh Ômya

Anh ơi, có phải vẫn chưa có tin tức gì vui phải không? Là vì nếu có tin vui thì anh đã gửi thư cho tôi rồi mà hơn hai tháng nay tôi không nhận được lá thư nào của anh, tôi nghĩ là chồng tôi vô tâm tích hoặc là anh ấy... , có lẽ anh biết nhưng không sự việc không vui vẻ gì cho lắm cho nên anh không viết thư về cho tôi nữa, sợ tôi buồn khổ có phải không?

Anh Ômya, anh viết thư cho tôi đi, anh hãy nói thực cho tôi biết. Nếu anh thương tôi mà giấu giếm thì càng làm khổ cho tôi thêm. Thà tôi biết sự thật cho yên hẳn một bề còn hơn là cứ sống thấp thỏm, băn khoăn, lo sợ hết đoán này lại đoán thế kia.

Tôi khổ quá. Tôi không nói với ai câu chuyện này kể cả mẹ tôi, nhưng đối với anh tôi phải nói vì tại sao anh sẽ biết. Cách đây đúng một tuần, tôi nằm mơ thấy Tôkubê hiện về, đi thẳng vào giường tôi, hỏi các con đâu anh ạ. Tôi mới hỏi "Anh đi đâu mà lâu quá mới về vậy?" Nhưng khi tôi mở mắt ra thì tôi trông thấy gì anh biết không? Cái người đang đứng trước tôi đúng là Tôkubê, nhưng là một Tôkubê ghê gớm, mặt mày nát bấy ra, có máu chảy dòng từ khóe mắt, lỗ tai và miệng. Tôi thét lên kinh khủng và hỏi: Trời ơi! Anh! Làm sao mình mấy anh đây cả máu thế này?

Tôkubê đứng lặng một hồi lâu không nói. Tôi hỏi gặng mãi, anh mới bắt đầu trả lời "Tôi bị người ta đánh chết rồi. Những vết thâm tím ở đâu và mặt là vết roi quật vọt máu mồm máu miệng ra, còn những lỗ thủng ở trên

thân thể là những miếng sành sành sứ đâm thủng da thịt tôi lúc tôi ngã lăn bất tỉnh nằm trên mặt đất. "

Nghe thấy chồng tôi nói thế, tôi gào lên khóc... Tôi nhớ rõ ràng từng chữ của chồng tôi và của tôi đã nói với nhau trong giấc mộng.

Một lát sau, bóng Tôkubê mờ dần đi như một cái hình do sương mù đọng lại trên cửa kính gặp ánh sáng mặt trời chiếu rọi vào. Tôi giật mình tỉnh giấc không thể ngủ được cho đến sáng.

Mà không phải chỉ có hôm đó mà thôi. Từ đêm nằm mộng đó, tôi không thể nào ngủ được nữa phần vì sợ, phần vì lo, phần lại thắc mắc vẫn vơ suy nghĩ không biết đó chỉ là giấc mộng hay chính là sự thật.

Anh ơi tôi khổ và lo sợ quá. Anh có biết tin gì về Tôkubê thì nói thực cho tôi biết ngay đi, bởi vì biết sự thực, dù là rùng rợn đến đâu thì tôi cũng cam lòng còn hơn là cứ nghi ngờ viễn vông làm khổ tâm trí còn hơn là chết.

Kyoto ngày 26 tháng 8 năm 1956

Thân gửi anh Ômya

Tại làm sao mà anh không viết thư cho tôi nữa hở? Có phải Tôkubê đã mất thực rồi không? Có phải giấc mộng của tôi là một sự thực mà hồn người chết hiện về để báo tin cho người nhà biết, phải không anh?

Lúc còn đi học, tôi đã đọc những quyển sách về linh hồn do anh viết bằng Pháp ngữ dịch ra Nhật ngữ, tôi đã thấy người trường hợp tương tự như thế xảy ra, như trường hợp đại úy Blomberg ở Martinique. Đại úy Blomberg có nhiệm vụ đem tin tức đến đảo Martinique, một hôm chết bất thành linh ở dọc đường, hồn ông hiện về báo tin này cho hai viên sĩ quan ở chung một phòng với ông và nói cho hai viên sĩ quan đó như sau: "Tôi đã chết hồi chiều này. Xin bạn săn sóc giùm thằng con tôi ở Luân Đôn tại số...

đường... Trong cái ngăn kéo này (ông vừa nói vừa chỉ tay) có những giấy tờ cần thiết để cho con tôi được hưởng tất cả tài sản của tôi để lại.

Vì không thể sống mãi trong cảnh ngộ kỳ bí đó, một hôm đánh liều hỏi chồng tôi "Anh chết thực rồi sao? Anh nói cho tôi biết đi. Tôi muốn biết tin tức thực của anh. Tôi đã nhờ bạn anh là Ômya đi Việt Nam dò hỏi nhưng mấy tháng nay, anh ấy không cho em biết tin tức gì của anh cả. Có phải Ômya a đã biết anh chết rồi không?

Tôkubê gật đầu và nói: "Bốn ngày nữa, em sẽ có tin của anh ấy gửi về. " Thế là nghĩa làm sao hở anh Ômya? Tôkubê chết thật rồi phải không? Anh cho tôi biết sự thực đi. Cứ sống bần khổ, thắc mắc như thế này tôi đau khổ quá, không chịu nổi. "

Đến đây, Ômya ngừng lại và chú thích:

- Bức thư tôi sắp dịch cho ông nghe đây gửi đi trước khi tôi nhận được bức thư vừa rồi. Tính ra thì rất có thể người vợ của Tôkubê ở Kyoto nhận được bốn ngày sau khi chị ấy gửi bức thư đề ngày 26 tháng 8 cho tôi.

Sài Gòn ngày 21 tháng 8 năm 1956

Thân gửi chị Tôkubê

Tôi đau lòng viết lá thư này cho chị.

Tôi đã tìm được người bạn chứng kiến từ đầu đến cuối cái giờ cuối cùng của anh Tôkubê rồi. Một ngày kia, gặp chị, tôi sẽ kể lại cho chị nghe cái giờ phút đó, nhưng bây giờ! Bây giờ... xin chị tha thứ cho tôi, vì kể lại không phải một mình chị khổ mà thôi, chính tôi đây cũng đau xót vì mất một người bạn quý.

Tôi thành thực chia buồn với bác và chị.

Kyoto ngày 3 tháng 10 năm 1956

Thân gửi anh Ômya

Thôi thế là được yên tâm vì tôi biết chồng tôi đã chết, dù chết rồi nhưng chồng tôi vẫn nhớ đến tôi hiện hồn về để báo tin, ngoài ra còn chăm sóc đến hai đứa con nữa.

Biết đích được như thế, tôi không còn lo sợ thất lạc, trái lại tôi thấy trong lòng vững vàng hơn vì tôi biết rằng tôi tuy là góa bụa nhưng không cô độc, bởi linh hồn chồng tôi lúc nào cũng ở cạnh tôi vì anh ấy thỉnh thoảng lại hiện về khuyên bảo và nâng đỡ tinh thần cho tôi trong cuộc chiến đấu cam go với đời sống thời hậu chiến.

Tôi chỉ buồn một nỗi là mãi đến tận hôm nay tôi vẫn không biết chồng tôi đã chết trong trường hợp nào. Cố hỏi mãi, anh ấy cũng không chịu nói, chỉ trả lời một cách vắn vơ: "Chết rất dễ, nhưng sống quả thực là rất khó. Bây giờ, đã ra người thiên cổ, anh mới biết thêm một chút về cách sống, nhưng đã muộn. Tuy nhiên, muộn vẫn còn hơn không. " Anh ấy hứa với tôi sẽ giúp đỡ tôi dạy dỗ hai con cho chúng nó đừng sống lầm lạc như anh nữa, đừng bao giờ kiêu hãnh như anh mà trái lại phải khiêm tốn, phải thương yêu nhau, phải biết nâng đỡ những người ở dưới lên ngang hàng với mình chứ đừng bao giờ hạ thấp những người khác xuống rồi đưa mình lên cao.

Tại sao chồng tôi khi chết đi lại thay đổi tâm tánh như vậy? Có phải là tại nhờ cái chết không?... Với những đức tính khiêm nhường, tha thứ và nhân ái của chồng tôi mỗi khi hiện về với tôi làm cho tôi yêu chồng tôi gấp bội.

Gây ra tội lỗi thì phải nhận lấy hậu quả tội lỗi do mình gây ra. Anh ơi chồng tôi đã căn dặn tôi như thế đấy và lần nào hiện về cũng xin tôi một điều là đừng nói một tí gì cho hai đứa con được biết về cái thuở sinh thời của cha chúng nó, nhất là không cho chúng nó được nghĩ đến việc tìm hiểu ai đã giết cha chúng và tại sao cha chúng lại bị chết.

Không. Tôkubê giờ khác hẳn lúc trước, anh Ômya ạ. Anh ấy không tham, không giận, không hung hăng gây gổ... Có lần anh ấy khẩn khoản với tôi tìm cách nào đem tro than anh ấy về quê cha đất tổ để được sống cạnh

vợ con chó sống tha hương chết tha hương buồn khổ đau xót không gì bằng.

Anh Ômya, đó là lời mong muốn cuối cùng của bạn anh. Anh nghĩ sao? Có thể chiều ý người quá cố không? Tôi đợi thư anh.

Chương Hai Mươi Sáu

Vào một buổi sáng tinh mơ vào cuối mùa đông năm 1957, có một bọn ba người cúi đầu đi lủi thủi vào nghĩa trang Gò Vấp.

Lúc ấy, bóng tối chưa tan hẳn. Ngọn cỏ làm ướt các gấu quần. Cây ở hai bên đường đen như những cái bóng ma vĩ đại xù đầu đứng im lìm, thỉnh thoảng lại nhỏ xuống những hòn đá lăn lóc ở lối đi những tiếng kêu than nhỏ bé. Đó là sương rơi. Xa xa có một vài đóm lửa hắt từ những cái lều ở bên kia đường ra như những con mắt chột. Vài con chó bới những đồng rác rến ở công nghĩa trang để kiếm thức ăn và sữa ran lên khi thấy bóng ba người đi tới.

Ba người đó là Ba Sạng, Ômya và tôi.

Sau khi nhận được bức thư chót của bà Tôkubê ở Ôtôyô gửi về nhờ cất mả chồng, ông Ômya và tôi đã đi vận động khắp các cơ quan hữu quyền thời đó, để làm vừa ý người quả phụ. Trong đơn chúng tôi cũng trình bày sự thật, hoàn toàn thật: người quá cố là Trần Hữu Lăng nhưng có hai quốc tịch Việt Nam và Nhật Bản.

Bây giờ vợ Tôkubê (tên Nhật của Trần Hữu Lăng) được tin chồng mất đã gửi đơn xin chính phủ Việt Nam cho phép cải táng Tôkubê và lấy xương cốt còn lại hỏa táng ở Phú Thọ, cho vào cái bình đem về Nhật để thờ. Tất cả mọi công việc, bà Tôkubê ủy quyền cho ông Ômya lo liệu và gửi kèm thư ủy nhiệm với đơn xin cải táng.

Công việc đó, thực ra không có gì khó khăn, nhưng bộ trưởng xã hội thời đó lại không nghĩ như thế, một là vì ông sợ trách nhiệm về sau này, mà hai là vì ông theo đạo Hồi.

Về trách nhiệm, ông sợ rằng cho phép mang tro than của một người Nhật về nước - vì lúc ấy Nhật vẫn còn bị coi là một nước đi với nước Đức,

Ý Phát xít chống lại đồng minh Anh, Mỹ có khi phạm đến vấn đề chính trị mà chức bộ trưởng của ông sẽ không cánh mà bay - đó là điều tối kỵ.

Còn về đạo đức thì ông yên trí rằng đối với người chết, đạo nào cũng phải theo đúng như đạo Hồi của giáo chủ Mohammed, nghĩa là ai chết ở đâu thì phải chôn ngay tại đó - cùng lắm là trong một chu vi không quá mười cây số chỗ người ấy chết, chớ không được xa hơn - mà nhất là đã chôn ở đâu thì cứ để nguyên tại chỗ đó mãi mãi, chứ không được cải táng để đem đi chỗ khác.

Vì gặp nhiều cản trở không đâu như thế, công việc xin phép bốc mả Tôkubê đòi hỏi rất lâu thì giờ. Đơn xin phép gửi đi từ cuối tháng mười mà đến tận cuối tháng chạp âm lịch tức là tháng 2 năm 1957 mới được phép chính thức.

Hôm ấy chúng tôi đi vào nghĩa trang Gò Vấp chính là để bốc mộ Tôkubê.

Đáng lý ra chúng tôi chỉ có hai người là Ômya và tôi, thêm ba bốn người phụ giúp việc, nhưng may làm sao là trước hôm dự định bốc mộ Tôkubê hai ngày, ông Ba Sạng ở Ban Mê Thuộc về ký giấy sang tên một cái đồn điền cà phê cho cháu nội nên chúng tôi mời ông cùng đi nhân thể, vì lẽ ông Ba Sạng có biết ít nhiều về Mê Hoát là người có liên hệ tới Tôkubê mà cũng vì ông Ba lại còn là một nhà địa lý thường đề mả cho những người biết. Tôi nói:

- Bây giờ công việc giấy má đã xong rồi, ông ở nhà cũng buồn, sao không cùng đi với chúng tôi, vừa để chỉ bảo cho người ta đào sới cùng với cách thức lượm cốt và rửa ráy mà cũng là vừa để tiễn biệt một lần chót một người bạn tốt của chúng ta chẳng may đã chết một cách không bình thường?

- Công việc tôi xong xuôi rồi, ở nhà cũng chẳng làm gì, ừ thì đi.

Sự có mặt của ông Ba Sạng không ngờ lại giúp ích cho chúng tôi rất nhiều. Công việc bốc mộ đòi hỏi những cách thức không theo đúng không thể được. Ông Ba nói:

- Bây giờ có lẽ năm giờ rưỡi rồi. Chúng ta nên bắt đầu ngay thì hơn bỏ vì để cho có ánh sáng mặt trời hé lên, không tốt.

Dưới ánh sáng chiếc đèn măng sông, bốn người phu lặng lẽ cuốc đất ở trên cái mả hình bầu dục lưa thưa một ít cỏ đã vàng.

Trong khi đó, ông Ba Sạng rút ở trong túi áo ra một lá bùa, đặt lên một cái đĩa nhỏ, lấy ba trái cau, ba lá trầu chặn lên trên rồi trịnh trọng đặt lên mô đất, nơi phía đầu cái mả, và lấy cả một thẻ nhang đốt hết cắm ở chung quanh cái đĩa. Ông chấp tay lạy bốn phương trời. Xong đâu đó, ông quay về phía mả, lễ một hồi lâu rồi bắt quyết, miệng không ngớt đọc những câu chú chúng tôi không hiểu mà chính vì không hiểu, chúng tôi thấy trang nghiêm và rùng rợn lạ lùng.

Bốn người phu lúc ấy cũng vừa đào tới áo quan. Tiếng cuốc, xẻng chạm vào gỗ kêu lộp bộp. Nấp quan tài bật ra. Ông ba đốt thêm một tuần nhang nữa, đưa đi đưa lại trên quan tài. Rồi hét lên một tiếng to.

Ánh đèn măng sông chiếu xuống cái lỗ tối đen sâu hoắm. Cả bốn người phu cùng kêu lên một lượt:

- Ủa! Sao không thấy xương cốt gì hết vậy?

Cả ông Ômya và tôi cùng thò đầu vào xem có gì lạ xảy ra. Không có gì hết. Tôi đưa mắt nhìn ông Ba. Ông Ba có vẻ ngạc nhiên một chút, bảo bốn người phu:

- Cứ đào sâu xuống một chút nữa coi!

Bốn người phu lại hì hục đào chừng hai mươi phút đồng hồ nữa, nhưng vẫn không thấy có gì thay đổi hết, cái áo quan của Tôkubê trống rỗng, bốn người phu trèo xuống, đứng ở trong chiếu đèn nhìn vào thật kỹ chỉ thấy một thứ nước đục như nước bùn, thỉnh thoảng lại nổi lên vài cái bọt như tăm cá.

- Thế là nghĩa làm sao? Không ai hiểu cả.

Thường thường, trong những vụ bốc mộ như thế này, người ta lượm nguyên vẹn bộ xương, trừ quần áo mặc cho người chết và những tập giấy

mọi chèn ở chung quanh để cho cái xác chết trong quan tài khỏi lắc lư xiêu vẹo khi khiêng từ trong nhà ra mai táng.

Đàn ông này trái ngược hẳn: bộ xương của Tôkubê tiêu hết, mò mãi chỉ còn cặp xương hông, và mấy đốt ngón tay chìm sâu dưới đáy hòm, nhưng trái lại tấm vải khâm liệm, quần áo và cả đôi giày nữa vẫn còn, mặc dù sũng nước. Thế là nghĩa làm sao?

Bóng tối đã bắt đầu mờ dần ở đàn ông. Đây không phải là lúc đặt những câu hỏi vắn vơ như thế. Ông Ba thúc giục bốn người phu lấy rượu rửa mấy cái xương còn lại, cho vào một cái quách bằng sành.

Ngồi sớm trên bờ huyết tôi lấy một cành tre quậy tấm vải liệm lên thì thấy bây giờ đã ngả màu nâu, nhưng có vẻ vẫn như còn chắc lắm, không mủn ra như tôi đã tưởng.

- Ông Ba, mấy cái này có lấy lên cho vào quách không, ông?

Ông Ba Sặng lắc đầu:

- Không thể làm như thế. Một người vừa chết mà đem hỏa thiêu ngay, thì có quyền thiêu hết cả quan tài nghĩa là cả quần áo vải liệm và những đồ vật chôn theo người chết, nhưng một cái xác cải táng mà lấy đem hỏa thiêu thì chỉ được thiêu nguyên xương của người quá cố mà thôi, ngoài ra không được trộn lộn bất cứ một thứ đồ gì khác.

Chuyến về hết sức tẻ lạnh. Chúng tôi đặt cái quách sành lên xe ra về, không ai nói với ai một lời, bởi vì mỗi người đều có những thắc mắc riêng, những câu hỏi tự đặt cho mình mà không thể trả lời được, với bao nhiêu ngao ngán mà nói ra sợ làm tủi vong linh người chết.

Ồ, tại làm sao xương thịt người ta là những thứ mà ai cũng cho là rắn nhất, bền nhất thì lại tiêu tan hết cả trong khi những cái mà ai cũng biết là mau mục nhất như vải liệm, quần áo, và giày mang ở chân lại gần như nguyên vẹn? Thế là tại làm sao? Mà tại làm sao cả thân hình to lớn như Tôkubê lại tiêu mất hết cả xương, trong khi những người khác chôn bấy

tám năm, mười mười lăm năm, có khi cả trăm năm, đào lên hãy còn đầy đủ
cả xương, kể cả những khúc xương đốt ngón tay nhỏ xíu?

Ồ, tại làm sao?

Chương Hai Mươi Bảy

Đưa cái quách đặt vào cửa một ngôi chùa ở Phú Thọ rồi, chúng tôi ngồi nghỉ và uống nước, trong khi ông Ômya nói chuyện nót với nhà sư về việc xin nhà chùa làm lễ hỏa thiêu.

Tôi hỏi ông Ba:

- Ông khuyên chúng tôi thế nào?

- Người ta hỏa thiêu nguyên cả cái xác, may ra chỉ được một nắm tro, đàng này chỉ có vụn vụn mấy cái xương thì có nên hỏa thiêu không, hay là nên đóng một cái hộp đựng để thờ?

Ông Ba nói:

- Phải thiêu chứ! Cách gì cũng phải hỏa thiêu. Để nguyên xương trong cái hộp để thờ là điều tối kỵ, mà độc lắm.

Chừng nửa tiếng đồng hồ sau, nhà chùa làm một cái lễ rồi bắt đầu cuộc hỏa thiêu: mấy cái xương còn lại của Tôkubê được lượm từ cái quách sành ra, bỏ vào trong một cái hộp gỗ nhỏ bề ngang chừng nửa thước, bề cao chừng năm phân rồi đẩy vào trong một cái lò có dây kẽm đan ở chung quanh. Lửa bắt đầu cháy bùng lên vì hình như có tấm xăng thì phải. Có tiếng kêu lép lép. Rồi lửa bốc lên ngùn ngụt.

Đến sáng hôm sau, còi củi cháy âm ỉ ra, nhà chùa thu được một dúm tro do những cái xương cháy để lại. Một dúm tro cầm không kín lòng bàn tay đưa trẻ con lên sáu. Một dúm tro không khác gì tro ở bếp lửa mà ta đốt gộc để sưởi cho ấm vào những đêm đông. Một dúm tro mà người ta không biết sẽ không ngần ngại gì mà không tung hê ra trước gió cho khỏi làm dơ lòng bàn tay.

Chưa có một buổi tối nào tôi lại buồn tha thiết, buồn nẫu nề như thế.

Ở ngôi chùa làm lễ hỏa thiêu xong ra về, hai ông Ba Sạng và Ômya cùng về nhà tôi ăn cơm uống rượu. Tất nhiên câu chuyện bốc mộ ông Tôkubê lại được đem ra đàm luận. Đến lúc ấy, sự bức tức mới được bộc lộ ra câu nói:

- Vô lý! Tôi không tưởng tượng được vì "nó" vô lý quá.

Ông Ômya hỏi tôi:

- Ông nói "nó" vô lý là cái gì vô lý?

- Là cái việc mà chúng ta cùng chứng kiến, chứ gì! Là cái việc bốc mộ ông Tôkubê chứ gì! Thú thật với hai ông, tôi cho là vô lý hết sức và cho đến tận bây giờ tôi vẫn không tin là thật.

Ông Ômya nói tiếp:

- Tôi không nghĩ là vô lý. Tuy nhiên nói thật tình, tôi đã đi xem nhiều đám bốc mộ rồi, nhưng chưa hề thấy một đám nào kỳ lạ đến như đám này. Sao mà xương cốt lại tiêu hết trội, trong khi những thứ đồ vật đáng lý phải mục nát lại còn nguyên vẹn?

Thì ra không phải chỉ có một mình tôi buồn mà cả ông Ômya và ông Sạng cũng buồn ray buồn rút đêm hôm ấy. Chưa hôm nào chúng tôi uống say đến như thế. Về khuya, ông Ba Sạng có hơi men đưa đẩy mới lên tiếng:

- Cho rằng vô lý thì quả vô lý thật. Tôi cũng đồng ý kiến với hai ông. Nhưng chúng ta làm cả hai ông ạ. Lầm vì chúng ta đã lấy cái đầu óc khoa học bây giờ để mà tìm hiểu những vấn đề huyền bí. Đã là huyền bí thì bao giờ có lý. Nếu lý giải được thì còn đâu là huyền bí?

Phần tôi, trong vụ này, tôi không dám nói là vô lý mà tôi cũng không tìm cách lý giải xem tại sao lại thế.

Nói về những chuyện huyền bí, không lý giải được, chúng ta đây ai cũng đọc nhiều sách, nhiều truyện lạ kỳ mà theo đó thì các nhà thông thái không hiểu ra thế nào. Tuy nhiên, đó chỉ là những sự việc mà ta thấy chép ở trong sách vở, chứ không được mắt thấy rõ ràng. Chính tôi đã được thấy một vụ bốc mộ cũng vô lý như thế, làm cho nhiều nhà bác học nghi ngờ

phỏng đoán, nghiên cứu tùm lum mà kết cuộc cũng đành chịu thua, không hiểu ra thế nào.

Tôi không bịa đặt. Tài liệu hãy còn lưu trữ ở sở quản thủ Viện Bảo Tàng Sài Gòn hiện nay.

"Hôm ấy nhằm ngày 16 tháng 11 năm 1953, tôi cùng một người bạn đi chơi đến làng Hòa Hưng thì gặp một ông bạn khác là Anh Vương.

(Câu chuyện này do chính anh Vương đã thuật lại trong một cuốn sách xuất bản năm 1960 nói về Sài Gòn ngày trước.)

"Tôi hỏi anh đi đâu mà lặn lội đến chỗ này. Anh Vương cho biết rằng anh nhân danh đại diện quản thủ Pháp viện Bảo Tàng Sài Gòn đến làng này để coi cho người ta bốc một ngôi mộ không người nhận ở trong một ngõ hẻm chi nhánh đường Lê Văn Duyệt.

Nguyên trước đây, lăng miếu cổ tích miền Nam được trường Viễn Đông Bác Cổ giao phó cho quản thủ Pháp của Viện Bảo Tàng Sài Gòn chăm nom. Viện này có nhiệm vụ sưu tập, bảo vệ các cổ tích, do đó mỗi khi có ai mua được đất thổ mộ để cất nhà thì viện phải cử người đến xem có đụng chạm đến các cổ tích hay không, hay có đào bới được cổ vật gì không.

"Vậy anh Vương đại diện cho viện đến coi người ta bốc một ngôi mộ ở hẻm chi nhánh đường Lê Văn Duyệt để rồi cất nhà lên trên đó ở. "

"Hôm ấy, phu phen cật nấp quan tài, bởi vì trước đó mấy hôm người ta đã bắt đầu phá ngôi mộ rồi. Phá mất mấy ngày vì đất ở đây là đất đỏ, rắn lắm. "

"Công cuộc cật nấp hòm bắt đầu. Bạn tôi, anh Vương, muốn tìm biết xem mộ này là mộ của ai, bao nhiêu tuổi, quê quán ở đâu, nhưng tiếc thay, các chi tiết như mộ bia, liễn đối ghi trên mộ đều đã bị đập phá hết, không còn nữa. "

"Anh chỉ còn thấy được cái quan tài mà thôi. Đó là một cái quan tài đẹp, chắc chắn, mặc dù chôn đã lâu năm, nhưng mới trông cũng biết là làm bằng gỗ huỳnh đàn. Bằng vào cái gỗ này đóng quan tài mà đoán thì người chết

phải là một người khá giả, gia đình sung túc lắm, vì ai còn không biết là hòm đóng bằng gỗ trai, gỗ huỳnh đàn là thứ hòm hạng sang, những gia đình bình thường không dễ gì sắm được để chôn người quá cố. "

"Đến khi cạy được nắp hòm ra, nhìn vào trong thì thấy xương cốt của người quá cố còn nguyên nhưng tím ngắt, thịt nát rữa ra, nhưng trên trán thì còn nguyên lành một miếng da bầy nhầy. Nhìn kỹ miếng da thì còn thấy rõ được cả lỗ chân lông. Gò má thì nguyên vẹn như gò má người sống, ánh lên một màu hồng y như thể là động máu. "

"Bạn tôi lại gần cái xác, cầm cái quạt giấy mà người chết cầm ở tay. Lạ lùng hết sức: cái quạt giấy y nguyên không mục, cầm lấy xòe ra vẫn như quạt thường, không có một dấu vết gì tỏ ra là cái quạt ấy chôn cùng với người chết ít ra đã được 150 năm rồi. "

Ông Ômya ngắt lời hỏi:

- Bằng chứng vào đâu mà quyết đoán được như vậy?

"Bằng vào cây quạt giấy. Là vì trên cây quạt có đề chữ nhỏ, nét chữ sắc sảo viết bằng một chất gì như ngân nhũ, ghi chú như sau:

"Gia Khánh đệ... niên". Gia Khánh hoàng đế, vua Mãn Thanh trị vì xứ Trung Hoa từ năm 1796 đến năm 1820. Thế là tính đến năm 1953 là năm bốc ngôi mộ, chẳng phải đã được trên dưới 150 năm là gì?"

- Thế người chết là người Việt hay là người Trung Hoa?

"Là người Việt. Để tôi kể câu chuyện dưới đây, ông sẽ thấy là người Việt, nhưng tại sao thay vì "Gia Khánh" cây quạt ấy lại không ghi "Cảnh Hưng", cái đó tôi chịu, chưa thể tìm ra câu trả lời.

Sốt ruột vì câu chuyện dở dang, tôi nói:

- Thôi bỏ đấy. Gia Khánh hay Cảnh Hưng, cái đó không cần lắm, tôi chỉ cần biết rõ câu chuyện sau xảy ra như thế nào.

"Câu chuyện về sau cũng lạ như chuyện của Tôkubê vậy. Tất cả những cái gì mà ta cho là bền vững không bỏ được, không mục nát được, tất cả

những cái gì mà ta cho là có tính cách trường tồn thì đều hóa ra tro bụi, trái lại, những cái gì mà ta cho là phù du, mau hư mau hỏng, mau tan rã, mau tiêu thì lại còn nguyên vẹn gần như mới vậy.

"Ngoài cây quạt nan phết giấy cầm lên xòe ra như thường không lủng một lỗ trên giấy phết, không gãy một cái nan tre, người ta còn lần lượt lượm lên được nhiều thứ khác không hư hao gì hết, mặc dù đã chôn kỹ dưới đất trên dưới 150 năm trời, như vỏ cau ăn trầu, giấy tiền vàng bạc, bọc vải đựng trầu, thuốc xỉa, bút lông, khăn chít đầu... "

"Vỏ cau ăn trầu nửa xanh nửa vàng còn dính liền vào trái; giấy tiền vàng bạc còn nguyên từng xếp buộc bằng lạt, mực in không phai nhòa, không rách (duy có thuốc xỉa ra gió một lát thì tan ra thành bụi) nhưng trái lại những đường chỉ kim tuyến thêu trên túi đựng trầu thì vẫn rành rành sáng chói y như mới; hai cây bút lông bọc trong một tấm vải hồng điều cũng y như mới, cán bằng trúc, không hề hấn gì, lông ở ngòi mềm mại, mới tinh, tưởng chừng như có thể chấm vào nghiên mực viết như bút mới, nhưng chỉ ra ngoài gió một lát thì lông rụng tả tơi và rơi ra khỏi quai. "

"Ông Ômya vừa hỏi tôi người là người Trung Hoa hay người Việt. Đây, tại sao anh Vương, một học giả lão thành rất giàu suy nghiệm lại quả quyết như thế, vì hai hàm răng của người chết còn nguyên trong miệng và nhuộm đen. Sự việc đó đủ chứng tỏ rằng người chết là người Việt gốc gác không ở Bắc thì ở Trung. Ngoài ra người chết lại còn chít khăn vấn tay ở trên đầu, mặc áo dài lồng vào với nhau và có dây đựng trầu cau chạy chỉ kim tuyến!"

"Như vậy đã đủ chứng minh là người Việt chưa? Chắc rồi, nhưng người Việt đây không phải là một người có chức tước triều đình (vì chít khăn cài lược đôi môi chớ không đội mũ), tuy vậy, ông ta nhất định phải thuộc vào cái hạng phong lưu khá giả, chứng có là có đem theo xuống suối vàng hai ngọn bút lông, cây xỉa răng làm bằng bạc, cái móc tai dát vàng, hai bao đựng thuốc xỉa, thuốc hút và cái dây đựng trầu ăn"

"Tôi nhớ sau vụ này, anh Vương đã ghi lại cảm xúc của anh trong những câu rất buồn sau đây:

Ô hô! Giàu sang một đời, nằm xuống đất, nay đã gần một trăm năm mươi năm, thế mà chưa được yên thân! Cháu con lâu đời ắt đã lui về quê cũ hoặc Bắc hoặc Trung, còn sót những đứa ở lại đây, một nắm xương tàn đối với chúng sao trọng bằng tiền bạc, nên chúng đã ký tên bán đất, phú cho phu phen phá mồ đào cốt, cải táng về đâu mặc kệ. Ván hòm cứng thật. Bề ngoài mốc mốc, đất ăn xầy xầy, tưởng bở, chạm sâu một phân tây mới biết là cứng vô cùng, thậm chí đến cái máy khoan điện thuở nay nào biết kiêng nể thứ gì, sức bực sắt đá mà nó còn nhai như bánh bột, thế mà máy khoan không đâm thủng nắp hòm! Khoét được lỗ nào chỉ đứt được lỗ đó, còn chung quanh thì vẫn y nguyên. Khoan cả mấy giờ, không xuể đâu vào đâu, phu phá mồ xỏ chữ nho nghe mà mệt! Thét rồi chúng chạy về lấy búa thau và đục thép cỡ lớn ra nói chuyện với cái hòm gỗ huỳnh đàn! Nghĩ mà tội nghiệp cho người nằm dưới đó! Sắm hòm cây danh mộc, tưởng đủ chịu đựng với thời gian, không dè kẻ thù ngày nay là đứa cháu bất hiếu, với tên võ phu tay cầm búa thau đục thép. Không một tiếng nào bật, ê a, không một câu kinh an ủi. Nằm trơ đó cho người ta mổ búa lớn vào nắp vào đầu... Chung quy có mớ đồ vật ký thác Viện Bảo Tàng còn lưu lại hậu thế; kỳ dư trở về tro bụi hết, trở về tro bụi hết!"

Ông Ba kết luận:

- Đấy, chuyện vô lý như thế đấy, nhưng không tin cũng không được vì là thật, hoàn toàn thật.

- Chuyện cây hòm ông Tôkubê có khác gì không?

- Nếu Sở Quản Thủ Bảo Tàng Sài Gòn đến bây giờ vẫn chưa tìm ra được lý do câu chuyện huyền bí đó, tôi thiết tưởng cái cá nhân hèn mọn của chúng ta cũng chẳng nên tự phụ đi sâu hơn vào vụ bóc mộ ông bạn của chúng ta làm gì!

Chương Hai Mười Tám

Tôi đồng ý với ông Ba Sạng. "Ta cũng chẳng nên tự phụ đi sâu hơn làm gì". Đành thế rồi, đành là huyền bí thì không thể nào lý giải được, ta chỉ biết ghi nhận mà không cần vặn hỏi lời thôi vô ích, nhưng tôi không phải vì thế mà không được suy nghĩ về cái chết của con người một chút.

- Hai ông bạn à, tôi thú thật là có phen tôi đã ngồi suy nghĩ về lẽ sống chết của con người nhưng thật quả chưa bao giờ tôi thấy buồn rầu và chán nản những ngày hôm qua. Người chết ở chi nhánh đường Lê Văn Duyệt chết đi tan ra tro bụi hết trừ phi mấy đồ vật mang theo còn lưu lại được đến bây giờ thì ông Tôkubê ngẫm ra cũng chẳng hơn gì: cả một cuộc đời vào nguy ra hiểm tưởng chừng như có thể làm đảo lộn được cục diện thế giới ... vậy mà rút lại còn gì sau khi chết? Một nắm tro tàn không đầy lòng bàn tay đưa trẻ con, một ít than dơ bẩn có thể làm hôi tanh hơi gió thôi...

- Ai cũng biết như thế, có phải không hở hai ông? Ấy thế mà thế hệ này qua thế hệ kia, từ bán cầu này sang bán cầu nọ, lúc nào cũng đầy rẫy những người quên hẳn rằng mình đang sống đây mà chưa biết lúc nào lăn ra chết, mà chết đi thì bất quá chỉ là một nắm tro hôi hám. Ấy là nói đến thời bình. Chứ ở vào thời buổi chiến tranh, cái mạng con người chắc gì đã được như thế? Hay là không còn lại gì hết, thịt xương tan ra từng mảnh tung cả ra bốn phương trời, ghê tởm đến nỗi chó chẳng buồn ăn, mà chuột cũng không muốn ngửi.

- Tất cả, tất cả mọi người đều tưởng rằng mình sẽ sống mãi, không bao giờ chết và tiền bạc và chức tước mà thường thì họ quỳ mọp xuống dưới chân người khác để kiếm ra sẽ cũng trường tồn mãi mãi không bao giờ mất.

Ông Ômya tự nhiên xịu mặt xuống, buồn muốn khóc. Ông nói:

- Chán không để đâu cho hết. Tôi chẳng biết nói thế nào với mẹ và vợ ông Tôkubê. Nói tất cả sự thật lúc bốc mộ thì họ buồn, mà không nói không

được vì họ đặt tin tưởng nơi mình.

Tôi nói:

- Có lẽ không nói gì thì hơn hết. Mà nếu tôi ở địa vị ông, tôi cũng sẽ không nói chi tiết cái chết của Tôkubê làm gì vì mẹ và vợ Tôkubê biết rõ thì họ chỉ càng buồn rầu, đau khổ thêm thôi.

Chúng tôi lại uống. Buồn quá, mà uống rượu, có nhiều khi uống không biết thế nào là say. Ômya tưởng tượng đến cảnh gia đình Tôkubê ở Kyotô lúc này thảm đạm không biết chừng nào; có lẽ mẹ anh nhớ con mà chết rồi cũng không chừng! Còn vợ anh ta thì chẳng biết bây giờ đáp đối lần hỏi ra sao để nuôi hai đứa con thơ ấu?

Ông Ba Sạng hỏi đi hỏi lại về ngày, giờ chết của Tôkubê và phàn nàn mãi tại sao lúc khâm liệm không nhớ cho một miếng vàng vào miệng người quá cố "vì việc đó hệ trọng lắm. "

Riêng tôi, không nghĩ gì đến Tôkubê nữa vì những gì tôi thấy hồi sáng ghê rợn quá, đến lúc ấy còn làm cho tôi muốn ói.

Giờ đây tôi cứ ngồi uống và chỉ biết uống thôi. Tôi là tay rượu, nhưng chưa có bao giờ lại uống dữ đến như thế uống đến độ mà hai ông bạn ra về hồi nào tôi cũng không hay.

Nửa khuya, tôi chợt thức dậy vì cánh cửa sổ đập âm âm. Lá cây y lãg kêu rào rào, thỉnh thoảng lại có mấy cành khô gãy kêu răng rắc và rơi lộp bộp xuống cái sân sau nhà.

Tôi nằm im không động dậy để nghe.

Ở ngoài kia, trời tối om om, tối mịt mù, thỉnh thoảng lại có một lần chớp xanh lè lóe lên và chạy ngoằn ngoèo như những con rắn ở trên nền trời thấp lè tè, sũng nước,

"Quái, sao lại thế này? Bay giờ là cuối tháng chạp sắp Tết, khí hậu phải hanh hao mới đúng, sao khi không lại nổi đông gió và như muốn mưa to thế này?"

Tôi lắng nghe một chút nữa thì trời chuyển ầm ầm rồi mưa xuống như trút nước. Những lùm chóp xanh lè lóc lên nhiều hơn. Tôi lười biếng ngồi dậy đóng cửa sổ lại thì vừa lúc ấy, Mẹ Hoát bước vào với o Phương Thảo. Họ chào tôi. Tôi hỏi:

- Ủa, Mẹ đi đâu mà khuya khoắt thế này?

- Chúng tôi đi lễ Phật vì hắc thầy Tư đã rõ là chỉ còn vài ngày nữa thì đến Tết. Chúng tôi đi các chùa để nghe kinh. Lần trước, lúc già biệt thầy tôi còn nói "còn lâu lắm mới trở về". Nhưng hôm nay, qua đây, gặp trời mưa chúng tôi vào tạm lánh ở đây và cũng nhân dịp chúc mừng thầy một năm mới tốt lành.

Lần thứ nhất, tôi mới gặp hai cái bóng nhếch miệng cười. Tự nhiên tôi thấy vững dạ hơn một chút.

Mẹ Hoát nói:

- Thầy Tư đạo này có mạnh không?

- Cảm ơn mẹ. Tôi bình thường. Nhưng riêng hôm nay tôi cảm thấy buồn quá vì chúng tôi vừa nói chuyện với nhau về cái lẽ sống và chết ở đời.

- Những người hay suy nghĩ bao giờ cũng buồn, chớ chẳng phải riêng những lúc bàn luận về cái sống và chết. Tôi nhớ hình như có một lúc thấy thầy Tư nói rằng sống mới khó chứ chết thì dễ lắm. Tôi ngờ rằng chưa hẳn thế đâu, thầy ạ. Chết cũng khó như sống vậy. Khoan nói rằng có nhiều người sống muốn chết mà vẫn tiếc nuôi; chỉ nói về những người chết thật mà thôi, thầy Tư có thấy bao nhiêu người chết thật rồi mà vẫn làm khổ cho người sống không? Đó là những người chết mà còn mang cái oán ngày trước đi theo mình xuống suối vàng chờ đợi một dịp nào đó trả lại cái oán ngày trước mới được siêu sinh, chứ không vẫn cứ còn bận tâm, thắc mắc mãi, không thể nào yên.

Tôi chợt nhớ đến vụ Tôkubê bị roi quất vào mặt, ngã lăn trên mặt đất chết tươi và tôi lại nhớ đến đám bốc mộ hôm nay, quan tài Tôkubê đầy nước bùn, chỉ còn lại mấy cái xương đem về Phú Thọ hỏa thiêu.

- Mẹ vừa nói... tôi nghe ra rồi... thế thì tôi có thể nghĩ rằng cái quan tài của Tôkubê đầy nước... không còn gì hết... có phải là...

- Tôi hiểu ý thầy Tư nói gì rồi. Lạy Trời Phật... tôi xin trả lời đây: Tôi là người không bao giờ lại nuôi cái oán hận sâu độc đến thế, không bao giờ lại có tâm đại xấu xa đến thế. Từ trước, tôi không muốn nói chuyện này ra sợ làm phiền lòng thầy Tư. Nhưng bởi vì bây giờ thầy Tư đã biết câu chuyện rồi, tôi thiết nghĩ cũng nên nói ra để cho thầy Tư khỏi ngộ nhận tôi là một người xấu, không xứng đáng nhận một cảm tình của thầy Tư đã giữ cho tôi.

"Tôi nhận mình không có một tấm lòng cao cả của các bậc giáo chủ yêu thương nhân loại hơn cả yêu thương mình, chủ trương lấy ân trả oán, ai tát má bên phải thì đưa má bên trái cho người ta tát. Không, tôi là người thấp kém. Ai làm nhục tôi thì tôi né, ai đánh tôi thì tôi đỡ, nhưng nếu đã né hay đã đỡ mà cứ nhục mạ tôi, cứ đánh tôi thì tôi đối phó và tôi sẽ đánh lại!"

"Chắc thầy Tư đã biết tôi đã đem phương pháp sống đó ra thực hành với Tôkubê như thế nào rồi. Tôi không né, nhưng tôi van xin, tôi không đánh nhưng tôi chạy. Vậy mà Tôkubê không biết thương tôi lại chửi rủa, khinh miệt và đuổi theo tôi, định đánh chết người đã chết. Dầu hèn đến chừng nào đi nữa, tôi cũng phải căm thù. Chính vì lòng căm thù đó đã tạo cho tôi một sức mạnh mà chính tôi cũng không ngờ. "

"Hôm Tôkubê ở nhà thầy Tư ăn lễ tân gia ra về, tôi không ngờ cái sức mạnh của thù hận, của căm hờn lại ghê gớm đến thế. Thực tình tôi quất vào đầu, vào mặt của ông ta chỉ là để cảnh cáo mà thôi. Tôi giận nhưng mà thương ông ta, tôi oán nhưng mà không quên ông ta có vợ trẻ và hai đứa con nhỏ. Phải, tôi chỉ muốn cảnh cáo thôi. Không ngờ... thực không ngờ... Tôi tự hỏi không biết có phải là định mệnh đã sắp như thế không, có phải cái phần số mệnh của ông đến ngày ấy, tháng ấy, là hết không, chớ thật tình tới tận bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao mấy cái roi cảnh cáo đó lại có thể làm cho ông ta chết bất đắc kỳ tử như thế được.

"Dầu sao, tôi cũng thấy rằng bao nhiêu tội lỗi về phần tôi cả và nếu có là ngộ sát chẳng nữa thì tôi cũng phải nhận lấy trách nhiệm đã sơ xuất trong

hành động, thiếu bình tĩnh trong khi đối phó. Không biết bao giờ tôi mới trả được cái nợ này. Hẳn là bây giờ thầy Tư đã biết tại sao tôi và cháu Phương Thảo chỉ tìm đến các chùa chiền để nghe kinh và đem hết tâm thành ra sám hối...

"Người chết không bao giờ nói dối. Thầy Tư có thể tin tưởng tôi. Chúng tôi thành tâm sám hối việc đã trót làm, thế thì nhất định không bao giờ lại có thể theo dõi Tôkubê mà hại cả ở trong quan tài... như thầy Tư đã nghĩ. Không, không thể như thế được. Một người hèn đến chừng nào đi nữa cũng không thể làm như thế. Chúng ta là con người, khi thấy kẻ thù ngã xuống thì đều quay lại xót thương. Bao nhiêu thù hận đều xóa hết, cả người sống lẫn người chết đều là anh em, không còn phân biệt, đâu là thù đâu là bạn...".

Mưa ở ngoài mỗi lúc một to hơn.

Tôi say quá, gục đầu xuống bàn giấy ngủ lúc nào không biết.

Đến sáng, mở mắt dậy thì hai cái bóng mẹ Hoát và o Phương Thảo đã biến đi từ lúc nào rồi.

Xa xa, có tiếng gà gáy te te. Ở ngôi chùa gần đấy, tiếng nhà sư tụng kinh lúc trầm lúc bổng. Mưa đã ngớt hạt nhưng vẫn rơi đều đều. Trời buồn quá thể là buồn. Lòng tôi buồn quá đến là buồn. Tôi vắn một điều thuốc Lào và ngâm khe khẽ mấy câu thơ cũ của Bạch Lạc Thiên:

Bôn lưu phó hải vô đôi ba,
Hiền ngu quý tiện đồng quý tận.
Bắc Mang trùng mộ cao ta nga
Cổ lai như thử phi độc ngã,
Vị tử hữu tử thảo cao ca
Nhan Hồi đoản mệnh, Bá Di ngã,
Ngã kim sở đắc diệc dĩ ta...

Rồi lấy giấy bút chép mấy câu tạm dịch ra lời Việt:

Nước trôi ra biển có về được đâu!
Ngàn xưa quý tiện, nghèo giàu,
Chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì.
Bắc - Mang ai đó đi về,
Thấy chẳng mả nọ mồ kia ngút ngàn?
Huyền vi cái lẽ tuần hoàn,
Phải dân tua chịu riêng oan một mình.
Rượu ngon hãy uống cạn bình
Hát vang quên khuấy cái hình phù du.
Nhan Hôi chết yếu nhớ chưa?
Bá Di chết đói đến giờ còn ghi.
Ngẫm mình dám oán hận chi
Được như thế ấy, có khi đã nhiều...

Bỗng nhiên tôi cảm thấy lạnh lạnh ở lưng. Ngồi thật yên lặng để nghe thì hình như có người đứng ở đâu gần đó. "Ừa, thế ra Mẹ Hoát và o Phương Thảo chưa đi à?".

Tôi quay lại, yên chí rằng hai cái bóng ma đứng ở cạnh tôi đang đọc hai câu thơ tôi vừa viết lên mặt giấy. Hóa ra lầm. Đó chỉ là tiếng gió thổi dài. Mà tiếng thánh thót như gần như xa không phải là nước mắt tuôn rơi, mà là những giọt mưa đọng trên những tờ lá y lã rách nát nhều từng giọt, nhều từng giọt xuống mảnh sân rêu ướt đầy những xác hoa vàng ố.

Viết xong vào mùa mưa, 3 giờ sáng ngày 30 - 4 Quý Sửu 1973

.

